

NĂM
NGƯỜI
ĐÀN
BÀ

IHARA
SAIKAKU

SU TIM

PHAM
THI
NGUYỆT
DỊCH



vh
HỘI KHUYẾN
VĂN HỌC

IHARA
SAIKAKU

NĂM
NGƯỜI
ĐÀN
BÀ

SỨ TÌNH

PHẠM
THỊ
NGUYỆT
DỊCH



vh VIỆN VĂN HỌC

epub©vctvegroup

29-11-2017

Thế giới của yêu ma và tấn tuồng đời khinh bạc

Thời đại Edo (1603 – 1867) dưới sự lãnh đạo của Mạc phủ Tokugawa kéo dài 264 năm có thể xem là một trong những thời kỳ êm đềm nhất trong lịch sử Nhật Bản. Với chính sách bế quan tỏa cảng, người Nhật dựa vào nội lực của chính mình để phát huy đặc tính văn hóa trên tất cả lĩnh vực từ cá tính dân tộc, tay nghề, mỹ thuật... Giai cấp samurai được khuyến khích coi trọng văn hơn võ; giai cấp thương gia ngày càng trở nên giàu có. Thêm vào đó nhờ vào sự phổ cập các trường tư thục, trường dạy trong chùa (terakoya 寺子屋) và kỹ thuật in ấn phát triển, sách in bằng bản khắc gỗ ra đời nên dân thường có điều kiện tiếp xúc với văn chương. Văn học được đại chúng hóa và văn hóa trở thành văn hóa của thị dân (Chonin bunka 町人文化).

Sinh vào đầu thời Edo, Ihara Saikaku (Tỉnh Nguyên Tây Hạc 井原西鶴) (1642 – 1693) là nhà thơ haiku và tác gia tiêu biểu cho dòng tiểu thuyết “phù thế thảo tử”. Phần lớn cuộc đời ông viết về cuộc sống thị dân Edo với những mối quan tâm về tiền bạc và sắc tình. Với khả năng quan sát nhạy bén và tài năng đa dạng, Saikaku đã khắc họa tinh tế bản chất con người trong một xã hội của kim tiền và sắc dục. Những tác phẩm của ông vẫn còn có giá trị cho đến ngày hôm nay vì cho dù có văn minh đến đâu nhưng tâm lý con người ngàn năm nay vẫn không hề thay đổi. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là “Năm người đàn bà si tình” (Hiếu sắc ngũ nhân nữ 好色五人女).

Ueda Akinari (Thượng Điền Thu Thành 上田秋成) (1734 – 1809) vốn là con hoang của một kỹ nữ, sau được một thương nhân nhận nuôi để nối nghiệp nhưng cuối cùng lại chuyển sang nghề y. Ueda có niềm tin sâu sắc về những truyện huyền bí. “Vũ nguyệt vật ngữ” (雨月物語 Truyện kể trong

mưa và trăng) đúng như tên gọi được viết xong vào đêm mưa tạnh trăng mờ năm 1768. Tuy viết về chuyện yêu ma quỷ quái nhưng lại ẩn chứa rất nhiều bài học về thế thái nhân tình.

Hai tác phẩm tiêu biểu “Năm người đàn bà si tình” và “Vũ nguyệt vật ngữ” đặt song song và tương chiếu với nhau giúp chúng ta thấy được cuộc sống và quan niệm nhân sinh của người dân Nhật Bản thời Edo một cách sống động và chân thực và từ đó có thể rút ra bài học cho chính mình trong cuộc đời hôm nay. Đặc biệt là lời cảnh tỉnh về sắc dục và ái tình. Từ xưa đến nay đã có biết bao nhiêu tấn tuồng đời diễn ra với mùi vị của kim tiền. Chính tiền bạc và sắc dục đã biến con người trở thành yêu ma, yêu ma vì tình mà trả thù người, người và yêu ma lẫn vào nhau, chung sống với nhau. Như xà tinh trong truyện “Con rắn tà dâm” vì tình mà uổng phí công tu luyện ngàn năm, nhà sư trong truyện “Chiếc khăn trùm đầu màu xanh” của “Vũ nguyệt vật ngữ” vì tình yêu với chú tiểu mà biến thành một con yêu quái. Chính Ueda Akinari cũng thừa nhận: “Trên núi ái tình mà bản thân Khổng Tử cũng trượt ngã, người đời dễ quên đi nghĩa vụ của mình và cả bản thân mình nữa”^[1]. Còn truyện “Năm người đàn bà si tình” thì kết thúc hầu hết là bi thương, nhân vật chính không chết thì cũng đi tu. Ái tình đã biến thành nghiệp chướng. Cả hai tác phẩm này đều đã có bản dịch tiếng Việt dù không đầy đủ. “Năm người đàn bà si tình” của Ihara Saikaku được Phạm Thị Nguyệt dịch, Nhà xuất bản Tiền Giang ấn hành năm 1988. Còn “Vũ nguyệt vật ngữ” được Nguyễn Trọng Định dịch với tên “Hẹn mùa hoa cúc” do Nhà xuất bản Kim Đồng in năm 2000. Những trích dẫn trong bài của chúng tôi là lấy từ hai bản dịch này.

“Năm người đàn bà si tình” thuộc thể loại tiểu thuyết xã hội (ukiyo zoshi – phù thế thảo tử 浮世草子). Theo Nguyễn Nam Trân thì “Chữ ukiyo đã được người Nhật dùng từ thời Trung Cổ với ý nghĩa là cuộc đời (thế) đầy buồn khổ lo lắng (ưu), chữ Hán viết là “ưu thế” (憂世 cuộc đời đầy lo buồn). Chữ dùng này đã phát xuất từ quan điểm vô thường và tư tưởng yếm thế sinh ra từ những thế kỷ chiến tranh và ly tán. Tuy nhiên đến thời cận đại thì lối lý giải ấy đã thay đổi. Họ mượn từ Hán “phù thế” 浮世 (cuộc đời trôi

nổi) để diễn tả quan niệm này. Cùng lúc nội dung từ ukiyo (phù thế) lại được người thời Edo hiểu khác đi. Nó có nghĩa là “lối sống tự do phóng túng trong luyện ái, sắc dục, và tích cực hưởng lạc”. Tóm lại, “ukiyoshi đã xuất hiện như là loại tiểu thuyết phong tục miêu tả xã hội đương thời.”^[2]

Còn “Truyện kể trong mưa và trăng” là loại tiểu thuyết độc bản (yomihon 読み本), dùng để phân biệt với loại sách có tranh vẽ (ehon 絵本), chủ yếu dành để đọc. Từ điển Quảng Từ Uyển giải thích là truyện hư cấu, nhiều tình tiết phức tạp, nội dung chủ yếu nói về nhân quả báo ứng của Phật giáo và giáo huấn đạo đức.

“Vũ nguyệt vật ngữ” (雨月物語 – Truyện kể trong mưa và trăng) hoàn thành năm 1768 gồm 9 truyện “Đỉnh Shiramine”(白峰), “Hẹn mùa hoa cúc” (菊花の約), “Ngôi nhà trong bãi sậy”(浅茅の宿), “Cá chép trong giấc mơ”(夢心の鯉魚), “Bupposo” (仏法僧), “Chiếc nồi hơi ở Kibitsu” (吉備津の釜), “Con rắn tà dân” (蛇性の姪), “Chiếc khăn trùm đầu màu xanh” (青頭巾), “Bàn về sự giàu nghèo” (貧富論). Trong đó hai truyện “Ngôi nhà trong bãi sậy” và “Chiếc nồi hơi ở Kibitsu” được xem là hay nhất trong tập truyện, chịu ảnh hưởng của “Truyện nàng Ái Khanh” và “Chiếc đèn mẫu đơn” trong “Tiển Đẳng tân thoại” của Cù Hựu.

“Chiếc nồi hơi Kibitsu” tuy khởi đi từ điềm báo mang tính định mệnh luận nhưng là một truyện rất hay về niềm tin, tình yêu, sự bội phản và trả thù của con người. Shotaro, vốn là người con độc nhất của gia đình Izawa, “chán ghét công việc đồng áng, chỉ thích rượu chè, ăn chơi trụy lạc, không đếm xỉa gì đến lời răn đe của gia đình”. Hết sức phiền lòng, cha mẹ mới bàn chuyện lấy vợ để Shotaro thay đổi tính nết. Có người mai mối giới thiệu cô con gái nhà Kadasa là Isora vốn đẹp người đẹp nết, am hiểu thơ ca. Nhưng khi đến hỏi ý kiến thần linh ở đền Kibitsu qua chiếc nồi hơi “nếu là điềm lành thì khi nước sôi, nồi nước phát ra tiếng sùng sục, nếu là điềm gở thì nồi im lìm” thì kết quả là xấu vì nồi hơi cứ im hơi lặng tiếng. Gia đình Kadasa vẫn tổ chức hôn lễ cho hai người. Isora về nhà chồng rất siêng năng làm việc, hết mực hiếu thảo với cha mẹ chồng. “Shotaro cũng đánh giá cao thiện

chí của vợ và cùng nhau sống hòa thuận. Nhưng làm thế nào để chống lại những thiên hướng xấu xa của một con người ích kỷ?”

Shotaro mê một cô ả giang hồ là Sode, bỏ tiền chuộc nàng ta và làm một căn nhà ở làng bên cạnh để sống cùng nhau ngày này qua tháng khác, bất chấp lời khuyên ngăn của Isora và cha mẹ mình. Một lần, trong khi cha mình vắng nhà, Shotaro nói với Isora là mình rất ân hận và sẽ từ bỏ người đàn bà kia nhưng muốn ít tiền để đưa nàng ta lên kinh thành làm người phục dịch cho gia đình sang trọng. Isora cả tin rất vui mừng bán hết tư trang, xin thêm tiền mẹ đưa hết cho Shotaro. Thế là Shotaro cùng ả giang hồ kia bỏ trốn lên kinh thành.

Đau khổ vì bị lừa gạt đến mức đó, Isora lâm bệnh nặng. Trong khi đó Shotaro và ả nhân tình Sode đến trú ngụ tại nhà người bà con của Sode. Nhưng Sode bệnh nặng rồi chết. Shotaro đau khổ chôn cất tình nhân. Khi ra viếng mộ chợt gặp một người con gái trẻ. Khi Shotaro theo nàng về nhà thì nữ chủ nhân lại chính là hồn ma của Isora. Nàng thề sẽ trả thù. Shotaro lăn ra bất tỉnh. Hắn chạy về nhà gặp thầy phù thủy xin bùa chú trong bốn mươi hai ngày. Mỗi đêm hồn ma lảng vảng bên ngoài nhưng không vào được vì có bùa chú dán trên cửa nhà và cửa sổ. Đến đêm cuối cùng, mừng vì tai qua nạn khỏi, Shotaro chạy ra khỏi nhà lúc trời chưa sáng hẳn. Hồn ma ngay lập tức giết hắn, chỉ còn một túm tóc lơ lửng trên mái nhà. “Lời tiên đoán của thầy phù thủy thật dị thường và điềm dữ chiếc nời hơi quả là đúng sự thật, “đó là điều đáng trân trọng”, người ta bảo nhau như vậy trong khi kể lại câu chuyện này”.

Các tình tiết trong truyện tăng dần mức độ thử thách cho đến đỉnh điểm và khi niềm tin bị bội phản đến mức phũ phàng thì sẽ đến lúc báo thù. Tuy là truyện truyền kỳ, nói về yêu ma nhưng cũng là nói về tâm lý con người cõi thế. Lòng ghen tuông của người đàn bà, sự bội phản niềm tin có thể gây ra những trận đòn thù kinh khiếp nhất. Lòng tham nào rồi cũng sẽ bị trả giá. Cuối cùng ta sẽ mất hết cả những điều quý giá đang có trong tay.

Truyện “Ngôi nhà trong bãi sậy” nói về lòng chung thủy đợi chờ của người vợ xinh đẹp Miyagi với người chồng Katsushiro. Nghe lời rủ rờ của

gã con buôn Soji, Katsushiro quyết chí lên kinh thành buôn tơ lụa dù Miyagi hết sức can ngăn. Katsushiro hẹn “mùa thu tới sẽ trở về” nhưng rồi cướp bóc, chiến tranh loạn lạc liên miên nên mãi mà không về được. Trong khi đó ở quê nhà, Miyagi với nhan sắc của mình được rất nhiều người để ý nhưng nàng đều cự tuyệt. Cho đến bảy năm sau, Katsushiro cuối cùng mới được về quê. Trong cảnh nhập nhạng, anh ta thấy ngôi nhà cũ của mình vẫn còn như xưa và người vợ vẫn chung thủy đợi chờ. Sáng hôm sau thức giấc, Katsushiro thấy mình đang nằm giữa chốn hoang vu, bên cạnh là nấm mộ của vợ anh. Bàng hoàng, Katsushiro đi tìm lại người trong làng, hỏi rõ ngọn ngành mới hay nàng đã chết từ năm năm trước nhưng biết Katsushiro trở về, hồn ma tìm đến để ôn lại chuyện xưa. Katsushiro quay trở lại nấm mộ của Miyagi khóc lóc và cầu phúc cho nàng.

Truyện diễn tiến như một giấc mộng hư ảo của cuộc đời. Vì chỉ ham chút lợi vật chất mà cuối cùng Katsushiro thành kẻ trắng tay. Tiền buôn cũng bị cướp sạch, người vợ xinh đẹp cũng không còn nữa. Phải chăng con người ta luôn không biết quý những gì mình đang có cho đến khi mất đi thì mới hay? Và có cần phải đi tìm kiếm tận phương xa nào một niềm hư ảo mà quên mất ngay bên cạnh mình cũng đã có một tri âm: “Chái bếp hiên sau cũng ngọt ngào một lời cho nhau”. Như vậy chẳng cũng phải đã quá đủ cho một kiếp đời hay sao? Có cần phải day dứt: “Bao năm qua rồi còn gối chiếc, nghe lòng nhiều nỗi tiếc; Thương nhau rồi, xa nhau rồi, một lần dang dở ấy, Đêm lạnh vui với ai?” (Trúc Phương)

“Vũ nguyệt vật ngữ” thực ra mượn chuyện ma để nói chuyện người, huyền tưởng, truyền kỳ ở đây đã trở thành nghệ thuật (dĩ huyền độ chân). Vốn dĩ yêu ma không đáng sợ bằng chính bản thân con người. Như chính Saikaku đã nhận định “đáng sợ hơn nhiều chính là những con quỷ trong hình hài người hủy hoại mạng sống của những người ngu dại. Hồn người thì cũng đen tối như đêm hai mươi tám tháng Bảy mà những chiếc đèn lồng nơi hiên nhà không đủ soi sáng”.

Sự đen tối của tâm hồn con người trước cám dỗ của sắc dục được miêu tả rất tinh tế trong “Năm người đàn bà si tình”. Nhưng không có tội lỗi nào mà

không bị trừng phạt, chỉ là vấn đề sớm hay muộn mà thôi. Motiv tội ác và trừng phạt được khắc họa sắc nét trong tác phẩm qua các truyện tiêu biểu “Chuyện về nàng Oshichi si tình”, “Chuyện về vị phu nhân đa tình” và “Chuyện nàng Osen đa tình”.

Oshichi vốn là con gái duy nhất của một người buôn trái cây tên là Hachibei ở Edo. Vào đêm Hai mươi tám Tết, khu phố phát hỏa và mọi người phải đến chùa Kichijo trong vùng tạm trú. Nơi đây, nàng gặp một chàng thiếu niên võ sĩ anh tuấn tên là Kichisaburo. Hai người lén viết thư từ qua lại cho nhau. Và rồi dịp may đến vào đêm mười lăm tháng Giêng khi các nhà sư phải đi chuẩn bị tang lễ cho Hachizaemon, một người bán gạo trong vùng. Oshichi lén đi gặp Kichisaburo và hai người tình tự. Bà mẹ biết chuyện mới lôi Oshichi về nhà, không cho tạm trú ở chùa nữa. Nhớ nhung, Kichisaburo mới giả làm một người nhà quê tìm đến nhà Oshichi xin ngủ trọ vào một đêm mưa tuyết và “ái ân cũng lặng lẽ như hình những con thiên nga vẽ trên bức bình phong rục rở phía sau”. Bình minh đến chia cách đôi lứa rồi đêm ngày Oshichi nhớ mong. Trong một đêm mưa “nàng bỗng nhớ lại cái đêm xảy ra hỏa hoạn làm nàng phải đến trú ngụ trong chùa. Và nàng nghĩ rằng một tai họa như thế sẽ đem cho nàng dịp may gặp lại Kichisaburo. Ý tưởng điên rồ này đưa nàng đến một hành động vô phương cứu chữa. Nàng châm lửa đốt nhà nhưng dân chúng lần theo dấu khói và bắt gặp Oshichi ở đúng địa điểm gây hỏa hoạn”. Oshichi bị xử tử hình. Trong khi đó, Kichisaburo đêm ngày thương nhớ Oshichi, không hay nàng đã chết. Người thân, bạn bè không dám báo tin cho chàng, sợ chàng tự sát. Nhưng rồi chàng cũng biết và sau khi được các vị sư khuyên giải, Kichisaburo quyết định xuất gia. Truyện kết thúc bằng lời nhận định: “Câu chuyện này được kể lại – đầy tình và khổ – cốt để chỉ cho thấy cuộc đời bất trắc và hư ảo dường nào, giống hệt như một giấc mộng hoang dã và hoang đường.”^[3]

“Chuyện về vị phu nhân đa tình” bắt đầu bằng một cuộc tranh luận mỹ nhân thú vị. Bốn chàng công tử nổi tiếng ở kinh thành sau khi đi xem hát về ghé trà thất ngắm người qua lại và tìm kiếm người phụ nữ đẹp nhất. Đầu tiên có “một người phụ nữ trạc hăm ba, hăm bốn đi ngang qua, sắc đẹp hiếm có,

cặp mắt tinh anh, chiếc cổ thon thả yêu kiều... Nàng bước đi uyển chuyển nhịp nhàng, hông lắc lư một cách rất tự nhiên”. Thế là “một trong mấy chàng trai kêu lên: “Ôi, thật đáng giá ngàn vàng!”, nhưng lời nói chưa kịp thốt ra thì vị phu nhân quay đầu lại nói điều gì đó với người theo hầu, vừa hé môi ra đã lộ chiếc răng sún, làm cho bốn chàng tan hết ảo mộng”. Có nàng thì trên gương mặt đẹp có một vết sẹo dài, có nàng kiều kỳ thanh thoát nhưng lại mang theo ba đến bốn đứa con, giả vờ như không quan tâm gì đến chúng. Cuối cùng bốn chàng mới tìm được vị phu nhân Osan, được mệnh danh là Tân Komachi mà “chỉ về sau người ta mới hiểu ra rằng biết bao tai ương ẩn giấu dưới cái sắc đẹp yêu kiều ấy”. Nàng là vợ của một viên quan làm lịch. Trong suốt ba năm từ ngày về nhà chồng Osan phục vụ tận tình chu đáo. Nhưng rồi viên quan có công chuyện phải lên Edo. Phụ thân Osan lo lắng cho sức khỏe con gái mình nên mới chọn một chàng trẻ tuổi là Moemon đến phụ giúp. Người hầu gái của Osan là Rin có tình ý với Moemon nhưng không biết chữ nên nhờ Osan viết thư giùm mình. Moemon trả lời lại rất xác xược. Vì tức giận thay cho Rin, Osan lên kế hoạch hẹn Moemon đến gặp Rin vào đêm mười bốn tháng Năm. Kế hoạch sắp đặt là Osan sẽ thay chỗ của Rin, cho mấy người hầu gái cầm đèn và gậy gộc chờ sẵn, khi nghe nàng kêu thì chạy đến ngay. Nhưng không may là cả Osan và đám đầy tớ vì quá mệt mỏi nên đã thiếp ngủ đi hết. Moemon tìm đến ân ái rồi quay về mà cứ tưởng đó là Rin. Osan thức dậy phát hiện sự thật bẽ bàng. Nàng quyết định gặp Moemon thú nhận hết tất cả rồi từ đó “đôi tình nhân bắt đầu chơi trò chơi sinh tử – trò chơi nguy hiểm nhất trong tất cả các trò chơi”.

Trước hết hai người giả vờ đã tự tử chết rồi đưa nhau về quê bắt đầu lại cuộc sống mới. Chồng của Osan cư xử với nàng như với một người vợ hiền đã mất. Ông lập bàn thờ và gọi các nhà sư đến tụng kinh siêu độ cho nàng. Gần đến lễ hội tháng Chín có người bán trái lật ghé thăm nhà chồng Osan và nói rằng mình có thấy một người giống hệt phu nhân sống cùng một chàng trai trẻ sống ở làng Kirito. Chồng cũ Osan đến bắt hai người và xử tội chết.

Truyện “Nàng Osen đa tình” cũng có một kết thúc đầy bi thảm. Nàng Osen là người hầu gái cho một phu nhân giàu có, sống trong một cơ ngơi đồ sộ gần khu Tenma. Có nhan sắc, được nhiều người để ý nhưng Osen chưa hề biết đến yêu đương. Trong khi đó có một chàng thợ mộc tương tự Osen mê mê. Được bà mối Nanny giúp đỡ, hai người đến được với nhau. Đôi vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng chỉ vì lòng ghen của bà vợ Chozaemon, một người chế men rượu vu oan cho Osen có tình ý với chồng mình mà Osen cảm thấy chua cay đến mức quyết định ngủ với Chozaemon thật sự “để dạy cho con mụ đàn bà ấy một bài học”. Vào ngày lễ hội tháng Giêng, Chozaemon theo Osen về nhà. Khi hai người chuẩn bị ái ân thì người thợ mộc thức dậy. Chozaemon vội vàng ném quần áo chạy thoát thân còn Osen thì tuyệt vọng lấy lưỡi bào thợ mộc đâm ngập tim mình mà chết.

Truyện kết thúc trong bi kịch và có thể mượn lời trong truyện “Nàng Osen đa tình” để tóm tắt lại ba câu chuyện tiêu biểu trên của “Năm người đàn bà si tình” như sau: “Tên họ được kể lại trong vô vàn bài hát, bài thơ truyền tụng đến các vùng rất xa với lời cảnh cáo: “Thế giới này nghiêm khắc và tội lỗi không bao giờ thoát khỏi bị trừng phạt”.

Hai nhà văn Saikaku và Ueda sống cùng thời, viết truyện tuy khác thể loại nhưng lại chung một chủ đề về lòng ham mê sắc dục và kim tiền của con người. Cả hai tác phẩm “Vũ nguyệt vật ngữ” và “Năm người đàn bà si tình” đều dạy cho chúng ta những bài học đau xót về sự buông thả của con người trước cám dỗ cuộc đời. Đặc sắc của hai tác phẩm là ngoài kể chuyện còn đưa vào thêm những lời bình nhận xét khi thì bông đùa, khi thì mỉa mai, lúc lại thở than thương tiếc, lúc lại thâm trầm sâu sắc trải đời làm cho những câu chuyện được kể thành đa thanh, sống động.

Chẳng hạn chuyện “Hẹn mùa hoa cúc” trong “Vũ nguyệt vật ngữ” nói về võ sĩ Akana để giữ trọn lời hứa trở về thăm người em kết nghĩa Samon vào ngày hội hoa cúc ngày chín tháng Chín đã tự sát vì “con người ta một ngày không thể đi được ngàn dặm nhưng một hồn ma thì trong một ngày dễ dàng vượt qua” trong tập “Vũ nguyệt vật ngữ” được mở đầu thế này: “Cây liễu

mơn mơn xanh tươi vào mùa xuân, chớ trồng nó trong vườn! Lá liễu sớm xanh tốt vào mùa xuân nhưng bản thân liễu có chống nổi làn gió thu đầu mùa không? Người không kiên định để kết thân nhưng tình bạn chẳng được bao lâu. Mỗi khi xuân về liễu lấy lại sắc màu, còn kẻ không kiên định thì khi đã đoạt tuyệt bạn bè không một lời thăm hỏi”^[4] và câu kết thúc lại nhấn mạnh: “Quả là không nên kết thân với những kẻ không kiên định.”

Còn trong truyện “Nàng Oshichi si tình” của Saikaku thì có những nhận xét thâm thúy như sau: “Ở trên đời này ta đâu có bất cần được. Khi đi đâu xa, ta phải giấu tiền trong lưng cho kín đờng để ai thấy. Đừng đưa dao cho người say rượu, và nhất là đừng để con gái mình cho một thầy tu thấy, cho dù ngài có vẻ thoát tục đến đâu đi chẳng nữa” hay “định mệnh là vô thường mà cũng không gì tàn nhẫn cho bằng”...

Ngoài sự liên hệ với nhau về sắc dục ái tình, hai tác phẩm này còn chung một điểm là đều được một trong ba đạo diễn lừng danh nhất của Nhật là Mizoguchi Kenji (hai người kia là Kurosawa Akira và Ozu Yasujiro) dựng thành phim. Phim “Vũ nguyệt vật ngữ” lấy hai truyện trong tập là “Ngôi nhà trong bãi sậy” và “Con rắn tà dâm” phát hành năm 1953. Còn “Năm người đàn bà si tình” được quay lần đầu năm 1948, còn lần thứ hai năm 1954 do chính tay đạo diễn Mizoguchi Kenji dựng phim.

Bản chất con người ở đâu và ở thời nào cũng đều vậy. Có phải thế chẳng mà văn chương khắc họa biến chuyển tâm lý con người dù thời đại nào hay quốc gia nào cũng đều gây cho chúng ta những ấn tượng sâu sắc? Có chẳng khác biệt là cách diễn đạt mà thôi. Cả hai tác phẩm trên đã cho chúng ta thấy sự đau khổ vì ái tình trong cõi đời vô thường phù thế. Vậy làm thế nào để giải thoát đây? Nếu như có thể rút ra một bài học sâu sắc nhất từ hai kiệt tác trên có lẽ là bài học về sự kiềm chế lòng tham dục. Xin gửi tặng quý độc giả một câu trong kinh Pháp Cú mà chúng tôi mượn làm lời kết cho bài viết này: “Ở thế gian này nếu hàng phục được ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rụng như nước giọt lá sen.”^[5]

Sài Gòn, tháng 10/2015

Hoàng Long

TÁC GIẢ

Theo những tài liệu hiếm hoi còn sót lại, người ta được biết Ihara Saikaku (1642 - 1693) không những là một nhà viết tiểu thuyết tiếng tăm mà còn là một thi sĩ lừng lẫy của thời đại ông sống, đồng thời cũng là nhà viết kịch và người bình luận về sinh hoạt sân khấu Nhật Bản.

Người ta không biết gì nhiều về thuở thiếu thời cũng như những ngày cuối cùng của đời ông. Chỉ biết ông sinh tại Osaka năm 1642. Vợ ông mất sớm, để lại cho ông một đứa con gái mù lòa và cũng chết sau đó vài năm. Những nỗi đau khổ trong cuộc đời riêng đó không làm ông rút lui khỏi cuộc sống, cạo đầu xuất gia như cách ứng xử của phần đông người Nhật đương thời, trái lại ông biến chúng thành lòng say mê đi và viết. Từ những tác phẩm của ông, người ta có thể khẳng định rằng việc ông đi và sống khắp nước Nhật đã đem lại cho ông một kiến thức vô cùng phong phú về từng con người, từng địa phương Nhật Bản.

Ông bắt đầu được giới văn chương chú ý khi trở thành môn đồ chủ chốt của trường phái thơ Darin ở Osaka. Cũng từ nơi đây, ông chịu ảnh hưởng của phong trào thơ tự do, chống lại những quy luật, những hình thức cứng cõi của thi ca truyền thống. Ông chủ trương mở rộng đề tài và chủ trương đọc thơ bằng một giọng đọc tự nhiên, không cách điệu. Những bài thơ của Saikaku lấy cảm hứng và đề tài từ cuộc sống thường nhật của thị dân Nhật Bản đã khiến cho nhà thơ Basho (Ba Tiêu) nổi tiếng đương thời đánh giá là tầm thường, kém hứng khởi, nhưng cũng chính những bài thơ này đem lại cho Saikaku tiếng tăm rộng rãi ở Osaka. Vào tuổi ba mươi sáu, theo người ta truyền tụng, ông đã sáng tác một ngàn sáu trăm bài haikai liên tục và vào tuổi bốn mươi ba, trong một buổi trình diễn suốt một ngày một đêm, cũng theo người ta truyền tụng, ông đã đọc liên tục hai mươi ba ngàn năm trăm

đoạn thơ của mình. Có lẽ cũng từ đó mà ông mang biệt danh Ni man Okina – Nhị Vạn Lão Sư – biệt danh nói lên sức sáng tác đặc biệt của ông.

Cũng vào thời gian này, Saikaku quay sang viết tiểu thuyết, tuồng và ghi lại những nhận xét của mình về hoạt động sân khấu Nhật Bản. Ông thường viết về những diễn viên trẻ đương thời, về những nét đặc biệt trong cuộc đời của họ. Nhưng chính trong lĩnh vực tiểu thuyết mà Saikaku đã trở thành khuôn mặt nổi tiếng của lịch sử văn học Nhật Bản, vì nó phản ánh đặc sắc tâm lý thị dân Nhật thời đại đó.

Bước vào thời cận đại – thương nghiệp và cùng với đó là đô thị phát triển – Kyoto, Edo, Osaka,... trở thành những trung tâm kinh tế quan trọng, nhất là từ khi Sứ quân Hideyoshi chọn Osaka làm thủ đô năm 1583. Từ những đô thị này, nhất là từ Osaka, phát sinh một tầng lớp thị dân đông đảo và từ tầng lớp thị dân này nảy sinh một thế giới quan mới, một thế giới quan hướng về một cuộc sống giàu có, hạnh phúc, cuộc sống mà nước Nhật Bản thời Trung đại đã biết. Giờ đây, ngược lại với Bushi-do (đạo của võ sĩ) vốn phổ biến rộng rãi khắp nước Nhật phong kiến dưới ách Sứ quân, là Chomin-do (đạo của thị dân) mà trong đó điểm nổi bật là lòng khao khát đi tìm hạnh phúc cá nhân trong tình yêu. Là người phát ngôn của tầng lớp thị dân đó, Saikaku đã thể hiện trong tiểu thuyết của mình không phải những hiệp sĩ ước lệ, những tiết phụ khuôn sáo mà là những thương nhân, những người bán hàng rong, nhà nghệ sĩ, người hành khất, những chàng trai và nhất là những phụ nữ, từ những tiểu thư khuê các cho đến các cô gái làng chơi, tất cả đều là những con người đích thực. Những con người đang yêu hoặc khao khát đi tìm một tình yêu, đi tìm một cuộc sống hạnh phúc không phải ở đời sau mà ngay chính trong cuộc đời trần thế này của họ.

Nếu cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Saikaku – cuốn *Người đàn ông si tình* – được đánh giá là tác phẩm hiện thực nhất của ông thì cuốn *Năm người đàn bà si tình* được công chúng xem là đầy chất tưởng tượng và thơ mộng hơn. Dù là hiện thực hay thơ mộng, những tác phẩm của Saikaku phần lớn đều chấm dứt bằng số phận bi thảm của các nhân vật trong truyện: kẻ chết, người quyền sinh, kẻ thì phải xuất gia... Bởi lẽ tầng lớp thị dân Nhật Bản

thời đó, dù đông đảo, vẫn chưa phải là một lực lượng độc lập; ngược lại, họ vẫn là một lực lượng phụ thuộc bên cạnh tầng lớp thống trị là giai cấp phong kiến. Thực trạng đó được phản ánh vào văn học bằng sự thất bại, bằng kết cục bi thảm của cá nhân trên con đường chinh phục hạnh phúc, chinh phục tình yêu. Những cuộc hành trình đó luôn luôn được thuật lại một cách ngắn gọn, cô đọng và đặc sắc bằng một giọng văn cố tình làm ra hững hờ để che giấu niềm cảm thông, hoặc đôi khi dí dỏm để che giấu nỗi đau xót của một chứng nhân thời cận đại Nhật Bản – Ihara Saikaku.

PHẠM THỊ NGUYỆT

Chuyện về nàng Oshichi si tình

Một năm mới tối tăm cho những cặp tình nhân mới

Cơn gió mùa đông dữ tợn thổi từ Đông Bắc xuống và những đám mây di chuyển vùn vụt trên bầu trời u ám tháng Chạp. Mọi người bận rộn chuẩn bị năm mới. Ngoài cửa hiệu làm *mochi*^[6], tiếng chổi tre kêu xoành xoạch. Các đĩa cân thì nhẵn bóng lên bởi được dùng quá nhiều. Đường phố đầy người bán hàng rong, rao bán củi dầu, trái thông, lạt khô hoặc những con tôm hùm khổng lồ. Quả thật, vào mùa cuối năm, thương nhân đâu có nghỉ ngơi được chút nào.

Vào nửa đêm Hai mươi tám Tết, một vài ngôi nhà trong khu phố phát hỏa, cảnh hỗn loạn diễn ra. Người ta kéo vội những hòm xiềng nặng nề ra khỏi những tòa nhà đang bốc cháy. Rồi những đồ đạc khác thì nhét vào gùi, xách, đeo lên lưng chạy ra, còn những đồ vật nhẹ hơn thì ném đại qua cửa nhà kho. Những thứ khác thì chỉ một lát sau biến thành tro cả. Như khi cánh đồng bốc cháy, con chim trĩ lo đến đàn con nó trước hết, những người bị nạn cũng lo tập trung con cái đang chạy nhốn nháo trong cơn hỗn loạn. Lòng nặng trĩu, họ kéo đến nhà bạn bè tá túc.

Khu Hongo ở Edo có một người làm nghề bán trái cây tên là Hachibei – xưa vốn thuộc dòng quyền quý – có một đứa con gái tên là Oshichi, mười lăm tuổi, đẹp như hoa, dịu dàng như ánh trăng. Thật phải lấy làm tiếc rằng, nàng không sinh ra ở thời Narihira, bởi con chim xanh *miyako*^[7] đã không tìm nổi cho chàng một người phụ nữ đẹp đến như vậy. Dẫu sao thì phải nói rằng vào thời này, Oshichi là người mà tất cả đàn ông đều thèm muốn.

Đêm đó, khi ngọn lửa lan tới nơi họ ở, mẹ của Oshichi đem nàng đến một ngôi chùa trong vùng – chùa Kichijo – là nơi họ thường đến lễ từ nhiều năm nay. Hai mẹ con tạm trú ở đó. Nhưng không phải chỉ có họ đến tị nạn mà thôi. Phòng sư trụ trì đầy người đến tị nạn. Tiếng trẻ sơ sinh khóc vang trong

phòng, mấy bà tự trái quần áo ra phơi ngay trước tượng Phật. Người ta nằm la liệt trên sàn, người này gối đầu lên thân người kia. Nhiều bà vợ bước đại qua đầu chông. Đến sáng hôm sau chiếc thùng đựng chuông chùa biến thành chậu giặt quần áo, còn những tách trà lớn thì được lấy làm chén ăn cơm. Tuy nhiên, đức Phật đã từ trên cao nhìn xuống, với một nụ cười bao dung, hi xả.

Bà mẹ để mắt trông chừng Oshichi, bà dặn: “Đời này hay lừa đảo lắm, ngay cả trong giới thầy tu đi nữa.” Và tuy cẩn thận thế, bà vẫn không gặp may.

Đêm nọ, một cơn mưa dữ dội ập đến làm những người tị nạn cực kỳ khốn khổ. Thương hại họ, nhà sư trông coi đền đặc trong chùa đem hết quần áo, vải vóc dư trong chùa cho dân chúng mượn. Trong số đó có một bộ áo dài phụ nữ bằng lụa đen, thêu lá và hoa, với một đường chỉ đỏ chạy quanh thân dưới, giống như một lối đi bao quanh ngọn núi. Hình thêu đó đối với Oshichi dường như có một ý nghĩa đặc biệt. Nó càng tăng thêm vẻ huyền ảo bởi mùi trầm hương thoang thoảng trong chùa.

“Không biết đó là của cô gái nào đã rời bỏ thế giới này, để lại cho đời sau nhìn ngắm? Cô gái này có lẽ cũng cùng tuổi với mình, thế mà bất hạnh thay! Mình không biết nàng, nhưng chắc số phận của nàng cũng là số phận của kẻ hồng nhan. Cuộc đời chẳng qua là một giấc mộng, chẳng có gì là đáng giá, chỉ có sự giác ngộ, chỉ có cuộc đời sau là thực mà thôi.”

Lòng sâu nảo, Oshichi bèn mở xách của mẹ lấy ra chuỗi tràng hạt cầm tay. Nàng tụng đi tụng lại kinh *Liên Hoa*. Nhưng đang lúc niệm kinh thì nàng bỗng chú ý thấy một thiếu niên võ sĩ, một tay đang cầm cây nhíp bạc, cố gắng nhổ một cái dằm cắm đầu đó nơi ngón cái của bàn tay phải. Dưới ánh hoàng hôn chập choạng, chàng ta loay hoay mãi mà không nhổ được.

Bà mẹ Oshichi thấy vậy không chịu được, bảo chàng ta lại gần để bà nhổ hộ. Bà cầm cây nhíp và cố gắng một lúc cũng không tìm được cái dằm, vì bà đã lớn tuổi, mắt cũng chẳng trông rõ gì.

Thấy mẹ mình và chàng trai cực nhọc như vậy Oshichi nghĩ rằng cần phải có một đôi mắt trẻ, khỏe như mắt nàng mới thấy được cái dằm. Tuy nhiên,

nàng còn ngần ngại không chạy đến giúp họ.

May thay, mẹ nàng gọi. Cầm lấy cái nhíp, nàng nhổ được cái dằm ra làm anh hết đau ngay. Nhưng bây giờ thì ý tưởng của chàng trẻ tuổi chỉ tập trung nơi người nhổ dằm chứ không phải nơi chính cái dằm nữa. Chàng xúc động nắm chặt lấy tay nàng. Cũng như chàng, nàng không muốn bỏ đi, nhưng sợ mẹ đang nhìn, cả hai đành phải chia tay.

Oshichi đi vài bước, cố ý giữ cái nhíp bạc trong tay. Một lúc sau, nàng bảo mẹ: “Ồ, con phải trả cái nhíp lại cho người ta.” Nàng chạy theo và nắm chặt tay anh. Thế là anh hiểu nàng cũng đang trong tình trạng xao động như anh...

Từ đó, Oshichi tư tưởng hoài đến anh. “Chàng trai trẻ đó là hạng người nào vậy?” Một hôm, nàng hỏi vị sư trông nom phòng trai.

“Đó là ngài Onogawa Kichisaburo, con nhà dòng dõi và là một hiệp sĩ không phục vụ cho lãnh chúa nào. Ngài ấy là một người dịu dàng, đa cảm.”

Nghe vậy, Oshichi càng nghĩ nhiều hơn về Kichisaburo. Nàng viết thư và bí mật gửi cho anh. Cuối cùng có người đến thay anh trả lời. Thư này qua thư khác, bày tỏ lòng khao khát của đôi bên, cho đến khi họ yêu nhau hoàn toàn. Nhưng yêu bằng thư từ thì đâu có đủ. Họ chưa gặp được nhau, chưa yêu nhau thật sự thì thế giới này đối với họ vẫn ảm đạm vô cùng.

Đêm Ba mươi Tết trôi qua. Mặt trời lại mọc lên như một hạt kim cương. Năm mới rực rỡ – mọi người, mọi vật tưng bừng. Nhưng riêng với những kẻ mới yêu nhau mà phải năm tách biệt nhau thì có gì là xuân đâu. Rồi những ngày Tết qua đi, người ta nhổ nêu và chấm dứt lễ tiết. Đó là những ngày trống rỗng, vô vị đối với những đôi tình nhân bị ngăn cách.

Trong tiếng sấm mùa xuân

Từ Yanagiwara, nơi cơn mưa mùa xuân đang rắc những hạt nước trong như ngọc xuống những cành liễu xanh mướt, một người đàn ông đến gõ cửa nơi cổng chùa vào đêm hôm mười lăm, đánh thức các nhà sư dậy, báo tin: “Hachizaemon, người bán gạo, vốn bệnh đã lâu, vừa mới qua đời tối nay. Thân nhân người chết muốn chôn cất ông ta ngay tối nay.”

Đó là một công việc cần đến nhà chùa nên các nhà sư phải lo dậy để sửa soạn tiến hành tang lễ. Không đợi trời bớt mưa, các nhà sư lấy dù che và rời chùa ngay. Trong chùa chỉ còn lại một bà già nấu bếp đã bảy mươi tuổi và một chú tiểu mười một, mười hai tuổi cùng một con chó lông xù đỏ. Cả hai, cũng như những người tị nạn tại chùa, đều lắng nghe tiếng gió rít qua rặng thông, sợ hãi nghe tiếng sấm kinh hồn của tháng Giêng đang rung chuyển mặt đất. Bà già nấu bếp lấy một ít đậu khô vãi ra để xua đuổi ma quỷ trong ngày Tết theo tín ngưỡng cổ truyền, rồi chui hẳn vào chái sau nấp.

Bà mẹ Oshichi cũng lo lắng cho con gái: “Con hãy cẩn thận, trùm khăn lên đầu, khi nghe tiếng sấm thì nhớ che tai lại.” Phụ nữ khi sợ hãi thì sẽ làm đủ chuyện.

Nhưng Oshichi thì khác, nàng nghĩ rằng đây là dịp rất tốt để gặp Kichisaburo. “Đêm nay hoặc không bao giờ.” Nàng quyết định thế và nói với người chung quanh: “Tại sao lại phải sợ tiếng sấm nhỏ nhoi đó nhỉ? Tôi sẵn sàng chết trong ngọn lửa. Tôi không còn lo lắng cho đời sống của mình nữa.”

Mấy người hầu gái nghe vậy cho rằng nàng làm phách thế thôi, thật ra Oshichi cũng chẳng gan dạ gì hơn những người đàn bà khác, vì thế họ cười nhạo nàng.

Đêm khuya dần, mọi người đi ngủ và không còn nghe tiếng mưa rơi trên mái chùa nữa. Khi tất cả lặng yên và ánh trăng xuân chiếu xuyên qua cánh

cửa chớp, Oshichi chui ra khỏi phòng, gót chân ngập ngừng không biết đi về hướng nào. Đột nhiên, chân nàng giẫm phải một người nào đó đang ngủ giữa sàn nhà.

Sợ thất thần, Oshichi suýt té nhào. Nàng không thốt một lời, hai tay chấp lại chực cầu nguyện, nàng ngạc nhiên thấy người nằm ngủ không quất lên hoặc làm âm ỉ.

Thu hết can đảm, Oshichi cúi người nhìn kỹ, thì ra đó là người tớ gái Mume.

Oshichi bước qua người cô ta, Mume đột nhiên nhồm dậy và níu lấy áo nàng, làm nàng suýt đứng tim một lần nữa.

Oshichi tự hỏi, chẳng biết cô ta có ngăn mình lại không. Không, may thay, cô ta chỉ đưa chiếc khăn cho Oshichi rồi ngủ tiếp.

Nhẹ nhõm cả người, Oshichi tiếp tục lần ra chỗ các nhà sư ở, nhưng không thể tìm ra nơi người yêu ngủ. Thất vọng, nàng đi lần xuống bếp, thấy bà đầu bếp già đã thức, đang cào nhàu mấy con chuột quấy phá. Bà đang bận rộn với một nồi nấu, một thùng bột đậu nành. Bà chợt thấy Oshichi. Bà vỗ lên lưng nàng và nói thẳng: “Kichisaburo ngủ nơi phòng nhỏ của chú tiểu đấy.”

Không thể ngờ rằng bà bếp lại tốt với mình như vậy, Oshichi cảm thấy yêu bà già vô cùng. Nàng nghĩ: “Trong chùa mà lại có người tốt như vậy nhỉ?” và gỡ chiếc khăn ra khỏi đầu, nàng đi về phía căn phòng nhỏ.

Hắn đã gần đến canh ba rồi, bởi tiếng chuông vang lên khắp chùa, nhắc chú tiểu thắp hương nơi bàn thờ Phật. Thế là chú tiểu thức dậy, thắp hương, đốt trầm. Chú ngồi chỗ bàn thờ một hồi lâu. Thời gian này đối với Oshichi thật dài vô tận vì nàng đang nóng ruột băng qua đó để vào phòng ngủ. Đột nhiên Oshichi nảy ra một ý, nàng kéo xõa tóc bù xù, nhăn nhó mặt mày làm qui, tiến lại gần dọa chú tiểu. Nhưng, dầu còn trẻ đã thấm nhuần tinh thần đại hùng của đức Phật, chú tiểu dễ gì sợ hãi.

“Chị hẳn là một mụ đàn bà điên, đầu tóc rối bời, đi nhông ngoài đường. Chị muốn phá chùa hả? Được, cứ đợi các thầy về rồi muốn gì thì muốn. Giờ

thì cút đi!” – Chú tiểu nghiêm khắc ra lệnh, ánh mắt chẳng có vẻ sợ hãi chút nào.

Oshichi thảng thốt lùi lại nhưng rồi lại tiến tới gần chú tiểu: “Tôi chỉ muốn chú dẫn tôi vào phòng ngủ của chú mà thôi.”

Chú tiểu bật cười: “Ý chị muốn kiếm Kichisaburo chứ gì? Chúng tôi vừa ngủ với nhau thật đấy,” vừa nói vừa vén vạt áo lên làm chứng. Vạt áo còn thoang thoang mùi hương trầm.

“Đừng! Tôi không còn chịu nổi nữa đâu,” nàng thở một tiếng dài và vệt lổ băng về phòng ngủ.

Chú tiểu chặn trước nàng, la lớn: “Ê, Oshichi tìm trai đấy.”

Hết hồn, Oshichi van nài chú im lặng: “Chú muốn bất cứ cái gì tôi cũng xin hứa sẽ mua cho chú.”

“Thế thì, xem nào, tôi nghĩ rằng không có gì tôi thích cho bằng mười đồng tiền mặt, một bộ bài và năm cái kẹo *manju* đấy.”

“Mấy thứ đó dễ có lắm. Ngay sớm mai tức thì tôi sẽ gửi cho chú,” nàng hứa.

Chú tiểu bèn bỏ đi và nghĩ: “Sáng sớm mai mình sẽ có ba thứ đó. Chắc chắn có.”

Thế là Oshichi có thể buông mình cho ham muốn. Nàng háo hức nằm xuống bên cạnh chàng Kichisaburo đang ngủ.

Chàng giật mình thức giấc khi Oshichi kéo vạt áo ngủ chàng đang trùm trên mặt xuống.

“Sao chàng để tóc rối tung như vậy?,” nàng kêu.

“Tôi sợ Sư cụ lắm,” Kichisaburo van nài.

“Thì chính em cũng sợ Sư cụ nữa.”

Đột nhiên, cơn mưa dụi bớt và một tiếng sấm rền vang lên trong đêm tối.

“Ôi, dễ sợ quá.” Oshichi kêu lên và ôm chặt lấy Kichisaburo và thế là việc yêu đương trở nên tự nhiên, dễ dàng hơn.

“Tay chân em lạnh lắm,” Kichisaburo nói và siết nàng chặt hơn.

Oshichi hờn dỗi: “Thư chàng viết cho em thì có vẻ chàng yêu em lắm đấy. Thế mà để thân thể này lạnh lẽo thì tại ai?” Rồi nàng cắn mạnh vào cổ chàng.

Nhưng ngày đã rạng, chuông chùa vang inh ỏi, cơn gió xào xạc thổi qua rặng liễu trong sân chùa.

“Thật buồn. Ta chưa có thì giờ để sưởi ấm chiếc giường này thì đã phải chia tay rồi. Trần gian này rộng lắm, chẳng lẽ không có một xứ sở nào mà đêm kéo dài mãi mãi sao?”

Thật là hy vọng hão huyền, chẳng an ủi họ chút nào khi bà mẹ của Oshichi đột ngột xuất hiện để tìm con gái mà bà biết vắng mặt đêm rồi. Khi bà kéo Oshichi đi, Kichisaburo buồn thảm, tuyệt vọng, tim tan nát, y như chàng tình nhân Narihira thời trước khi bị ác quỷ dùng móng vuốt cướp mất người yêu của mình mang đi trong đêm mưa bão.

Chú tiểu không hề quên lời hứa của Oshichi hôm trước, dọa: “Nếu chị không cho tôi ba thứ như đã hứa, tôi sẽ nói cho mọi người biết hết chuyện đêm qua.”

Bà mẹ ngừng lại một lúc: “Tôi không biết chú nói chuyện gì, nhưng nếu Oshichi đã hứa cho chú cái gì thì tôi sẽ cho chú.” Rồi bà bỏ đi.

Một bà mẹ mà có con gái phóng đảng thì đâu thể cho mọi người biết chuyện được. Mẹ Oshichi biết con mình có nguy cơ bị tai tiếng, nên ngay sáng đó bà ra chợ mua mấy món đồ chú tiểu yêu cầu.

Nơi trú ẩn êm đềm trong đêm bão tuyết

Ở trên đời này ta đâu có bất cần được. Khi đi đâu xa, ta phải giấu tiền trong lưng cho kín đùng để ai thấy. Đùng đưa dao cho người say rượu, và nhất là đùng để con gái mình cho một thầy tu thấy, cho dù ngài có vẻ thoát tục đến đâu chăng nữa.

Bà mẹ Oshichi hẳn nhiên là biết rõ điều này khi bà lôi con gái ra khỏi chùa để về nhà, tách rời đôi trẻ đang khổ đau. Nhưng nhờ một người hầu gái tốt bụng, họ vẫn chuyề lén thư từ cho nhau, ít ra cũng chia sẻ được nỗi nhớ nhung. Thế rồi, một đêm nọ có một cậu nhà quê, rõ ràng là từ vùng quanh Idatashi đến, mang theo rổ nấm và phất trần bán kiếm sống qua ngày. Oshichi gọi cậu ta vào nhà, mua một ít nấm cho mẹ. Đêm đó tuyết rơi, mặc dầu là vào mùa xuân, nên cậu con trai không quay về nhà được, vì nhà xa quá. Chủ nhà thấy tội nghiệp cho cậu, mới bảo cậu ở lại trong một góc sân cho qua đêm để sáng sớm mai trở lại nhà.

Cậu ta trải chiếc chiếu rơm ở góc sân, đầu úp chiếc nón tre, phủ lên mình chiếc áo tơ bên bằng rơm, cậu nằm xuống ngủ qua đêm. Nhưng gió thổi mạnh quanh nơi cậu nằm, nền đất thì lạnh thấu xương. Một hồi sau, cậu thở khò khè, mắt mờ đi vì lạnh.

Oshichi thấy vậy, kêu lên: “Tội nghiệp cậu ta, cho cậu ta cái gì uống đi, một miếng nước nóng vậy!”

Thế là Mume, bà đầu bếp, rót một ít nước nóng cho người tớ trai là Kyushichi mang đến cho cậu.

Cậu ta thì thào cảm ơn.

Trong bóng tối, người đầy tớ trai chăm chú nhìn cậu nhà quê, đưa tay gạt lọn tóc trước trán cậu: “Trông cậu hẳn là sống ở kinh thành. Sao mà ra nông nỗi này?”

“Nhưng từ bé đến lớn tôi ở thôn quê mà. Tôi không biết gì ngoài việc đốn củi và kéo cây cả.”

Kyushichi bèn sờ chân cậu: “Thế mà bàn chân cậu không nứt nẻ và nổi chai gì nhỉ. Nào giờ thì đưa miệng cho tôi xem nào?”

Anh đây tớ cúi người chồm tới trên mình cậu ta thì cậu nghiêng chặt răng, nước mắt giàn giụa, trông hết sức khổ não. Anh ta thấy vậy bèn thôi không gạn hỏi nữa.

Lúc đó đã là giờ đi ngủ. Chủ nhà bảo đầy tớ soi đèn, khóa cửa. Mẹ Oshichi đóng chặt cửa phòng con gái. Trộm cửa, trộm tình đều không thể đột nhập được.

Nhưng, nửa đêm thì chuông cổng réo, người ta báo tin cháu gái của chủ nhân, ở gần đó, vừa sinh một bé trai. Thế là cha mẹ Oshichi choàng dậy, vội vã khoác áo choàng ngoài, rồi ra khỏi nhà, đem theo một bình nước cam thảo để tắm cho đứa trẻ sơ sinh, sau khi dặn cô con gái đóng cửa cẩn thận.

Oshichi đóng cửa, toan quay trở lại buồng ngủ thì chợt nghĩ đến cậu nhà quê. “Thắp cho tôi cây nến,” nàng bảo một người tớ gái, rồi đi ra sân tìm cậu con trai.

Cậu nằm trơ trọi trên nền đất lạnh, trông mới cô đơn và tội nghiệp làm sao.

Người tớ gái nhận xét: “Cậu ta khá rồi, thôi tiểu thư để cậu ta yên.”

Nhưng Oshichi vờ như không nghe cô hầu gái nói. Nàng bước lại gần đủ để cảm nhận mùi hương thơm tỏa ra từ áo lót của cậu con trai. Kéo phắt chiếc áo mưa phủ trên người cậu ra, nàng đứng đó, ngắm làn tóc rối bù và khuôn mặt tuấn tú của cậu ta.

“Cậu ta bao nhiêu tuổi nhỉ?,” nàng vừa nghĩ thầm vừa lùa tay vào trong áo cậu, thấy cậu mang áo lót bằng lụa vàng quý.

Nàng thảng thốt kêu lên: “Thế là thế nào?”

Cậu trai đó chính là Kichisaburo.

“Làm sao chàng lại đến đây trong hình thù như thế này?” Nàng kêu lên, rồi ôm lấy chàng trù mến, không kịp nghĩ rằng người ta có thể nghe thấy tiếng nàng.

Gặp nàng đột ngột, Kichisaburo không thốt nên lời. Một lúc mới nói: “Ta hóa trang thế này với hy vọng được thấy nàng trong một chốc. Nàng phải hiểu, tối nay ta chịu đau khổ vì nàng biết ngần nào.” Chàng bắt đầu kể lại mọi việc cho nàng nghe.

“Thôi, chàng vào trong nhà đã. Rồi chàng hãy kể cho em nghe tất cả những nỗi khổ nhọc của chàng vừa qua.” Nàng hỏi, nắm tay chàng dắt vào nhà.

Nhưng Kichisaburo, hồi chiều bị gió rét, yếu quá bước đi không nổi khiến Oshichi và người tớ gái phải nắm tay nhau làm cáng khiêng chàng vào nhà. Họ mang chàng vào nhà, tíu tít đem đủ thứ thuốc lại khiến chàng không nén nổi phải mỉm cười.

“Chúng ta sẽ cùng uống cạn cốc rượu tình và nói hết nỗi lòng cho nhau nghe đêm nay nhé.”

Hỡi ôi, vừa đúng lúc đó thì cha nàng về, tai họa suýt chút nữa lại rơi xuống đầu họ. Kichisaburo vội trốn đằng sau giá áo tưởng như bị bắt gặp tới nơi. May không có chuyện gì xảy ra.

Oshichi đón chào cha: “Chị Ohaisu và cậu bé khỏe chứ cha?”

“Ừ, nhờ trời mẹ tròn con vuông cả.” Cha Oshichi mừng rỡ, sung sướng khoe: “Nó là đứa cháu gái độc nhất của cha và cha lo cho nó lắm. Bây giờ mới thật nhẹ cả người.” Trong cơn hứng chí, ông vạch chương trình ngày lễ đầy tháng cho đứa bé. “Phải thêu hình Phúc, Lộc, Thọ trên áo gối bằng chỉ vàng này, phải...”

Một người tớ gái đề nghị: “Nhưng chủ nhân có nhiều thì giờ mà, để ngày mai rảnh rồi tính cũng được.”

“Không được, không được, ta làm sớm lúc nào tốt lúc đó.” Rồi ông lấy giấy bút trải ra giữa nhà bắt đầu vẽ kiểu. Mọi người đều phát chán, nhưng

phải một lúc lâu mới dể dành được ông đi ngủ.

Đôi tình nhân rất muốn tâm tình nhưng che chở họ chỉ có một bức bình phong, sợ mọi người nghe được. Họ bèn lấy bút mực để bày tỏ nỗi lòng cho nhau. Ái ân cũng lặng lẽ như hình những con thiên nga vẽ trên bức bình phong rục rở phía sau.

Bình minh đến, chia cắt họ. Đành xa nhau mà lòng không nguôi. Đời thật buồn, bởi họ không còn gặp lại nhau nữa.

Vĩnh biệt cánh hoa đào

Đêm ngày, con tim Oshichi tê tái, dù nàng chẳng mở miệng nói với ai một lời nào. Nàng cũng chẳng biết chừng nào thì gặp lại người yêu. Thế rồi, trong một đêm mưa, nàng bỗng nhớ lại cái đêm xảy ra hỏa hoạn làm nàng phải đến trú ngụ trong chùa. Và nàng nghĩ rằng một tai nạn như thế nữa sẽ đem cho nàng dịp may gặp lại Kichisaburo. Ý tưởng điên rồ này đưa nàng đến một hành động vô phương cứu chữa. Nàng châm lửa đốt nhà, nhưng dân chúng lần theo dấu khói và bắt gặp Oshichi ở đúng địa điểm gây hỏa hoạn.

Bị chất vấn, nàng kể hết mọi chuyện, không giấu giếm điều gì và chẳng bao lâu chuyện của nàng trở thành câu chuyện bi thảm nhất đương thời. Ngay ngày hôm đó, Oshichi bị dẫn đi bêu rếu khắp nơi trước công chúng: nơi cầu Kanda, trước quảng trường Shiba... Dân chúng tụ tập xung quanh, vừa thương vừa giận. Đến trời cũng không thể tha thứ cho tội lỗi điên rồ của nàng.

Còn cô gái thì chẳng có vẻ gì ăn năn day dứt nên nhan sắc không hề tàn phai. Nàng trông vẫn đẹp như xưa. Tóc vẫn mượt, khuôn mặt vẫn yêu kiều. Thì nàng đang tuổi thanh xuân mà. Nhưng ngay cả những đóa hoa xuân rực rỡ rồi một ngày kia cũng phải lìa cành, rơi xuống đất và tàn úa đi, trong khi tiếng chim cu rộn lên khúc ai ca buồn thảm: “Thế là hết, thế là hết.”

Nàng tự nhủ: “Chỉ là một giấc mơ, chỉ là một ảo vọng,” và nàng nguyện cầu đức Quan Thế Âm giải thoát. Trong tay nàng cầm một bông hoa đào nở muộm, do một kẻ nào đó vì cảm thông mà tặng cho nàng.

Nhìn cánh hoa, nàng khẽ hát: “Cõi đời này buồn biết bao. Ngày hôm nay ta sẽ rơi rụng như cánh hoa đào cuối cùng này, tiếng nhơ của ta sẽ bay theo làn gió xuân.”

Lời hát của nàng làm trĩu nặng thêm lòng của những người đứng gần nàng lúc nàng bị bức tử. Lúc bình minh, chuông ngân vang, trên đám cỏ bên vệ

đường giờ đây đã vàng úa, linh hồn Oshichi từ già cõi trần, tan vào làn khói lừng lơ trong bầu trời buổi sáng. Cái chết như làn khói của đời, đợi chờ nơi cuối mỗi con đường, không có gì chắc chắn hơn, cũng không có gì sâu thẳm hơn.

Nhưng đó là chuyện ngày hôm qua. Ngày hôm nay, nơi đây tro bụi đã cuốn đi, chỉ còn làn gió reo giữa những rặng thông. Khách du hành đi ngang qua nơi này đều nghe kể lại chuyện tình của Oshichi. Ai nghe chuyện cũng đều vào cúng lễ bên mộ nàng trước khi đi. Ngay hôm nàng chết, người ta cũng đã nhặt những mảnh áo của nàng và cất giữ. Chúng trở thành nguồn cảm hứng cho vô số câu chuyện về sau. Cả những người không biết rõ Oshichi lắm cũng đến trồng những cây quế bên mộ nàng.

Còn những người lý sự thì lấy làm lạ rằng: Tại sao người tình của Oshichi lại không chịu chết theo nàng? Thế là họ bắt đầu bàn tán những điều không hay về chàng mà không biết rằng chàng vẫn chưa biết về cái chết của Oshichi, rằng chàng vẫn yêu nàng điên dại đến nỗi hóa rồ. Thật ra, chàng cũng đang gần kề cái chết và gần như đã mất trí. Bạn bè quan tâm đến chàng bảo nhau: “Nếu mình báo tin về Oshichi, có cơ may chàng sống được chăng?”

Trong lúc đó, Kichisaburo đã chuẩn bị đầu vào đó để chấm dứt cuộc đời, bởi cái chết đã gần kề. Bạn bè chàng làm chàng hồi phục bằng cách nói với chàng những tin tốt lành, bảo: “Hoặc hôm nay, hoặc ngày mai, nàng sẽ đến với anh, dung nhan y hệt như xưa.”

Nghe vậy, tinh thần chàng sống động. Chàng từ chối không uống thuốc và nói như trong giấc mơ: “Nàng đâu rồi, ta yêu nàng, sao nàng chưa đến?”

Rồi chàng vật mình than khóc. Đến tuần tang, cha mẹ Oshichi khi làm tuần xong, lên chùa van nài xin phép gặp người yêu của con gái. Người ta giải thích bệnh tình chàng, cố thuyết phục cho cha mẹ Oshichi hiểu rằng việc báo tin Oshichi chết có thể mang lại một thảm họa khác. Bạn bè chàng bảo: “Nếu Kichisaburo là một đấng nam nhi, khi nghe tin này, chàng sẽ chết theo. Thôi ta cứ giữ kín cho đến khi chàng hết bệnh. Lúc đó ta sẽ thuật lại

cho chàng những lời cuối cùng của Oshichi và thay nàng nâng niu, chăm sóc chàng.”

Cha mẹ Oshichi ngậm ngùi nghe theo, dựng bia khắc tên nàng trong chùa. Bia mộ nàng luôn luôn ướt đầm vì nước mắt người thân. Hình dáng tấm bia sao trông giống hệt Oshichi dưới đôi mắt nhòa lệ của người mẹ. Thật vô thường, bất trắc, cái cảnh người mẹ bị bỏ lại trong cõi đời này để than khóc cho cái chết bi thương của đứa con gái mình.

Đột nhiên quyết định xuất gia

Định mệnh là vô thường, mà cũng không gì tàn nhẫn cho bằng. Kichisaburo trầm nghĩ: “Nếu mình chết đi, cả mối tình và nỗi sầu não của cuộc đời này cũng dứt.”

Vào ngày bách nhật của Oshichi, chàng chồm dậy chống cây nạng tre, đi dọc trong sân chùa yên tĩnh, lần đầu tiên, sau mấy tháng nằm trên giường bệnh. Chàng chú ý thấy một tấm bia mộ mới trong chùa và khi đọc tên người ghi trên tấm bia, chàng rưng rờ.

“Trời ơi! Sao không ai báo cho tôi biết cả. Thiên hạ không hiểu ta, họ sẽ trách ta sao lại chậm theo nàng.”

Chàng rút gươm, nhưng mấy vị sư kịp giữ chàng lại.

“Có thể đời sống của người không còn đáng giữ nhưng còn vị thệ huynh^[8] của người, còn vị Sư trưởng mà người phải bộc bạch hết nỗi lòng nữa chứ. Người hãy hỏi Người để Người định đoạt số phận. Chính người “thệ huynh” của người đã gửi gắm người cho nhà chùa chăm sóc. Bây giờ người phải nghĩ đến điều bất hạnh của việc người quyên sinh mang lại. Dầu sao người không thể để mình thành nguyên nhân cho một bi kịch khác được!”

Họ phân giải điều hơn lẽ thiệt và thuyết phục được Kichisaburo, chàng từ bỏ ý định quyên sinh. Nhưng chàng thật không còn ham muốn nào để sống trên cõi đời, chàng trình với Sư cụ như thế. Sư cụ khuyên:

“Đời con đã thề ước với người thệ huynh của con và người ấy gửi gắm con cho chúng ta săn sóc. Ông ấy hiện nay ở Matsumac, nhưng ta nghe mùa thu này thế nào cũng đến đây. Khi đó, con có thể giải bày mọi chuyện cho ông ấy rõ. Còn từ đây đến trước khi ông ấy tới, nếu có chuyện gì xảy ra thì ta có lỗi. Gặp ông ấy rồi, con sẽ được làm theo sở nguyện.”

Chàng vốn chịu ơn Sư cụ, nay nghe Sư cụ khuyên thế, chàng phải vâng lời. Mặc dù vậy, Sư cụ cũng cất giữ thanh kiếm và cho người canh gác chàng thật kỹ. Không có chuyện gì xảy ra cho đến một ngày nọ chàng đến phòng các nhà sư bộc lộ nỗi niềm.

“Tôi còn sống thật, nhưng tôi đã chịu đựng niềm sỉ nhục ghê nơi tất cả mọi người. Hỡi ôi, tôi đã thệ ước với một người rồi khi gặp cô gái ấy tôi đã trở thành nô lệ của nàng. Với thệ huynh tôi mang lại niềm đau khổ, với nàng tôi mang lại nỗi bất hạnh khôn cùng. Bây giờ ai cũng bỏ rơi tôi, cả Phật, cả Thần, cả mọi người!” Rồi chàng bật khóc nức nở: “Điều tệ hại nhất là khi thệ huynh tôi trở lại đây, không có cách nào tự biện giải trước Người. Tôi phải chấm dứt cuộc đời ngay thôi, trước khi Người trở lại. Nhưng mà cần lưỡi hay treo cổ thì người ta thấy ghê rợn quá. Xin các thầy hãy thương tôi mà trao cho tôi thanh gươm. Tôi tiếp tục sống nữa có ích gì?”

Chàng nói qua màn lệ, các vị sư thấy cảm thương quá đều lấy vạt áo chùi nước mắt. Khi song thân Oshichi nghe chuyện đó, họ bèn đến gặp chàng.

“Chúng ta đều biết cậu đau khổ thật tình, nhưng Oshichi nhiều lần đã nói trước khi chết: “Nếu Kichisaburo yêu con thật tình, chàng sẽ từ bỏ thế giới này và xuất gia. Bằng cách đó, chàng sẽ chăm sóc con khi con khuất. Con không bao giờ quên chàng. Cả trong kiếp sau, tình con với chàng cũng không bao giờ phai.””

Thấy những lời trăng trối của Oshichi vẫn không thuyết phục nổi chàng đừng quyên sinh và thấy chàng có vẻ sắp cần lưỡi tự sát, mẹ Oshichi liền cúi mình lại gần nói nhỏ điều gì đó vào tai chàng. Bà nói điều gì không ai rõ cả nhưng sau khi lắng nghe bà một lúc Kichisaburo gật đầu.

Cuối cùng, vào mùa thu, người thệ huynh về đến chùa và khuyên giải người bạn trẻ đôi điều, kết quả là Kichisaburo đi tu. Thật buồn khi nhìn mái tóc đẹp của chàng bị cạo nhẵn! Vị sư cạo đầu cho chàng xong liền ném con dao đi. Thật giống một cơn mưa đột ngột hủy hoại một bông hoa tươi thắm đang nở rộ. Có lẽ dẫu còn sống, Kichisaburo chịu đựng một số phận ác

nghiệt hơn cả Oshichi. Nói về chàng, người ta bảo đó là nhà sư đẹp nhất thế gian và mọi người nghĩ rằng đó quả là một điều rất buồn.

Thế nhưng, đối với những kẻ mà nghiệp tình đưa họ đến cửa Thiền thì rất chân thành với lời phát nguyện của mình. Bản thân người thệ huynh của Kichisaburo sau khi trở về quê cũ ở Matsumac cũng phát nguyện xuất gia.

Câu chuyện này được kể lại – đầy tình và khổ – cốt để chỉ cho thấy cuộc đời bất trắc và hư ảo dường nào, giống hệt như một giấc mộng hoang dã và hoang đường.

Chuyện về Seijuro Ở Himeji

Bóng tối là thời gian cho tình yêu, tình lấy đêm làm ngày

Xuân đến, chiếc tàu chở đầy châu báu gói đầu lên những đợt sóng êm ả trong vịnh Morutsu. Ở đây có một thương nhân chuyên cất rượu sa-kê tên là Izumi Seizaemon, giàu có, nhà không thiếu thứ gì. Trời còn ban cho ông một đứa con trai đỉnh ngộ tên là Seijuro Seijmo có vẻ đẹp dịu dàng còn vượt xa vẻ đẹp của Narihira, vị anh hùng thần thoại thường được vẽ trong các tranh cổ Nhật Bản.

Đẹp và dịu dàng với phụ nữ, Seijuro đã quen với tình yêu từ thuở mới mười ba tuổi. Ở thị trấn này số gái thanh lâu lên đến tám mươi bảy cô, thế mà chẳng có cô nào anh không biết. Thư tình viết cho anh dồn lại thành bó, móng tay mà họ cắt gửi cho anh để thề non hẹn biển cả một bao tải chứa không hết. Những lọn tóc đen các ả trao cho anh đủ bện thành một con bím dài, trói cả chục người cũng được. Hàng ngày, anh nhận hàng đồng thư tình cũng như hàng đồng quần áo bằng lụa quý các ả tặng anh mà anh chẳng hề mặc bao giờ. Đó là những trang phục quý giá đến nỗi có thể làm cho bất cứ thương nhân nào ở Osaka cũng thèm thuồng. Anh dồn tất cả vào một đồng và viết dòng chữ trước cửa nhà: “Kho tàng trên Cõi thế.”

Nhưng trên đời này có ai lười biếng, lãng phí mà sung túc được lâu đâu. Kẻ chung quanh thấy thế lấy làm buồn cho anh và bảo: “Chẳng bao lâu cậu sẽ chẳng còn gì.” Thế nhưng để gì mà từ bỏ cuộc đời hoan lạc đó được, huống chi lúc ấy Seijuro lại đang si tình một cô gái làng chơi tên Minakawa bằng một nỗi niềm tuyệt vọng, một nỗi đam mê khác thường khiến kẻ chung quanh bắt đầu xì xào bàn tán.

Rồi một hôm nọ, nơi lầu xanh anh thường lui tới, anh thắp đèn dầu lên mặc dầu đêm trăng sáng, anh đóng cửa, kéo rèm để ánh sáng không lọt ra ngoài; nơi đây anh tạo ra một chốn thiên đường vô tận, một đêm hoan lạc

vĩnh hằng. Anh rủ một bọn vô công rồi nghề đến giúp vui thêm cuộc chơi. Họ hò hét, bắt chước tiếng dơi kêu, tiếng gõ mõ. Mấy mụ trùm thì vừa đọc kinh Phật vừa rót trà. Họ lấy tăm đốt lên để giả làm một vụ hỏa thiêu và dưới ánh sáng chập chờn, họ tuôn ra những bài hát kể về những việc hoan lạc thường làm trong đêm. Cuối cùng, để giả làm “những hòn đảo trơ trụi” – như một người trong bọn thấy trên bản đồ, họ bắt các ả làng chơi thoát y toàn bộ, mặc dù các nàng phản đối. Trong số các nàng đang đỏ bừng mặt vì lỏa lồ, có một cô gái mới vào nghề tên là Yothizaki đang cố gắng che đậy một vết sẹo trắng toát nơi đùi. Thấy vết sẹo đó, bọn đàn ông bỗng cut hứng và họ quay ra chế nhạo ả bằng cách long trọng cúi mình chào cái vết sẹo kia. Rồi nhìn những ả khác, họ bỗng nhận thức được rằng không có sắc đẹp nào mà không có tí vết. Thế rồi dần dần cả trò chơi này cũng không còn làm họ vui thú nữa.

Đúng lúc đó cha của Seijuro như một cơn lốc giạt dữ ập vào nhà, bắt gặp mọi người trong tình trạng không kịp che đậy.

Seijuro van nài cha: “Xin cha hãy tha thứ cho con lần này. Từ nay con hứa sẽ không bao giờ dám làm những điều điên khùng thế nữa.”

Nhưng cha anh hoàn toàn không cần nghe anh xin lỗi: “Ra khỏi đây và cút khỏi nhà tao.” Nói xong, ông vội vã đi mất.

Tủi nhục, buồn thảm, Minakawa và mấy ả làng chơi bật khóc. Nhưng Jisuke, một trong những chủ lâu xanh, thì không hề bối rối, ông nói với Seijuro, giờ đây chỉ còn là một người tứ cố vô thân, mất hết tài sản: “Một con người dù trần như nhộng cũng đáng giá một cái gì đó. Dù chỉ còn một chiếc khố che thân người ta cũng vẫn có thể thành công trên con đường đời. Đừng để chuyện vừa qua làm mất can đảm, anh bạn ạ.” Thế là giữa cơn sầu thảm, ông ta vẫn tìm thấy niềm vui để đãi mấy người khách một chén rượu sa-kê. Họ uống, chẳng mấy chốc lại quên bằng chuyện buồn vừa rồi.

Nhưng mấy người chủ lâu xanh khác thì đâu có thấy vui. Sự lạnh nhạt của họ hiện rõ. Khách vỗ tay gọi phục vụ thì không thấy tiếng thưa, đến giờ ăn cũng chẳng thấy ai mang cơm cháo gì lên cả.

Trà thì cũng có mang lên một hai tách, nhưng cũng chẳng thềm để trong khay nữa. Còn bọn đầy tớ trước khi ra khỏi phòng đã vắn đèn thật nhỏ, cho khỏi hao dầu. Rồi cuối cùng các ca kỹ cũng lần lượt bị gọi đi.

Hỡi ôi, đổi thay là luật của thanh lâu, còn sự tử tế thì phải tính bằng tiền chứ.

Minakawa, lòng tê tái, nán lại khi mấy ả làng chơi kia đã đi khỏi. Mặt cô đầm đìa lệ.

Seijuro chỉ còn biết thốt lên: “Ôi đau lòng quá.” Và anh nghĩ rằng anh chỉ có thể sống nếu Minakawa không đòi cùng đi theo anh.

Nàng đoán anh nghĩ gì, nói: “Chàng đang nghĩ đến chuyện quyên sinh. Ôi diên khùng! Mặc dầu em rất muốn nói “Cho em theo chàng,” em vẫn còn nhiều hệ lụy trong thế gian này, em không thể quyên sinh được. Trong nghề em, trái tim em nay thuộc người này mai người khác. Chàng hãy xem chuyện tình chúng ta là chuyện đã qua.” Nói xong nàng đứng dậy đi ra.

Nghe lời lẽ không ngờ, Seijuro bỏ luôn ý định quyên sinh. “Mấy ả làng chơi này mới hay thay lòng đổi dạ làm sao! Lúc nào cũng sẵn sàng tống khứ người tình cũ của mình đi.”

Mặt đầy nước mắt, anh toan đứng lên bỏ đi thì bỗng Minakawa trở lại, trang phục trắng toát, níu lấy anh: “Chàng làm sao sống được? Chàng sẽ đi đâu bây giờ? Ôi, đây là lúc nên chấm dứt tất cả!” Nàng kêu lên vậy rồi rút trong tay áo ra một cặp đoản đao.

Thấy người yêu vẫn trung thành với mình, Seijuro sững sốt không nói nên lời. Người trong lầu xanh thấy chuyện lạ, kéo Minakawa ra và đem trả về cho chủ nàng. Còn Seijuro thì họ dẫn đến Eiko-in là đền thờ của gia đình anh. Nơi đây, Seijuro bắt đầu lại cuộc đời bên câu kinh tiếng kệ để chờ một ngày cha anh tha thứ. Tội nghiệp làm sao, mới mười tám tuổi mà đã sống cuộc đời muối dưa nẫu sòng.

Những bức thư trong làn vải của chiếc khăn quàng

“Khủng khiếp quá, gọi lương y, đem thuốc lại mau.”

“Chuyện gì vậy?”

“Minakawa quyên sinh rồi.”

Trong cơn hoảng hốt không còn ai biết làm gì để cứu giúp Minakawa và thế là con tim nàng ngừng đập. Thế gian này buồn thảm như vậy đó.

Trong hơn mười ngày họ giữ không cho Seijuro biết tin. Sau nhờ có thư mẹ viết, anh mới biết. Anh quyết định vì mẹ mà tiếp tục sống. Anh trốn khỏi Eiko-in đến thành phố Himeji, nhờ những người quen biết ở đó giúp đỡ.

Họ biết anh thuộc gia đình khá giả nên đối xử tốt với anh. Được một thời gian, nghe chủ nhân tiệm Tajima-ya đang tìm một người phụ tá để trông coi giúp cửa hiệu của mình, nếu Seijuro được vào làm nơi đó thì tương lai anh rất rục rờ. Thế là người ta giới thiệu anh, và anh bắt đầu học việc.

Seijuro làm rất tốt. Cư xử dịu dàng, nói năng tử tế, làm việc thông minh, mọi người yêu mến anh. Anh làm hết lòng, quên chuyện yêu đương, chỉ lo cải tiến nghề nghiệp. Chủ anh tin, giao hết việc cho anh. Anh làm ăn giỏi, chắc chắn sẽ là người thay thế chủ trong tương lai.

Thế nhưng ông chủ anh, Kyuemon, có một người con gái là Onatsu đã mười sáu tuổi, mặc dầu tính tình lãng mạn vẫn chưa thực sự yêu ai bao giờ. So với gái quê, hoặc ngay cả với các cô nàng xuân sắc ở Kinh đô, sắc đẹp nàng khó ai sánh nổi. Họ thường bảo sắc đẹp Onatsu còn vượt hơn cả người được xem là hoàng hậu của các nàng ca kỹ ở Shimatara, người mà trên ngực xăm đôi cánh bướm rục rờ. Ta chẳng nên nói vì sao Onatsu lại được đem so sánh với nàng ca kỹ đó. Chỉ cần nói đến Onatsu có nhân dáng một người tình tuyệt vời là đủ.

Chuyện xảy ra vào ngày nọ, khi Seijuro đến gặp Kame, người hầu gái trưởng, đưa cho bà này chiếc khăn lụa thêu hình con rồng: “Chiếc khăn này hơi rộng, nhờ bà sửa lại hộ cho tôi nhé.”

Khi tháo đường khâu của chiếc khăn, Kame khám phá ra rất nhiều lá thư nhỏ giấu trong đó. Bà vuốt thẳng, đọc từng cái. Có đến mười bốn, mười lăm lá thư, tất cả đều gửi cho Seijuro dưới biệt danh là “chàng Kiyo” còn tên người viết thư thì khác nhau: Hanacho, Kodayu, Okashi, Koyoshi... thôi thì đủ, tất cả đều là những ả làng chơi ở Murotsu. Các nàng đều bộc lộ một niềm gắn bó thiết tha với Seijuro bằng một mối tình cao thượng và diễn đạt hết sức chân thật. Không có lá thư nào viết bằng giọng điệu yêu đương mời mọc giả tạo thường thấy nơi các ả nghề này. Lời thư thẳng thắn chân tình và nếu chỉ đọc thư không thôi, không ai có thể khinh được các ả.

Xem những lá thư này, một người phụ nữ bắt buộc sẽ nghĩ rằng hẳn Seijuro có một biệt tài nào đó, từ những ngày còn chìm đắm trong hoan lạc trước đây. Biệt tài này hẳn là được giấu kín, nhưng những cô ả này đủ gần gũi thân mật với Seijuro để hiểu về tài năng tuyệt vời mà anh có được, qua ngần ấy kinh nghiệm trong tình yêu. Dẫu sao ý tưởng đó cũng nảy ra trong trí óc của Onatsu khi nàng được Kame cho biết rành rọt về những lá thư kia.

Thế là từ đó, từ sáng cho đến tối, trái tim Onatsu quặn lại vì niềm khao khát Seijuro. Như thể hồn nàng rời bỏ thân xác để bay đến tận trên ngực người nàng mơ tưởng. Giác quan bị ám ảnh, giờ đây nàng thấy hoa xuân bị mờ đi trong bóng tối, còn ánh trăng thu cũng chẳng khác gì ánh sáng ban ngày. Mắt không còn thấy màu tuyết trắng trong buổi bình minh mùa đông, tai không còn nghe tiếng cu gáy buổi chiều mùa hạ. Quả nàng không có ý thức gì về mùa màng, thời tiết, dẫu là năm mới đầu xuân hay là hội mùa hè tháng Tám nữa. Cuối cùng, Onatsu quên hết thảy. Nỗi đam mê khao khát hiện rõ trong từng ánh mắt, từng lời nàng nói.

Bọn tớ gái trong nhà thấy thế, nghĩ rằng ai rồi cũng có lúc như vậy. Họ thương Onatsu, muốn giúp nàng, nhưng khốn thay chính mỗi người cũng thấy mình yêu Seijuro mới khổ. Cô nữ tì lo việc khâu vá trong nhà thì viết cho anh một lá thư bằng máu do cô lấy kim chích tay ra... Bà quản gia viết

không thông nhờ một gã gia nhân viết thư giùm, nét chữ đàn ông cứng cõi thô lỗ không che giấu ai được. Thế mà bà ta vẫn lén nhét lá thư vào tay áo Seijuro. Cô hầu phòng thì luôn mang trà lên chỗ anh làm việc mặc dầu anh không hề yêu cầu. Chưa hết, bà vú thì giả vờ đem cho anh xem em bé, để kiểm cố lân la đến gần anh, bất kể việc đưa bé tè ra ướt cả áo quần anh.

“Đã đến lúc cậu cũng nên có một đứa bé như thế này.” Bà vú bảo: “Trước khi đến đây ở vú, tôi cũng có một đứa con thật xinh. Nhưng ông chồng tôi thì thật chẳng ra gì. Nghe đâu giờ đây ông ta đã lên Kumamoto để học một nghề gì đó thì phải. Tôi ly dị với ông nhà tôi rồi...” Và bà nói thêm như đọc thoại: “Mà tôi như thế này thì sống với ông ấy sao được....”

Còn cô đầu bếp cũng vậy, khi dọn thức ăn cho những người làm công, bao giờ cũng cố dành phần ngon nhất cho Seijuro.

Bị tấn công tình yêu tứ phương tám hướng như vậy Seijuro cũng vui, nhưng không hoàn toàn. Họ làm trở ngại công việc của anh và anh phải bận viết thư trả lời. Cuối cùng anh thấy chán, bởi giấc mơ của anh cũng bị quấy nhiễu, anh phải ngủ mở mắt.

Onatsu vẫn bền chí gửi cho anh hết lá thư thăm thiết này đến lá thư thăm thiết khác cho đến khi, cuối cùng, con tim của Seijuro nhượng bộ. Nhưng trong nhà có nhiều con mắt rình mò. Đôi tình nhân không tìm được dịp nào để gặp riêng nhau. Tình yêu bị gò bó thì thân xác lại bưng bưng. Ngày trôi qua trong nao nức căng thẳng, cho đến khi chỉ cần người này nghe được tiếng nói của người kia trong chốc lát là cũng đủ thấy hoan lạc rồi.

Nhưng hạt giống của đời luôn nằm trong cuộc sống. Đôi tình nhân biết rằng, cứ tiếp tục sống, một ngày họ sẽ được gần nhau, như hai ngọn cỏ sẽ được ngọn gió vô tình kết dính lại với nhau. Người chị dâu của Onatsu, không bao giờ quên khóa chặt cửa hành lang chắn giữa nơi hai người ở.

Tối tối bao giờ bà ta cũng bảo: “Coi chừng lửa gần rơm đấy!” rồi đóng cửa lại thật mạnh, như tiếng sấm hãi hùng dội vào tai đôi tình nhân đang thao thức.

Trong tiếng trống của người múa lân

Hoa đào nở rộ ở Onoc. Các bà vợ cũng đua đòi khoe sắc, các cô tiểu thư cũng tung tăng theo các bà mẹ kiêu kỳ của mình, đi xem hoa đào thì ít mà để cho người ta xem mình thì nhiều. Ít ra thì phụ nữ ngày ấy cũng sống như vậy đấy. Họ như những mù phù thủy có thể bỏ bùa cho bất cứ ai, kể cả con chồn tinh của lâu đài Himeji nữa đấy.

Vào một ngày xuân, phụ nữ nhà Tajina đi chơi rừng. Đám phụ nữ đi kiệu, theo sau là Seijuro trông coi việc đi chơi của các bà. Khu rừng thông xanh ngắt vào buổi đầu xuân, bãi cát đẹp mịn màng như tranh vẽ. Đám phụ nữ háo hức nhìn trẻ con trong làng đi nhặt nấm, hái hoa. Rồi họ tìm thấy một bãi cỏ xanh non, họ trải chiếu và thảm, quây màn nơi đó.

Biển và cánh đồng lặng yên. Ánh mặt trời, hoa và bướm đều kém sắc trước y phục rực rỡ của đám phụ nữ. Thế nên, một đám đàn ông du ngoạn khác đến đây đã chẳng thèm nhìn đến hoa dại mà chỉ chú mục nhìn đám phụ nữ xuyên qua bức màn, và bị hấp hồn bởi những phụ nữ trẻ đẹp trong lều. Quên cả giờ về, quên tất cả mọi chuyện, đám du ngoạn này khui các hũ rượu đầy, uống say sưa để thưởng thức nỗi hoan lạc bất ngờ trong buổi chiều hoang dã.

Seijuro là người đàn ông duy nhất ở với đám phụ nữ trong lều. Bên ngoài thì bọn phu khiêng kiệu uống từng vại rượu lớn rồi lăn ra ngủ, ngáy ầm ầm và mơ đến những giấc mơ hoa bướm ngoài đồng nội. Đang lúc lặng yên như thế, bỗng nhiên có một đoàn múa lân đi qua. Dưới tiếng trống vang dội, người múa lân uốn lượn với những động tác tài tình, lần lượt đi ngang những đám người này rồi đám người khác. Đám phụ nữ cũng như mọi người bị thu hút, bỏ hết những cuộc vui đến tập trung quanh đoàn múa lân, hoan hô, reo hò, yêu cầu họ tiếp tục trình diễn. Thế là cả đoàn lân ngừng lại ở một chỗ hát cho đám thính giả bất ngờ nghe những bài dân ca tuyệt diệu.

Onatsu không có mặt trong số những người vây quanh đoàn múa lân. Bảo rằng bị đau răng, nàng ở lại trong lều một mình, đằng sau những bức màn. Gối đầu lên cánh tay, khuất sau một chõng quần áo, khăn thô buộc, xiêm y buông lỏng, Onatsu cất tiếng ngáy đều đều như thể đang chìm vào giấc ngủ say.

Ai mà nghĩ được rằng đây là một cơ hội tốt để gặp nhau, vì chỉ có một khoảnh khắc ngắn thôi mà? Không ai nghĩ ra được, ngoại trừ những người yêu nhau trọn vẹn và cương quyết. Thấy Onatsu ở lại một mình, Seijuro lập tức đi vòng phía sau lều, nhờ khuất dưới tàn cây thông, để đến với người yêu đang đợi sẵn. Không hề sợ làn tóc Onatsu rối tung lên, đôi tình nhân quấn chặt lấy nhau, tim đập thành thịch. Tuy nhiên, họ vẫn sợ người chị dâu của Onatsu bắt gặp, họ vừa yêu nhau vừa để mắt nhìn ra đám khán giả đang xem múa lân ngoài lều.

Khi Seijuro ra khỏi lều, đoàn múa lân bên ngoài cũng đã ngừng trình diễn, mặc dầu còn nhiều phần rất hay chưa diễn hết. Đám đông thất vọng vì việc ngừng diễn đột ngột, nhưng lúc đó sương đã lên và ánh mặt trời sắp tắt nên họ thu vén đồ đạc để trở về Himeji, Onatsu không buồn biết đến vết nơ ngay phía sau chiếc áo kimono của nàng.

Seijuro nán lại phía sau, ngỏ lời cảm ơn đoàn múa lân: “Tôi chịu ơn các bạn đã giúp đỡ tôi ngày hôm nay.”

Nghĩ mà xem! Hóa ra việc trình diễn tưởng như tình cờ lại đã được sắp đặt trước, một kế hoạch rất thông minh của kẻ si tình. Người tinh mắt đến mấy, kể cả người chị dâu lăm chuyện của Onatsu, cũng làm sao mà biết được?

Người đàn ông bỏ quên túi thư nơi quán

Ván đã đóng thuyền, giờ đây Seijuro vội vã cùng Onatsu trốn khỏi nhà. Hai người gấp rút đến bến cảng Shikamaza vào lúc chạng vạng.

“Ta cùng đến Osaka hoặc Kyoto, anh biết rằng ta sẽ sống hạnh phúc, dầu cho có phải trải qua nhiều năm nghèo khó ở đó đi nữa.” Vậy là Seijuro quyết định và sửa soạn hành trang cần thiết, mặc y phục du hành và đứng đợi thuyền trong một túp lều ở chân đê. Cùng đợi với họ có những người hành hương, một thương nhân bán đồ sứ ở Osaka, một lái buôn sơn mài từ Nara, một nhà sư ở Daigo, một người bán hàng rong ở Tambe,... điều này làm cho cuộc hành trình thú vị, vì có những hành khách từ rất nhiều nơi khác nhau.

Rồi người lái thuyền hô lớn: “Lên thuyền! Chúng ta rời bến.” Các thủy thủ đọc lời cầu nguyện cho thuyền đi an toàn, và để tạ ơn thần biển, họ chuyền nhau bát rượu tập thể. Cứ đếm đầu người, dầu có uống hay không cũng phải đóng một người sáu xu tiền rượu. Các thủy thủ lấy bát mức rượu sa-kê từ trong thùng ra, cũng chẳng cần hâm rượu nữa. Họ dùng tay xé từng miếng cá chiên nhắm với rượu. Chẳng mấy chốc rượu làm họ phấn chấn.

Người lái thuyền hô to: “Chúc mọi người may mắn! Bây giờ giương buồm lên, gió thổi từ phía sau lái.” Thế là họ giương buồm rời bến.

Được chừng hai dặm, đột nhiên người phát thư từ Bizen đến đập tay vào đùi giận dữ, kêu lên: “Chết mẹ rồi! Tôi quên mất một món đồ! Tôi buộc gói thư vào thanh kiếm và bỏ quên nơi quán trọ rồi.” Anh ta trông vào bờ và than rằng anh đã dựng thanh kiếm nơi bàn thờ Phật.

Người trên thuyền bảo anh: “Anh có kêu lớn bao nhiêu thì người trên bờ họ cũng không nghe thấy đâu. Anh có phải là đàn ông không mà cứ than vãn vậy. Hay anh là hoạn quan?” Anh phát thư xem xét kỹ lại người mình rồi tuyên bố: “Tôi có đủ cả đấy.”

Mọi người phá lên cười, rồi một thủy thủ nói: “Chắc không còn cách gì khác là phải quay thuyền lại thôi.”

Đám hành khách tức giận vì việc này, than: “Chúng tôi đi nhằm một ngày thật xui xẻo.”

Khi thuyền cập bờ, người từ Himeji phái đến truy nã Seijuro và Onatsu đang nháo nhác tìm kiếm họ khắp nơi. Họ bảo: “Có lẽ bọn chúng ở trên thuyền.”

Đôi tình nhân biết rằng không còn trốn đâu được nữa, than phiền: “Bất hạnh cho chúng ta quá!”

Nhưng kẻ truy nã thì đâu có thương hại, cũng chẳng cần nghe họ nói. Onatsu bị nhốt vào một chiếc kiệu có người canh phòng chặt chẽ. Seijuro thì bị trói. Cả hai bị dẫn về Himeji. Nhìn hai người khóc lóc ai cũng không khỏi tủi lòng.

Từ đó, Seijuro bị nhốt trong phòng kín, có người canh gác chung quanh. Tuy bị cực khổ đủ điều, anh cũng không bao giờ nghĩ về mình, anh chỉ thầm gọi tên Onatsu.

“Nếu cái thằng khốn kiếp đó không quên túi thư thì Onatsu và mình bây giờ đã ở Osaka rồi. Mình sẽ thuê một căn phòng ở khu Kozu, và sẽ thuê một bà đầy tớ già gần lòa mắt giúp việc. Onatsu và mình đồng ý trong năm mươi ngày đầu tiên ở với nhau suốt ngày suốt đêm, không bao giờ rời nhau. Trời ơi! Bây giờ tất cả trở thành quá khứ rồi. Ước chi họ giết ta đi. Ngày sao dài quá... Ta mệt vì cuộc sống lắm rồi.”

Ý tưởng đó hiện ra trong trí anh hàng ngàn hàng vạn lần. Anh đã toan căn lười, nhắm mắt để quên sinh, nhưng rồi nghĩ đến Onatsu có thể gặp lại anh một lần cuối cùng, trong vẻ kiêu lệ của nàng, anh lại thôi. Anh không còn chú ý đến nỗi nhục nhằn của cuộc sống hiện tại, cũng như lời vu cáo họ buộc cho anh nữa.

Onatsu cũng ở trong một tâm trạng buồn thảm tương tự. Bảy ngày nàng từ chối không ăn uống. Rồi nàng viết một lời cầu xin gửi vị thần Murotsu, xin cho Seijuro được sống.

Lạ thay, vào giữa đêm ấy một bà tiên già hiện ra bên giường nàng nằm, nói: “Con hãy lắng nghe ta bảo: Khi con người đau khổ họ thường cầu xin những điều vô lý, đến nỗi dầu là tiên như ta cũng không làm thỏa mãn được. Kẻ thì cầu xin trong một đêm trở thành giàu có. Người thì xin đoạt vợ người khác, kẻ thì muốn giết người họ ghét. Ai cũng có một chuyện gì đó để cầu xin. Con biết không, chỉ trong ngày lễ vừa qua mà có hàng chục ngàn người đến cúng ta ở đền thờ và không một ai không cầu xin điều lợi ích cho cá nhân họ. Nhưng ta làm thế nào thỏa mãn được.

Còn con, nếu con lấy một người chồng theo ước muốn của cha mẹ con, hẳn con sẽ không có điều gì phải phiền não, nhưng vì con có một tình yêu đặc biệt, con mới rơi vào nỗi khổ này. Con coi thường đời sống của con, nhưng con sẽ sống lâu. Còn đời sống của Seijuro, mà đối với con hết sức lớn lao, thì sẽ chấm dứt không bao lâu nữa.”

Giấc mơ có vẻ thật đến nỗi làm Onatsu kinh hoàng. Bừng mở mắt, nàng cảm thấy đau đớn quá và khóc cho đến rạng đông.

Đúng như dự đoán, Seijuro bị kết án hành hình, vì những tội mà anh không hề biết. Bảy trăm đồng *ryo* vàng trước đây cất kín trong tủ nhà kho ở Taijima-ya biến mất. Người ta cố tình lan truyền rằng Seijuro đã xúi Onatsu lấy cắp số tiền đó và trốn đi. Chứng cứ chống lại Seijuro và anh không thể biện minh được. Thế là, buồn thay, anh bị giết vào ngày mười tám tháng Tư, tuổi mới hai mươi lăm.

Những người chứng kiến cuộc hành hình Seijuro đều than thở: “Cõi trần này thật oan nghiệt” và nước mắt họ chảy thấm áo, còn hơn những cơn mưa rào buổi chiều mùa hạ. Không có ai mà không thấy buồn và than vãn cho số phận của Seijuro.

Vào đầu tháng Sáu, nhân dịp lau chùi, dọn dẹp toàn bộ nhà cửa, người ta lục lợi nơi nhà kho và bảy trăm đồng tiền vàng tưởng mất, đã tuôn ra từ một chiếc rương lớn.

Bảy trăm đồng tiền vàng được tìm thấy quá muộn màng

Những kẻ sống chung quanh Onatsu giấu không cho nàng biết điều gì xảy ra với Seijuro. Nhưng ngày nọ, nàng đang nhớ tới Seijuro, mấy đứa trẻ trong làng đi tung tăng ngoài đường, vừa đi vừa hát: “Khi người ta giết Seijuro, người ta cũng giết luôn cả Onatsu nữa.” Nghe thế, Onatsu hoảng hồn. Nàng chạy ngay đi tìm bà vú nuôi hồi bé để hỏi sự tình, nhưng bà vú không trả lời và bật khóc.

Nàng thảng thốt kêu lên: “Thôi thế thì đúng rồi! Mà thà chàng chết đi còn hơn sống như vậy.”

Thế rồi, Onatsu trở thành điên dại, nhập bọn cùng đám trẻ trong làng đi nghêu ngao hát. Người chung quanh tội nghiệp nàng, nói nhiều điều an ủi nàng, song vô ích. Việc họ quan tâm đến nàng chỉ khiến nàng thêm đau đớn mà thôi.

“Chàng trai đang đi qua ngoài kia

Có phải anh là Seijuro?

Chiếc nón rơm anh đội

Hệt như Seijuro!

Ha ha...”

Bài hát chấm dứt bằng tiếng cười man dại. Nàng đã mất hết tri giác, cơn điên loạn đã tàn phá nhanh chóng dập tắt kiêu mị của nàng. Suốt ngày, nàng lang thang trên các ngọn đồi và khi đêm đến, nàng ngủ bên bờ cây bụi cỏ, giữa cánh đồng. Những người đàn bà trong nhà đi theo canh giữ nàng đều lần lượt bị nhiễm sốt nặng, chẳng bao lâu cũng điên nốt.

Những người quen biết Seijuro trong nhiều năm trước bắt đầu nghĩ đến việc chôn cất anh cho tử tế. Thi hài anh khô quắp và dính đầy máu, được rửa

sạch và đem chôn. Trên mộ anh, để đánh dấu, người ta trồng một cây sồi và một cây thông, và dân chúng gọi đó là “năm mộ Seijuro.” Chẳng còn gì thể thảm hơn, cho dù là trong cái thế giới vốn bi đát này.

Hằng đêm, Onatsu đến chịu tang bên năm mồ Seijuro và nàng thấy hình ảnh anh hiện ra rõ rệt như trong quá khứ. Cứ thế, cho đến một trăm ngày, nàng ngồi sụp xuống trên đám cỏ ướt đẫm hơi sương, bên năm mộ người yêu, rút một con dao trong túi ra để toan tự sát.

Những người đàn bà đi cùng Onatsu giằng lấy con dao, bảo: “Có chết bây giờ cũng chẳng cứu vãn được điều gì. Nếu nỗi đau của cô quá thật chân thành cô hãy cắt tóc đi tu. Cầu nguyện cho chúng sinh bớt đau khổ, đó là con đường chứng ngộ của đức Phật, và tất cả chúng tôi sẽ theo gương cô.”

Lời họ làm dịu lòng Onatsu. “Tôi xin theo lời các bà,” nàng trả lời. Và họ chứng nhận lòng thành của nàng bằng cách cùng tình nguyện xuất gia với nàng.

Thế rồi, họ cùng đến chùa Chân Giác. Được vị sư trưởng của chùa chấp thuận, Onatsu đổi y trang mùa hè của mình lấy bộ giới phục màu đen. Nàng trở thành một ni cô đáng kính nhất.

Sáng sáng, nàng mang nước suối từ thung lũng về dâng lên bàn thờ, chiều chiều mang hoa hái từ đỉnh núi về cúng Phật. Đêm hè, dưới ánh đèn dầu, nàng nhiệt thành tụng kinh cứu khổ. Mọi người thán phục và cảm thương nàng, bảo nàng là hiện thân của Đức Bà Chujo, mà dân chúng nghe đến trong những truyện truyền kỳ Nhật Bản.

Cả anh trai của Onatsu khi đến thăm nàng ở chùa cũng thấy tâm hồn mình hướng về Chân Giác. Bảy trăm đồng tiền vàng vốn gây nên oan nghiệt kia, giờ được đem góp vào việc lo chu toàn cho người chết, và chính bản thân người anh trai của Onatsu cũng để tang Seijuro. Vào thời gian này, chuyện về Onatsu được dựng thành một vở tuồng ở vùng Kyoto – Osaka, rồi từ đó lan rộng đến những vùng xa xôi nhất, truyền đến từng thành phố, từng xóm làng như một dòng suối tình yêu bất tận. Người ta có thể buông mình cùng

với tất cả ưu phiền vào trong dòng suối đó, nhẹ tênh như bọt nước trôi xuyên qua cõi Phù Đổng.

Chuyện về vị phu nhân đa tình

Cuộc tranh luận về mỹ nhân

Kinh đô, có vị phu nhân của viên quan làm lịch^[9] mà tên tuổi được nhắc đi nhắc lại trong nhiều chuyện tình tai tiếng. Nhan sắc nàng tuyệt vời: khuôn mặt như nụ hoa đào sắp nở, làn môi mượt mà như lá cây phong mùa thu. Nàng sống ở Muro-machi-dori, khu quý tộc sang trọng, nơi có những phụ nữ đua đòi nhất Kinh đô.

Lúc đó vào cuối xuân, hoa tử đinh hương phủ cả một làn mây tím ngát lên khắp vùng Yasui. Người ta vui đùa đi hội ở Higashi-yama đông như nôm cối. Ở kinh thành có một nhóm bốn chàng công tử không bao giờ rời nhau, được mọi người biết đến nhiều, nhờ có dáng vẻ khôi ngô và cuộc sống phóng đãng xa hoa. Vì có tài sản lớn lao của cha ông để lại nên quanh năm họ chỉ biết vui thú truy hoan. Suốt đêm cho đến tận sáng, họ có thể vui thú ở chốn Bình Khang này, rồi đến ngày hôm sau lại đến truy hoan ở chốn Thanh lâu nọ. Ngày cũng như đêm, nữ cũng như nam, đều lấy lạc thú làm vui ở đời của họ.

Một tối, sau khi văn hát, họ quây quần nơi một trà thất, một chàng nhận xét: “Đệ chưa bao giờ gặp được nhiều thiếu nữ ưa nhìn như ngày hôm nay. Chư huynh có nghĩ rằng tối nay chúng ta còn có thể gặp những cô nương khác cũng yêu kiều diễm lệ như vậy không?”

Ba chàng kia bảo là có thể và họ quyết định ngồi quan sát các mỹ nữ trong đám người đi xem hoa tử đinh hương nở, bây giờ đang lục tục trở về nhà. Họ bầu một người đầu nhóm và cuộc tranh luận về mỹ nhân bắt đầu.

Thoạt tiên họ thất vọng vì mấy cô gái đi ngang qua đều ngồi trong xe nên khuất mặt. Rồi đến một đám thiếu nữ nhún nhảy đi qua. “Không tệ, không tệ lắm!” – Họ bảo, nhưng không cô gái nào trong đám đó thỏa mãn tiêu chuẩn của họ. Bút mực được đem ra sẵn trên bàn để ghi lại danh sách các mỹ nhân

đi ngang, họ thống nhất với nhau, chỉ ghi tên cô gái được công nhận là đẹp nhất.

Một người phụ nữ trạc hăm ba, hăm bốn đi ngang qua, sắc đẹp hiếm có, cặp mắt tinh anh, chiếc cổ thon thả yêu kiều. Sống mũi quả có hơi cao một tí, nhưng điều này có thể dung thứ được. Bên trong, nàng mang bộ đồ lụa trắng, ngoài là lớp lụa màu xanh, toàn thứ đắt tiền, sang trọng. Khăn cột theo kiểu ca nhi, bít tất màu nhạt cũng bằng lụa. Nàng bước đi uyển chuyển nhịp nhàng, hông lắc lư một cách rất tự nhiên.

Một trong mấy chàng trai kêu lên: “Ôi, thật đáng giá ngàn vàng!” nhưng lời nói chưa kịp thốt ra hết thì vị phu nhân quay đầu lại nói điều gì đó với người theo hầu, vừa hé môi ra đã lộ chiếc răng sún, làm cho bốn chàng tan hết cả ảo mộng.

Theo sau nàng là một cô gái độ mười lăm, mười sáu. Bên trái cô là một phụ nữ – có lẽ là mẹ cô – còn bên phải là một ni cô áo nâu sồng. Có nhiều đầy tớ trai, gái theo hộ tống. Thoạt mới nhìn thì tưởng như cô gái sắp lấy chồng, nhưng nhìn kỹ lại thì hẳn đây là một phụ nữ đã có chồng. Nàng ta rất đẹp: mặt tròn, mắt sáng, da trắng như ngà. Y trang thì sang trọng thanh nhã, bên trong thì áo lụa nền vàng điểm chấm tím, ngoài thì lụa sa-tanh xám thêu hình chim chóc, chiếc khăn màu hoàng yến càng tôn thêm vẻ yêu kiều. Nhưng dưới chiếc nón đẹp, họ bỗng chú ý thấy một vết sẹo dài một bên gò má. Hẳn không phải mới sinh ra nàng đã bị như vậy. Bốn chàng phóng dăng cười ồ, một chàng nhận xét: “Chắc nàng ta phải hận bà vú nuôi vì lơ đễnh mà làm nàng mang sẹo!”

Một cô gái khác, trạc độ hăm mươi, mặc một bộ áo vải bông tự dệt lấy, tà rách tả tơi tung bay theo gió xuân. Khăn choàng thì lấy từ một chiếc áo cũ cắt ra trông rất tội nghiệp, tất sần, dép rơm thô sơ, làn tóc bù rối như thể từ lâu rồi không có một cái lược nào chải qua.

Dầu nghèo nàn, không chưng diện, nhưng trông nàng lại rất vui tươi và càng nhìn kỹ khuôn mặt không son phấn, các chàng trai lại càng thấy quyến rũ.

“Các huynh có bao giờ thấy một vẻ đẹp tự nhiên như vậy chưa?”

“Nếu có y trang đẹp đẽ, điểm tô son phấn, cô gái này hẳn hút hồn nhiều chàng trai nhỉ? Tiếc thay, nàng phải sinh ra trong gia cảnh nghèo hèn.”

Họ thấy thương tiếc nàng hết nỗi, và một chàng đã theo gót nàng về nhà, trở lại báo: “Đó là vợ của người xắt thuốc lá ở cuối chợ.” Thật tiếc, lại một hy vọng nữa tan thành mây khói.

Rồi một phụ nữ trạc hăm sáu, hăm bảy đi qua, áo ba lớp tà bằng lụa đen viền đỏ thắm, khăn bằng lụa quý dệt từ Trung Hoa, tóc bới cao sang trọng, dáng đi kiêu kỳ, thanh thoát. Mọi người nhao nhao.

“Chính là mỹ nhân đây rồi, không sai vào đâu được nữa.”

“Yên lặng nào, để xem cho kỹ đã nào.”

Khi nàng lại gần, họ thấy theo sau có ba người hầu, mỗi người ẵm một đứa bé.

“Hắn ba năm ba đứa.”

Đằng sau nàng, mấy đứa trẻ kêu la om sòm: “Má ơi, má!,” trong khi thiếu phụ vẫn ngẩng cao đầu bước đi, giả vờ không nghe tiếng chúng.

“Chắc con nàng, nhưng nàng không muốn người ta biết. Sinh đẻ nhiều làm gì nhan sắc chẳng chóng tàn phai, miệng đời nói có bao giờ sai đâu.” Các chàng cười lớn chế nhạo, khiến người thiếu phụ uất lên đến chết được.

Cuối cùng, trên một chiếc cáng sang trọng, xuất hiện một người con gái trạc mười ba, tóc chải mượt, phía trước chải rẽ như một cậu con trai. Khuôn mặt nàng đẹp tuyệt trần. Mặc áo lụa đen, tay cầm một bó tử đinh hương giơ cao lên, càng làm tôn nhan sắc nàng.

Nhìn thật kỹ, các chàng trai thấy rõ hiển nhiên đây là đệ nhất mỹ nhân mà họ gặp trong ngày hôm nay.

“Cô nương điểm lệ kia quý danh là gì thế nhỉ?” Một chàng tiến lại gần, lễ phép hỏi một người theo hầu.

“Đó là tiểu thư Muro-machi. Người ta gọi tiểu thư là Tân-Komachi^[10] đây.”

Phải, nàng quả là một đóa hoa. Chỉ về sau người ta mới hiểu ra rằng biết bao tai ương ẩn giấu dưới sắc đẹp yêu kiều ấy.

Kẻ ngủ nhâm chỗ

Đời sống của người độc thân cũng có chỗ quyến rũ, nhưng đàn ông mà đêm đêm nằm một mình thì cũng cô đơn lắm. Có một viên *daikyoji* sống như thế trong nhiều năm. Không thiếu phụ nữ tài sắc ở Kinh đô này, nhưng vì ông quyết tâm tìm cho được một người đàn bà đẹp ngoại hạng, mà điều đó đâu có dễ dàng gì, cho nên ông vẫn ở không. Cuối cùng, thấy sống đơn độc buồn bã quá ông mới nhờ kẻ quyến thuộc tìm cho ông một người vừa ý, và họ đã thu xếp để ông gặp người con gái mà thiên hạ gọi là Tân-Komachi, chính là người đẹp cầm bó hoa tử đinh hương mà bốn chàng phóng đảng đã gặp trong khi đang tranh luận ai là mỹ nhân của buổi chiều xuân hôm ấy.

Gặp nàng, viên quan say đắm ngay và không chần chờ gì nữa, lo thu xếp việc cưới xin. Osan – nàng Tân-Komachi – được đón về nhà mới.

Say đắm vợ và miệt mài trong việc gối chăn, viên quan làm lịch chẳng còn biết đến thứ gì khác, chẳng biết đến những đêm mùa xuân ngát hương đồng nội hay ánh trăng non mùa thu. Trong suốt ba năm liền, ngày đêm Osan chu toàn trách vụ của một người vợ hiền, siêng năng dệt cử, coi sóc kẻ ăn người làm trong nhà, chăm chút cách ăn mặc của chồng, cần kiệm vun vén tài sản gia đình. Quả nàng là người đàn bà mà ai cũng muốn lấy làm vợ.

Công việc đang đến hồi phát đạt thì một hôm chồng có việc phải đến Edo. Chia tay thì buồn nhưng biết làm sao được. Từ giã vợ xong, viên quan làm lịch bèn ghé đến thăm cha Osan ở Muno-machi để báo cho nhạc phụ biết chuyển đi của mình. Phụ thân Osan rất lo lắng cho tình trạng sức khỏe của con gái khi chồng nàng đi vắng, giao hết công việc coi sóc ở nhà cho nàng. Ông bèn nghĩ đến việc kiếm một người tháo vát đến phụ giúp cho Osan trong công việc quản lý. Ông chọn Moemon – một chàng trẻ tuổi – đã phục vụ trung thành cho ông trong nhiều năm, gửi đến nhà con rể.

Chàng Moemon này là một chàng trai chân thật, chất phác và thanh đạm. Anh cần kiệm đến nỗi ăn mặc cấu thả, áo ngắn quá khuỷu tay. Trán thì hẹp,

tóc bù xù và anh thì chẳng bao giờ dám bỏ tiền ra mua một chiếc nón để che đầu. Anh đi ra ngoài chẳng mang gươm và ngủ thì gối đầu lên cái bàn tính. Chẳng hiểu ngủ như thế anh có nằm mơ thấy giàu sang phú quý hay không.

Lúc đó vào mùa thu, Moemon bị một trận mưa làm cảm lạnh và anh chữa trị bằng *mogusa* – dùng một loại cỏ đặt lên trên da rồi đốt cỏ đó để chữa bệnh. Anh mời người tớ gái tên là Rin vốn thạo cách điều trị này đến chữa cho anh. Cô vê cỏ bông thành những viên nhỏ bảo Moemon cởi áo nằm dài trên bàn, đặt những viên cỏ lên người anh rồi bắt đầu đốt.

Mới nhát đầu mà anh đã đau đớn chịu không nổi. Phu nhân Osan cùng các người hầu gái vây quanh xem thấy thú vị. Đột nhiên, một tàn bông cỏ bung ra cháy dọc theo xương sống anh, khiến bắp thịt anh giật giật và người co quắp lại nhưng thấy phu nhân và đám con gái đang vây quanh chỉ trỏ, anh cắn răng, nhắm mắt chịu đựng cơn đau, không kêu một tiếng.

Rin thấy tội nghiệp anh, nhắc lửa ra và xoa bóp cho anh đỡ đau. Rin có biết đâu sự đụng chạm vào thân thể Moemon khiến nàng bỗng thấy thèm muốn chàng trai. Thoạt đầu cô cố che giấu cảm xúc đó nhưng rồi mọi người cũng thấy và tiếng xì xào lọt đến tai phu nhân.

Không chịu đựng nổi giày vò ham muốn Moemon, Rin cố tìm cách liên lạc với anh, nhưng cô thất học, không sao viết nổi lá thư, cô định nhờ một anh đầy tớ khác là Kynobichi viết hộ cô, nhưng cái anh đầy tớ ma mãnh này chỉ toan lợi dụng cơ hội đó để chiếm đoạt cô.

Những ngày dài trôi qua trong cơn mưa rả rích, trong ánh hoàng hôn vàng vọt, mùa thu là mùa của hoàng hôn thẫm lén, vụng trộm. Ngày nọ, sau khi viết thư cho chồng ở Edo xong, Osan vui vẻ tự nguyện viết hộ lá thư tình cho Rin. Nàng vung tay hạ bút viết nên những lời yêu thương dịu ngọt, xong, đề gửi ông Moemon, của một người yêu ông, rồi vui vẻ trao lá thư cho Rin.

Rin rất mừng, tìm dịp trao lá thư. Gặp lúc vắng người, cô đưa lá thư cho Moemon.

Moemon xem thư, cũng không để ý là nét chữ của phu nhân, chỉ đơn giản xem Rin là một cô gái bạo dạn dễ chinh phục. Anh viết lại một lá thư lời lẽ xỏ lá cho Rin, và tất nhiên cô này không đọc được, đem lên nhờ phu nhân đọc hộ.

“Trả lời bức thư bất ngờ của cô ngỏ bày tình cảm với tôi, tôi cũng xin thú thật rằng, vì tôi còn trẻ nên những đề nghị như vậy cũng không làm tôi khó chịu gì đâu. Có điều, tôi phải nhắc cô rằng những cuộc gặp gỡ mà cô đề nghị có thể sinh ra những phức tạp, có khi phải phiền đến các bà mẹ đấy. Nhưng nếu cô sẵn sàng chịu hết tất cả phí tổn do hậu quả của cuộc tình mang lại thì tôi tiếc gì mà không làm hết năng lực của tôi chứ.”

Đọc hết thư cho Rin nghe, Osan kêu lên phần nộ: “Gã này quả thật trơ tráo. Thế giới này đâu thiếu đàn ông và Rin cũng đâu phải hạng ma chê quỷ hờn gì. Thứ đàn ông hạng Moemon, lúc nào mà chẳng có.”

Vì giận, nàng quyết giúp Rin chinh phục cho được Moemon, bắt gã làm nô lệ tình yêu cho cô ta. Nàng viết rất nhiều lá thư thương tâm, mời gọi, lay chuyển Moemon từ thương hại qua ham muốn. Cuối cùng, bỏ giọng xác xược trong lá thư trước, Moemon hồi âm, hẹn đêm mười bốn tháng Năm, theo tập tục mọi người thức chờ trăng tròn, anh sẽ đến gặp cô.

Kế hoạch của Osan là nàng sẽ thay thế Rin đêm đó, nàng mặc áo vải mùa hạ mỏng manh, nằm trên giường của Rin. Nàng cũng sắp đặt sẵn mấy người hầu gái cầm đèn và gậy gộc, khi nghe nàng kêu thì chạy đến ngay.

Mọi thứ đều sẵn sàng vào thời điểm đã ước định, nhưng Osan bỗng buồn ngủ quá và ngủ thiếp lúc nào không hay, còn đám nữ tỳ, suốt buổi chiều bận rộn nên mệt nhoài, chẳng bao lâu cũng ngáy khò khò.

Khoảng canh một, Moemon – chỉ mang một bộ đồ lót mỏng manh – theo bóng tối mò đến. Rồi anh trần truồng leo lên giường, tìm rợn rã nhưng miệng lạnh căm. Khi đã thỏa, anh ngửi thấy mùi thơm thoang thoảng ngọt ngào từ xiêm y của người phụ nữ. Anh nhồm dậy nhón bước đi ra.

“Hóa ra, cô nàng đã biết đời hơn mình tưởng. Mình tưởng cô nàng còn ngây thơ, chưa biết đàn ông, té ra đã có người trước mình rồi?” – Anh tự

nhủ – “Mình phải bỏ cuộc thôi.”

Lát sau, Osan thức giấc. Nàng ngạc nhiên thấy chăn nghiêng gối lệch, xiêm y hở hang, nhàu nát. Nàng hiểu ra, hổ thẹn vô cùng. Tự nghĩ: “Không có cách gì che giấu ai được. Từ nay, mình phải từ bỏ thân phận, liều thân, hủy hoại danh tiếng. Mình phải chọn Moemon làm bạn đường đời cho đến chết.”

Nàng gặp Moemon, thổ lộ hết sự tình và Moemon, mặc dù đêm qua mới tự hứa là sẽ bỏ cuộc, giờ thấy lòng bắt đầu rung động. Anh bèn đêm đêm lén gặp nàng, bất cần miệng tiếng thế gian. Thế là, đôi tình nhân bắt đầu chơi trò chơi sinh tử – trò chơi nguy hiểm nhất trong tất cả các trò chơi.

Trầm mình trong hồ nước

Chẳng bao giờ lý luận được gì với tình yêu. Thế là, giữa đám người đông đúc đi hành hương, xiêm áo rực rỡ, Osan và Moemon cũng cùng đi. Số phận họ thật như những đóa hoa: Chẳng ai biết bao giờ sẽ rụng. Cũng chẳng ai biết liệu họ có còn thấy lại được cảnh hồ Biwa nước xanh ngắt như lần này nữa hay không.

Họ thuê chiếc thuyền nhỏ đi dạo trên hồ, lấy sóng làm gối, cùng ước ao tình họ sẽ dài như chiếc Đại kiều bắc ngang qua thành phố, dầu cho hoan lạc của họ có thể ngắn ngủi đi nữa. Trong tiếng cười, niềm vui, thỉnh thoảng là bóng tối trong ánh mắt Osan. Bởi tình họ hiếm nghèo như đi qua vực sâu muôn trượng. Tim họ bỗng nhảy dựng lên. Bỗng nhiên bên bờ hồ có tiếng ai gọi thuyền: Họ tưởng có người từ Kinh đô theo truy nã.

Dầu cho đang sống nhưng họ cảm thấy chung cục của mình có thể tính từng ngày. Thế là họ nhỏ lệ rồi đưa tay áo quạt nước mắt, họ đến cung điện Shiga – xưa là thủ đô, giờ chỉ còn là chứng tích của một thời đã qua – rồi khi ánh đèn lồng được thắp lên, họ lâm râm cầu Trời khẩn Phật, nhưng càng cầu họ càng buồn hơn bao giờ hết, ý thức được số phận mong manh của mình.

Osan bảo: “Dầu sao sống lâu thì chỉ khổ nhiều mà thôi. Thôi chúng ta hãy trầm mình xuống hồ để cùng nhau sống mãi ở cõi Tịnh độ còn hơn.”

Nhưng Moemon, dầu thấy đời sống này thật khổ nhọc, cũng không dám chắc là có đời sau hay không. Anh bèn bảo: “Ta nghĩ có thể tìm ra lối thoát. Mình hãy gửi thư về Kinh đô, bảo rằng hai ta sẽ trầm mình tại hồ này. Rồi chúng ta trốn xa khỏi đây, đến nơi nào nàng muốn, và chúng ta sẽ sống hết đời tại đó.”

Nàng nghe thế, mừng rỡ vô cùng, “Khi rời nhà, em cũng đã có ý định như thế. Vì vậy, em mới mang theo năm trăm đồng tiền vàng trong nải đây.”

Với chùng đó tiền, đủ để bắt đầu một cuộc đời mới. Họ bèn thận trọng viết thư cho nhiều người quyến thuộc ở Kinh đô, bảo: “Bị quỷ nhập, hai chúng tôi đã phạm tội yêu nhau nên không thể tránh khỏi bị Trời Phật trừng phạt. Trên đời này không còn chỗ dung thân, cho nên hôm nay chúng tôi quyết định từ giã cõi trần này.”

Osan tháo chiếc tượng Phật xưa nay vẫn đeo trong người. Moemon thì cởi bỏ thanh gươm chuôi có nạm rồng mà khi đi hành hương chàng đã mang theo. Họ cố để những di vật đó lại để cho người xem sẽ nhận ra là cả hai đã chết. Cuối cùng, cẩn thận hơn, họ cởi áo và dép ra, để lại bên gốc cây liễu bên bờ hồ.

Đêm đó, đôi tình nhân chuẩn bị sẵn sàng. Họ mở cánh cửa tre nơi quán trọ họ trú ngụ, hát to cho mọi người nghe. “Vì những lý do chỉ có chúng ta biết với nhau, chúng ta quyết định từ bỏ cõi đời.” Họ chạy ra khỏi nhà, và lát sau, người ta nghe thấy tiếng niệm A Di Đà Phật nơi ghềnh đá, sau đó là tiếng hai thân người rơi xuống nước. Mọi người thương cảm vô cùng.

Nhưng thật ra thì Moemon cũng Osan trên lưng, mang nàng chạy theo chân núi, qua khu rừng rậm đến một làng hẻo lánh, trong khi đó hai ngư phủ mà anh thuê nhào xuống nước giả làm hai kẻ trầm mình rồi lặn đi một đôi xa, nhô lên một bãi khác không hề ai hay biết.

Mọi người đổ xô tìm kiếm nhưng không thấy gì. Đến sáng mai, khi thấy di vật của họ để lại bên gốc cây liễu, mới tin chắc hai người đã chết. Những di vật ấy liền được gói lại gửi về Kyoto cho gia đình Osan.

Gia đình Osan giữ kín chuyện, không làm rùm beng lên, nhưng rồi chuyện cũng lọt ra và miệng tiếng không ngớt xì xào. Quả thật tai ương mà hai kẻ tạo ra vẫn không chấm dứt được.

Trên đường bắt đầu lại cuộc sống

Tay trong tay, hai người lặn lội xuyên qua vùng hoang dã ở Tamba. Họ băng qua bờ bụi, tự tạo lấy đường đi chứ chẳng có đường mòn. Cuối cùng, họ leo lên một đỉnh núi cao, quay đầu nhìn lại những dặm dài gian khổ đã trải qua. Đây là con đường chính họ chọn, thế nhưng đóng vai người đã chết thì thật có thú vị gì! Họ chỉ là những linh hồn lạc lõng, bất hạnh, trong một lộ trình chưa hề mang dấu chân người. Osan lách người đi, bước chân lão đảo tưởng như sắp thở hơi cuối cùng, mặt nhợt nhạt như xác chết, Moemon cố sức hồi phục cho người yêu, chàng lấy lá hứng nước từ hốc đá đem về cho nàng uống. Nhưng Osan yếu quá không còn đi nổi nữa. Mạch nàng đập thưa thớt, tưởng như sắp ngừng.

Chẳng có thuốc men gì cho nàng uống, Moemon chỉ còn biết ngồi chờ nàng chết, rồi đột nhiên anh cúi xuống thì thào vào tai nàng. “Nàng cố ráng lên một đổi nữa, gần đây có một ngôi làng ta có người quen. Ở đó, chúng ta sẽ quên đi nỗi bất hạnh dọc đường, chúng ta lại tiếp tục cuộc tình, bên nhau mãi mãi.”

Nghe thế, Osan như khỏe lại, kêu lên: “Nghe chàng nói mới vui làm sao! Ôi, chàng thật đáng cho em hiến cả cuộc đời!”

Thế là Moemon lại xốc nàng lên vai, khập khiễng bước. Cuối cùng, họ đến được một ngôi làng nhỏ. Ngôi làng này nằm bên con đường núi dẫn đến Kinh đô, con đường hẹp, cheo leo đến nỗi ngựa chỉ có thể đi từng con một. Bên đường có một chiếc quán mái rơm, vách làm bằng cây đại kết lại. Quán bán một thứ bột gạo mốc cũ vàng khè, mấy tách trà nguội, vài con búp bê bằng đất sét, dầu sao cũng là nơi nghỉ chân của người đi đường.

Hai người mừng quá đến nỗi khi nghỉ ngơi xong, ra đi họ trả cho chủ quán một đồng tiền vàng. Nhưng chủ quán lắc đầu đòi thứ tiền khác và họ buồn cười khi nghĩ rằng cách Kinh đô có mười lăm dặm có một nơi người ta chưa hề nghe nói đến tiền vàng bao giờ.

Rồi hai người đi đến Kayabara, nơi đó có một người cô của Moemon đã lâu anh không biết tin tức, cũng có thể đã chết rồi. Đến nơi mới biết bà vẫn còn sống. Moemon kể về gia đình gốc gác, bà cô mừng quá đón cháu rất thân tình. Mắt nhòa lệ, bà nói mãi về cha của Moemon, nhưng khi ngày rạng, thấy Osan và sắc đẹp rực rỡ của nàng, bà bỗng ngỡ vực.

“Thế cô gái này là ai vậy?”

Moemon chưa chuẩn bị sẵn câu trả lời về điều này. Anh bèn thưa: “Đây là em gái cháu. Nó đi làm cho một nhà quyền quý ở Kinh đô nhiều năm, nhưng sau không hợp và nó cũng chẳng thiết đời sống nhộn nhịp ở Kinh thành. Thế nên nó cho đây là dịp tốt để theo cháu đến một vùng yên tĩnh ở miền sơn cước như vùng này. Nó muốn ở đây làm việc nhà, vườn tược. Tiền nong tiêu phí thì cô chẳng lo, nó dành dụm được cả mấy trăm đồng tiền vàng cơ đấy.”

Không ngờ chuyện anh kể làm động lòng bà cô tham lam. Bà cho rằng bà có thể dính dáng được đến số tiền này.

Bà bèn kêu lên: “Ô, thế thì thật may. Con trai ta chưa vợ, em gái cháu lại là bà con với nó, sao ta không gả em gái cháu cho nó^[11]?”

Đề nghị đó làm họ đau lòng hết sức. Osan khóc thầm, nguyện rửa định mệnh cay nghiệt.

Rồi tối đến, con trai của bà cô về nhà. Trông dáng người hảnh, Osan đã thấy hoảng hồn: cao lớn dị thường, đầu như đầu sư tử, cổ như cổ tê giác, chân tay như cây gỗ thông, râu ria lồm xồm, ánh mắt dữ tợn, và đỏ ngầu tia máu. Tay hảnh cầm giáo, tay kia cầm thòng lọng, giỏ hảnh chứa đầy chồn, thỏ... Hảnh là thợ săn, tên là Zetazo.

Ở làng ai cũng biết hảnh là kẻ tồi tàn, hèn mọn. Nghe mẹ nói chuyện cưới một tiểu thư ở Kinh đô làm vợ, hảnh vui lòng ngay.

“Được chứ mẹ. Thế thì đừng phí thời giờ. Ngay tối nay đi.” Nói rồi, hảnh vợ lấy gương soi mặt mình, “Trông ta cũng đẹp trai đấy chứ” – hảnh bảo vậy. Thế là bà mẹ nghe lời, sửa soạn lễ hợp cẩn ngay. Hai chén rượu, một con cá ướp muối, một chiếc bình vỡ cổ đựng rượu, lấy tấm màn cũ che một góc làm nơi động phòng hoa chúc cho đêm tân hôn!

Trong lúc đó, Osan nuốt lệ, Moemon thì chau mày nghiêng răng. Anh rửa mình sao đại đột nói nàng không phải vợ mình để sinh ra cơ sự này. Anh đã rút gươm tự sát, nếu Osan không kịp ngăn lại.

“Chàng không nên nóng nảy. Vẫn còn có lối thoát. Rạng ngày mai ta sẽ trốn đi khỏi đây. Cứ để mọi việc cho thiếp.”

Đêm đó, khi uống rượu hợp cần, Osan cố gượng vui lưu ý Zetazo: “Thiếp mạng hỏa, lại sinh năm Ngọ, sợ có tướng sát phu đấy.”

Zetazo đáp: “Người có sinh năm Ngựa hay Chó Sói hay gì gì ta cũng bất chấp. Ta chẳng dễ chết đâu. Thật ra, ta chẳng thích lấy một con đàn bà thành thị như người làm vợ đâu, nhưng vì người là bà con với ta, nên ta cũng vui lòng dung nạp.” Nói rồi hấn nằm xuống, gối đầu vào người Osan mà ngủ.

Sau đó, Osan và Moemon đợi hấn ngủ say, lén đi. Họ lại trốn vào nơi hang hốc của vùng núi Tamba. Rồi mấy ngày sau họ mới lên đường đi Tango.

Một đêm, khi ngủ lại miếu thờ đức Mạn Thù, Ngài hiện ra trong giấc mơ bảo Osan:

“Các người đã phạm phải những tội lỗi xấu xa nhất. Dầu trốn đi đâu cũng không thoát khỏi nghiệp quả của chúng. Nhưng bể khổ quay đầu lại là bờ, nếu người biết từ bỏ con đường vô vọng, thí phát quy y. Một khi các người xa nhau, mỗi các người sẽ diệt được dục và bước vào con đường Chứng ngộ. Có thể thì mạng các người mới được cứu thoát.”

Đó là con đường đúng đắn, nhưng Osan nghe chính mình trả lời: “Xin Ngài đừng lo lắng về những gì sẽ xảy ra cho chúng con. Chúng con sung sướng trả giá bằng mạng sống cho mỗi tình của mình. Đức Mạn Thù có thể hiểu được tình yêu giữa người và người, nhưng Ngài chẳng biết gì về tình yêu của người phụ nữ.”

Vừa lúc đó thì tỉnh giấc chiêm bao, nghe gió thông thổi từ bờ biển lại, mang theo những đám bụi trần.

“Chẳng có gì không vương bụi trần” – nàng tự nhủ – “và mất tất cả hy vọng cứu thoát mình.”

Nhớ chốn cũ, lên về Kinh

Trên đời, đàn ông thường giấu kín bất hạnh của mình, như người đánh bạc thua phải đành cắn răng không hé môi. Vì thế chồng của Osan xử sự với Osan như với một người vợ hiền đã khuất. Mặc dầu khi nhớ đến những năm chung sống, ông không khỏi ngậm ngùi chua chát. Ông vẫn gọi các nhà sư đến tụng kinh siêu độ cho nàng. Ông còn chọn chiếc áo lụa của Osan làm khăn trải bàn thờ của nàng, và đặt bàn thờ nơi phía bên nhà, oái oăm thay, chính là chỗ trước kia Osan lên tình tự trong đêm với Moemon.

Còn Moemon, vốn trước đây là người cẩn thận, nhưng trốn ở vùng xa ít lâu, nhớ nhà quá đỗi, anh không cưỡng được, bèn lên về Kinh thành. Ăn mặc tồi tàn, đội nón sụp xuống tận mắt, anh từ giã Osan. Sau khi nhờ người trong làng coi sóc nàng hộ mình, anh liền lĩnh đi về Kinh đô.

Anh đến nơi thì chập choạng tối, ánh trăng vừa lên chiếu xuống mặt nước dưới cầu, làm anh nghĩ đến Osan, bồi hồi nhỏ lệ. Anh vượt qua công viên Narutabei, đi về trung tâm. Càng tiến sâu, nỗi sợ càng tăng. Chỉ cái bóng anh trên mặt đường cũng làm anh lạnh cứng cả người.

Đến khu quen thuộc của nhà chủ cũ, anh nép mình nghe trộm. Anh nghe người ta bàn tán đủ thứ chuyện, từ chuyện kinh doanh buôn bán, đến chuyện thời trang y phục. Và như thường lệ, khi mọi đề tài đã cạn, là người ta lại nói về chuyện Moemon.

“Cái thằng vô lại Moemon, người như nó mà cướp được một đệ nhất mỹ nhân của Kinh đô. Dầu cho sau đó hẳn phải chịu mất mạng, hẳn cũng có lời chán, được chết cùng với một người đẹp như vậy!”

Nhưng một giọng đàn ông khác khắc nghiệt hơn, lên tiếng: “Hẳn chết như thế cũng chưa đáng tội. Tôi chưa thấy một tên nào bại hoại như hẳn, vừa lừa chủ, vừa cướp vợ người ta nữa.”

Nghe thế, Moemon nghiêng răng, giận điên người. “Đây là giọng thẳng vô lại Kisuke chứ ai, hắn thật là vô lương mới dám nói xấu mình. Trước đây, mình cho hắn mượn tám mươi đồng *Momme* bạc mà hắn chưa trả. Mình mà gặp được hắn thì thế nào cũng phải đòi tiền cho được.”

Đang giận thì nghe một tiếng khác tiếp lời: “Moemon chưa chết đâu. Nghe đồn hắn đang sống sung sướng với phu nhân Osan ở đâu đó quanh vùng Ise.”

Nghe vậy, Moemon thấy lạnh khắp người. Anh nhón gót bỏ chạy, đến thuê tạm một căn phòng bên phố, không kịp tắm rửa, anh nhờ một người hành khất mua giùm hai cây nến và một bó nhang, trước khi lên giường ngủ, anh lâm râm cầu khẩn cho đừng ai khám phá ra anh. Nhưng Thần Phật nào giúp đỡ cho anh khi anh phạm vào những tội lỗi dường kia?

Sáng hôm sau, muốn giữ lại một kỷ niệm cuối cùng trước khi từ giã Kinh đô, anh lần xuống khu hát kịch ở Shijo-gawara. Có người bảo anh hôm nay là ngày khai trương vở *Kabuki* ba hồi do Fujita dựng.

“Mình phải xem rồi về kể lại với Osan mới được.” Anh mua một vé ngồi khuất đằng sau, lòng vẫn lo lắng bồn chồn sẽ có ai nhận ra mình. Vở kịch diễn cảnh một người cha bị cướp mất đứa con yêu, làm Moemon thấy lương tâm cắn rứt. Anh nhìn lại những hàng ghế trước, thấy chồng của Osan. Moemon sợ thất thần, anh cảm thấy mình như con người đã bước một chân vào địa ngục, mồ hôi đầm đìa trên trán anh. Anh vùng chạy ra khỏi rạp, trở về ngôi làng ở Tango, và không bao giờ nghĩ đến chuyện lén về Kinh đô lần nữa.

Lúc đó gần đến ngày lễ hội tháng Chín. Hàng năm cứ đến độ này, một người bán trái lặt thường về Kinh đô. Ghé bán lặt tại nhà chồng Osan, trong khi nói chuyện, anh ta hỏi phu nhân đâu, nhưng thấy đám gia nhân chung quanh quay đi, không ai trả lời.

Cuối cùng, chồng Osan bảo: “Nàng chết rồi.” Người bán lặt bảo: “Lạ thật, tôi có thấy một người trông giống phu nhân từng li từng tí, bên cạnh cô ta là một chàng trai trẻ. Họ sống trong làng Kirito ở Tango.”

Người bán lật rong đi rồi, chồng Osan lập tức gọi người đi kiểm tra lại điều ông vừa nghe thấy. Khi biết chắc quả thật Moemon và Osan còn sống ở đó, ông bèn tập trung một đám gia nhân khỏe mạnh, lên đường đến bắt họ.

Chẳng còn chỗ nào để có thể khoan hồng cho tội lỗi của họ. Khi pháp đình tuyên án xong, đôi tình nhân cùng với người đầy tớ gái là Tama, trước đây có dính líu đến việc tư thông giữa hai người, bị giải đi diễu qua đám đông dân chúng, đến tận Awadaguchi, nơi đó sinh mạng họ rơi xuống như những giọt sương mai rụng trên lá cỏ.

Câu chuyện về họ được lan truyền khắp nơi, và cho đến ngày hôm nay, cái tên Osan vẫn gợi lên hình ảnh yêu kiều diễm lệ của nàng trong bộ y trang màu xanh nhạt mà nàng mặc khi bước lên đài giáo hình.

Chuyện nàng Osen đa tình

Người đàn ông si tình bất hạnh

Kiếp người thì ngắn, tình yêu thì dài.

Có một người thợ mộc chuyên đóng thùng, trong khi tự tay đóng chiếc quan tài cho mình, bỗng nhận ra rằng cuộc sống vô thường biết chừng nào. Anh làm việc vất vả mà chỉ kiếm được ít ỏi đủ để thuê một túp lều tranh, sống đạm bạc với giới nghèo khổ trong khu Temma ở Osaka.

Có một cô gái tên là Osen ở làng quê xa, vượt hẳn lên những cô khác trong làng nhờ nhan sắc. Da trắng như bông, gót chân đi như không chấm đất. Năm mười ba tuổi, cha mẹ cô không đủ tiền đóng thuế – tiền thuế lên đến một phần ba số tiền kiếm được hàng năm của họ – nên đưa con gái phải đi ở mướn cho một phu nhân giàu có, sống trong một cơ ngơi đồ sộ gần khu Temma.

Ở được một thời gian, mọi người trong nhà đều yêu thích cô, vì cô khéo léo lanh lợi. Phu nhân hài lòng, người khác cũng thế. Cô được phu nhân tin cậy cho phép lui tới phòng riêng của phu nhân – nơi cất những đồ quý giá. Cô tháo vát, ai cũng quý trọng cô. Phu nhân bảo: “Nếu không có Osen trông coi thì không biết nhà này ra sao nhỉ?” Ấy là bởi Osen thông minh, chăm chút đó thôi.

Osen chưa hề biết yêu đương. Nhan sắc như thế mà đêm đêm vẫn ngủ một mình, thật phí cả xuân xanh. Một lần có gã đàn ông nhẹ dạ đã kéo vạt áo cô bồn chột, cô đáp lại bằng một tiếng hét thất thanh rồi bỏ chạy, để lại phía sau cô gã đàn ông si tình đứng sững sờ. Từ đó, không còn ai dám trêu ghẹo cô. Tất nhiên, đàn ông có thể chỉ trích Osen về đức tính này, nhưng đối với các bậc cha mẹ, nếu mọi cô con gái đều xử sự như Osen thì cũng là một điều hay chứ sao.

Nhưng câu chuyện của chúng ta bắt đầu vào tiết lập thu, vào ngày lễ hội Tanabata, khi mà xiêm y lụa là mới tinh được xếp thành chồng cao ngất

dành cho các cô các bà dự lễ. Thật vui mắt khi nhìn những người phụ nữ thượng lưu mừng lễ bằng cách treo những bài thơ lên cành đỗ tùng, những người nghèo thì trang hoàng nhà bằng những cành hoa hoặc những trái hồng trước cửa theo phong tục ngày ấy.

Ngày lễ này là một dịp đặc biệt cho xóm giềng quen nhau bởi vì mọi người cùng tham dự vào việc vét giếng chung. Những người sống ở những ngôi nhà thuê phía bên kia đường làng đều tham dự, đàn bà thì nấu nước sôi pha trà cho thợ vét giếng. Khi làn nước bắn ở đáy giếng được vét hết đi, nhiều đồ vật linh tinh hiện ra lẫn với cát, sỏi: con dao bếp này, một bó rong trong có cây kim xuyên qua^[12] này. Vét thêm lần nữa, lại gặp nhiều thứ khác: một con búp bê mất đầu, một chuỗi gươm hoen rỉ, một nùm vú cao su trẻ em...

Thế rồi, trong khi vét giếng, một chiếc thùng gỗ bị bứt niềng, họ bèn đem đến người thợ đóng thùng nghèo khổ mà ta đã nói ở đầu chuyện, nhờ anh đóng niềng lại. Anh ta đóng niềng xong, bỗng thấy một người đàn bà già đang ngồi gần đó, lưng còng, tay vuốt ve một con kỳ nhông còn sống.

Anh hỏi là con gì vậy, mẹ ta trả lời: “Đây chính là một con kỳ nhông vừa mới được vớt từ giếng lên. Cậu không biết đây là con kỳ nhông à? Nếu cậu bỏ con kỳ nhông này vào trong ống tre rồi đốt cháy đi, đem tro đó rắc lên mái tóc người mà cậu yêu thì người đó sẽ yêu lại cậu ngay.” Mẹ ta nói vẻ rất chắc chắn.

Mẹ này vốn là một người làm nghề phá thai ở hồ Myoto, sau bị cấm, mẹ bỏ cái nghề độc ác đó và làm nghề xay bột kiếm ăn. Nghề này tay làm hàm nhai, mẹ làm việc vất vả suốt ngày, không còn đâu thì giờ nghe kinh nghe kệ. Tuy vậy, càng tụt dần trong nấc thang xã hội thì mẹ càng hiểu về nghiệp chướng và càng nghĩ đến kiếp sau nhiều hơn.

Khi mẹ giảng cho anh thợ đóng thùng nghe về nhân quả, thiện ác đáo đầu gì gì đó, anh ta chẳng thèm nghe. Anh chỉ gắng hỏi mẹ chuyện đốt cháy con kỳ nhông có thực giúp cho người ta trong việc chiếm đoạt tình yêu hay không mà thôi.

Thấy anh hỏi hết sức hăm hở, mẹ có cảm tình với anh, cuối cùng hỏi anh: “Thế người cậu yêu là ai vậy? Cứ nói đi, tôi không lộ cho ai biết đâu.”

Anh ta quên cả giữ gìn, tuôn hết nỗi lòng ra cho mẹ nghe: “Người tôi yêu sống không xa đây đâu. Tôi yêu Osen, người hầu gái trong nhà kia kìa. Tôi gửi cho nàng đến một trăm lá thư mà không có một chữ trả lời.”

Mẹ già gạt đầu bảo: “Cậu cũng chẳng cần đến con kỳ nhông làm gì. Tôi sẽ khơi dòng suối tình cho cậu. Tôi sẽ vén mây, bắc cầu cho cậu thỏa nguyện mà không phải chờ lâu đâu.”

Anh ta đâm ngại khi thấy mẹ nói dễ dàng như thế: “Nếu bà đòi nhiều tiền, tôi sợ tôi không đủ sức trả, mặc dầu tôi muốn chết đi được. Mùa này tôi vất vả quá, kiếm chẳng được gì. Chứ tôi mà có tiền thì tôi đâu tiếc gì. Tôi chỉ có thể hứa cho bà một bộ áo bông mặc Tết và một bộ áo hạng vừa mặc vào dịp giáp hạ. Thế được không?”

“Tình yêu nói theo kiểu đó chỉ là vị kỷ. Tôi không có ý đòi cậu những thứ đó. Cậu biết đó, làm cho một người yêu cậu là cả một nghệ thuật lớn lao. Trong đời tôi đã giúp hàng ngàn người và lúc nào cũng thành công. Được rồi, tôi sẽ tìm cách cho cô ta gặp cậu trước ngày lễ hội tháng Chín này.”

Ngọn lửa tình bùng cháy dữ dội trong lòng anh thợ đóng thùng, anh ta kêu lên: “Bà ơi, tôi hứa là sẽ cung cấp củi cho bà dùng để nấu trà suốt đời, bà nhé.”

Trên đời này, làm sao mà ta có thể biết được một người có thể sống bao lâu, cho nên, thật là thú vị khi thấy ái tình đã khiến anh ta hứa một điều lớn lao như vậy.

Mụ phù thủy sau buổi dạ vũ

Có bảy điều bí mật tại khu Temma ở Osaka: Ngọn lửa hình cây dù trước chùa Daikyo; cậu bé không tay tại khu thanh lâu Shimme; người đàn bà ngược đầu ở Sonezaki; chiếc thòng lọng ma ở Đại lộ Thứ bảy; nhà sư khóc ở Kawasaki; con mèo cười ở Ikeda-machi và chiếc cối xay rục lửa ở Đồi cỏ. Nhưng thực ra, đó chỉ là những xảo thuật của những tên bịp, những người bán hàng rong thôi. Đáng sợ hơn nhiều chính là những con quỷ trong hình người hủy hoại mạng sống của những người ngu dại.

Hồn người thì cũng đen tối như đêm hai mươi tám tháng Bảy mà những chiếc đèn lồng nơi hiên nhà không đủ soi sáng. Trong buổi lễ hội này, nam nữ múa hát ngoài đường gần suốt đêm. Mãi đến gần sáng, họ mới chấm dứt cuộc vui, để về nhà ngủ.

Chính vào cái giờ khuya khoắt đó, Nanny – mụ già tinh ranh mà người thợ đóng thùng đã hết lòng nhờ cậy – chú ý thấy lối vào phủ đệ của vị tướng công, nơi Osen giúp việc, vẫn còn mở, mụ xông vào, đấm cửa thành thịch rồi khuyu xuống trên nền nhà bếp, mồm la hỗn hển: “Ồi ời trời đất quý thần ơi, khủng khiếp quá, làm ơn cho tôi xin miếng nước.”

Người trong nhà thấy mụ có vẻ như sắp chết đến nơi, hối hả gọi mụ tỉnh, đưa nước cho mụ và chẳng mấy chốc mụ lại nói như sáo.

Phu nhân quan tâm hỏi mụ: “Mụ thấy cái gì mà trông khiếp hãi như vậy?”

“Thưa, tôi rất xấu hổ, nhưng phải thưa thật điều này, là tối nay tôi cũng ra đường nhảy múa. Hồi chiều, tôi đã cố đi ngủ, nhưng không cách gì chợp mắt được. Tiếng nhạc, tiếng trống mới rộn ràng làm sao. Thế là tôi đành nhồm dậ ra đường xem mọi người múa hát. Ôi hấp dẫn quá, tuyệt diệu quá, làm sao không mê được. Tôi đành rẽ đám đông đến chỗ người ta đang hát và múa. Tôi lấy quạt che mặt để đám đông không biết tôi là một mụ già. Thế mà chúng cũng biết ngay mới chán chứ. Tôi cũng lắc lự, uốn éo mình mấy

trong chiếc áo kimono trắng và chiếc khăn choàng đen này trông cũng lẳng lăm chứ, thế mà chẳng có đứa nào thèm kéo váy, trêu ghẹo gì cả.

Thế là tôi đành về nhà, lòng bồi hồi tưởng lại những ngày còn xuân sắc. Khi ngang cổng nhà này, đột nhiên gặp một chàng trai khoảng hăm bốn, hăm lăm tuổi réo gọi tôi. Anh ta đang tuyệt vọng vì tình, tưởng như chỉ còn sống nổi một hai ngày trên cõi thế nữa mà thôi. Anh bảo cho tôi biết chính vì cái cô nàng Osen độc ác mà con tim anh tan nát, rã rời. Anh ta thề rằng một tuần sau khi anh chết, hồn ma anh sẽ đến giết hết mọi người trong nhà này. Trời ơi, trông anh ta dễ sợ quá! Mặt anh ta đỏ bừng, ánh mắt rực lửa hệt như con tengu^[13] đã nhập vào người anh ta vậy. Thế là tôi sợ hết hồn và chạy thẳng vào đây.”

Nghe mục kể, mọi người đều thất kinh, còn người cha già của chủ nhân thì nhỏ lệ.

“Đau khổ vì tình,” cụ bảo, “cũng là chuyện thường tình xưa nay. Osen thì cũng đã đến tuổi lấy chồng. Chúng ta sẽ lưu ý xem cậu trai này có phải là người đàng hoàng không. Chỉ cần cậu ta không hoang đàng bậy bạ, cờ bạc, đĩ điếm, chứ thanh bần mà biết cần kiệm thì cũng tốt. Ta chưa hề biết cậu ta nhưng xem ra thì cũng đáng tội nghiệp.”

Nghe vậy, mọi người ngẫm nghĩ và rồi cũng thấy thương cho cậu ta. Mục già tinh ma này thật rành việc mai mối lương duyên.

Lúc đó đã quá nửa đêm, người ta đỡ mục đứng lên và mục trở về túp lều của mình. Mục nằm toan tính việc kế tiếp, thì ngày rạng nơi cửa sổ phía đông. Mục nghe tiếng người hàng xóm lui cui nhóm bếp. Đâu đó, tiếng một đứa bé khóc, tiếng đập muỗi của một người còn ngái ngủ. Đâu đây vẫn còn thoảng tiếng sột soạt gối chần của những đôi vợ chồng son còn luyến tiếc đêm trường. Nghĩ cho cùng, trong cuộc đời dâu bể vì lăn lộn mưu sinh, người ta còn có lạc thú nào hơn là chuyện lứa đôi!

Rồi cuối cùng, mặt trời cũng mọc lên trong một ngày thu hiu gió. Người đàn bà già nhồm dậy, buộc khăn lên đầu. Mục thấy nhức đầu sau lễ hội hôm

qua, bèn đi mua thuốc về uống. Đang sắc thuốc thì thấy Osen xuyên qua con hẻm đến thăm.

“Hôm nay, bà đã đỡ chưa?,” Osen vừa ngọt ngào hỏi vừa lấy dưới vạt áo ra nửa trái dưa gói trong lá sen và đặt trên bó củi ở góc nhà. “Chắc bà muốn dùng với nước chấm,” miệng nói, nàng quay mình đi lấy nước chấm, không đợi mục già cảm ơn.

Nanny bèn hỏi cô: “Bởi vì cô mà đêm qua tôi suýt chết, và tôi cũng chẳng có con gái, nên cô phải cầu nguyện cho tôi sau khi tôi khuất núi đấy nhé.” Mục với tay lên xà nhà, lấy ra một đôi bút tất tùm có dải đỏ và một chiếc túi nhỏ đựng chuỗi hạt. Mục trao cho Osen, dặn cô giữ gìn cẩn thận sau khi mục chết đi.

Phụ nữ vốn cả tin, nghe vậy Osen khóc sụi sùi: “Nếu có người nào đó thực sự yêu cháu, tại sao người ta lại không nhờ cậy một người rành đời như bà làm mai? Nếu cháu biết rõ ý định của anh ta từ trước thì cháu đâu có cự tuyệt.”

Mục già thấy rằng đã đến lúc nói hết cho Osen. “Giờ thì ta chẳng giấu gì cháu nữa. Thật ra, cậu ta đã đến gặp ta nhiều lần, cậu ta yêu cháu tha thiết chân thành lắm. Nếu cháu mà cự tuyệt cậu ấy thì chính ta cũng thù hận cháu đấy.” Mục nói bằng tất cả sự khôn khéo của nhiều năm kinh nghiệm và đúng như dự đoán, Osen nhượng bộ. Cô thốn thức nói: “Thì cháu cũng muốn gặp anh ấy.”

Mục già vui mừng thấy mình đạt được lời hứa với chàng si tình. Mục thì thầm: “Ta vừa mới nghĩ được một dịp tốt để cháu gặp cậu ấy. Ngày mười một tháng Tám này cháu hãy bí mật đi lễ chùa ở Ise. Đi đường, hai cô cậu tha hồ mà tâm tình, cởi mở; tha hồ mà yêu đương.” Rồi mục làm như tình cờ nhắc thêm: “Cháu sẽ biết, cậu ta đẹp trai lắm đấy nhé.”

Không cần mục thuyết phục thêm, cũng không cần thấy mặt chàng trai, Osen đã thấy lòng rộn rã yêu đương rồi. “Anh ấy có thể tự viết thư lấy không nhỉ? Tóc anh có dài và đẹp không nhỉ? Trán anh có rộng không nhỉ? Cháu nghĩ, chắc lưng anh ấy hơi khòm vì suốt ngày phải cúi mình đóng

thùng mà... Ờ, khi chúng cháu rời khỏi đây, cháu muốn buổi trưa dừng lại ở Moriguchi hoặc ở Hirakata.”

Cô còn đang nghĩ vãn vợ đủ chuyện như thế thì nghe tiếng một người tớ gái khác gọi: “Phu nhân đòi cô” – Thế là Osen quay gót, chỉ còn kịp nói nhanh với Nanny: “Ngày mười một bà nhé...”

Đôi tình nhân lén gặp gỡ, dịu ngọt như nước ở Kyoto

Phu nhân định mở tiệc thưởng hoa trong vườn, vì thế bà dặn dò tôi tớ: “Sáng mai, các người tưới và tỉa hoa thật sớm. Các người đặt mấy cái đôn sứ sát bờ tường, xa nhà nhé. Đặt các chậu hoa rải rác ra, nhớ xếp bánh kẹo vào hộp giấy, đừng quên ấm trà. Ta sẽ tắm trước sáu giờ sáng và các người nhớ cuốn tóc ta thành ba lọn. Chuẩn bị cho ta chiếc áo choàng trắng, tà rộng có thêu chỉ hồng này, ta sẽ mang chiếc khăn lụa có vẽ hoa này, ta muốn các người lo chu tất mọi thứ bởi vì ta mở tiệc trong vườn, nên người ngoài đường có thể nhìn thấy chúng ta đấy. Còn các người nhớ lấy quần áo mới mà mặc nhé. À, nhớ gửi thiệp mời cho mấy người chị em của ta ở Tenjinbashi nữa đấy.”

Phu nhân giao trách nhiệm coi sóc mọi việc cho Osen. Osen thì chờ phu nhân vào nghỉ, buông màn, đứng quạt hầu nhè nhẹ bên cạnh. Nghĩ cũng buồn cười, làm huyên náo cả bọn tôi tớ như thế chỉ vì mấy chậu hoa trong vườn!

Nhưng ham điều phù hoa đâu phải là nhược điểm riêng của đàn bà. Vào thời gian này thì vị tướng công – chủ nhà – cũng đang phung phí thời giờ và tiền bạc ở chốn Bình khang tại Osaka; mặc dầu ông bảo với cả nhà là ông đi lễ chùa Tsumura, tay có cầm một bó nhang lớn thật, nhưng ông đi thẳng đến hành viện Shimabara sang trọng, bao luôn hai cô ca kỹ thượng lưu trong một ngày.

Trước lúc ngày mười một tháng Tám chớm rạng, mẹ già Nanny nghe tiếng gõ nhè nhẹ nơi cánh cửa chớp.

“Cháu là Osen đây,” rồi cô ném vào chiếc tay nải gói vội các thứ đồ linh tinh. Xong, tức khắc quay trở lại nhà chủ. Mẹ già tỉnh ma không bỏ lỡ cơ hội, mở tay nải ra lục lọi xem có mang gì trong đó: mấy đồng tiền bạc, hai

chiếc lược, một chiếc khăn quàng nhiều màu, một bộ quần áo mặc lúc mát trời, một chiếc áo choàng, bút tất, dép, một chiếc dù mà cô đã ngây ngô viết tên và địa chỉ mình lên đó. Mụ già khôn ngoan, vội chùi mấy chữ đó cho nhòa đi để không ai đọc được. Đang loay hoay thì trước cửa có người gọi: “Bà Nanny, tôi đi trước nhé” – người thợ đóng thùng nói, rồi đi ngay.

Lát sau, Osen trở lại, hơi hồi hộp: “Cháu xin lỗi đến muộn. Cháu bị kẹt chút việc ở nhà.”

Nanny khi đó mới lấy cái tay nải chứa hành lý cá nhân của mình đeo nơi tay. Mụ bảo Osen: “Dù cực nhọc, tôi cũng phải cố gắng đi lễ cùng cô đến Ise.”

Nghe vậy, Osen sửng người, sợ cuộc đi lén với người yêu đảo lộn hết. Rồi nàng nói: “Bà lớn tuổi như vậy đi đường xa cực nhọc lắm. Sao bà không dẫn cháu đến gặp người ta rồi sau đó bà thuê thuyền đi đến Fushini có phải tiện hơn không?”

Nhưng khi họ ra đi đến cầu thì gặp ngay Kyushichi, người đầy tớ trai cùng làm trong phủ với Osen. Anh ta định đi xem lính đối phiên gác trước lâu đài Osaka, nhưng gặp Nanny với Osen, anh ta tò mò hết sức. Khi biết họ đi lễ, anh bèn đi theo.

“Từ trước đến nay, tôi vẫn thường đi lễ chùa ở Ise, nay gặp bà và cô cùng đi thì còn gì bằng. Đưa hành lý đây tôi xách cho. Thiệt may là hiện trong túi tôi có khá tiền, đi đường có ăn gì tôi lo hết cho, bà với cô đừng ngại gì cả.” Thấy vẻ chăm sóc hăm hở quá đáng của anh ta, người ta có thể đoán ngay là anh chàng có tình ý với Osen chứ chẳng không, vì thế vẻ thù nghịch hiện ngay lên trong thái độ của Nanny.

“Ô, một cô gái trẻ cùng đi đường với một người đàn ông như anh coi sao được. Người ta dị nghị chết. Với lại, Thần Phật ở Ise cũng không chứng giám cho đâu. Thôi anh đừng đi theo chúng tôi nữa.”

“Ồ, thì tôi có làm gì trở ngại đâu nào. Tôi không có ý gì với cô Osen đâu, bà hãy tin tôi đi. Tôi đi chỉ vì đức tin thôi mà. Thần Phật chứng giám cho tôi, lòng tôi ngay thẳng như con đường mà chúng ta đi qua. Nếu thời tiết tốt

và nếu cô Osen đây thích, chúng ta sẽ đi khắp nơi, có lẽ đến Kinh đô luôn. Chúng ta sẽ ở đó năm ngày, đi xem đèn cốm thạch ở Takao trong ánh sáng mùa thu, đi xem vườn hoa ở Saga. Tướng công nhà tôi mỗi khi lên Kinh đô đều ở tại khách sạn Kawara, nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể tìm chỗ tốt hơn, như thuê mấy phòng tiện nghi ở dãy phía tây của Đại lộ Số ba, ở đó bà cụ đây có thể đi thăm đèn Bản Nguyệt rất gần.” Anh nói như thế mọi thứ đều ở trong tầm tay vậy.

Mặt trời mùa thu đã mọc quá triền núi. Ba người lữ hành đi ngang qua bờ sông Yodo phủ đầy bóng mát, bỗng gặp một người đàn ông dáng kỳ quặc, ngồi dưới gốc liễu như đang đợi ai. Lại gần nhìn kỹ, mục Nanny nhận ra đó chính là người thợ đóng thùng. Nhìn ánh mắt mục, anh hiểu rằng có chuyện gì đó không hay, không xuôi chèo mát mái như dự định.

Mục giả bộ nói: “Anh bạn, xem chừng anh cũng đi lễ ở Ise thì phải. Sao đi một mình? Xem chừng anh bạn cũng là người tử tế, vậy hãy cùng đi với chúng tôi, đến đêm trú ngụ một nơi nào đó cho có bạn đồng hành.”

Anh thợ đóng thùng tất nhiên vui mừng: “Quả thế thật, có bạn đồng hành tử tế thì đường đi ngắn hơn, như người ta thường nói. Tôi xin cảm ơn bà.”

Còn Kyushichi thì tất nhiên là không bằng lòng: “Đi thế xem kỳ lắm. Trong đoàn chúng ta có một cô nương mà giờ lại thêm một người đàn ông lạ, không biết lai lịch thế nào cả.”

Nanny chận ngay: “Ô, không hề gì đâu. Có Thần Phật canh chừng. Với lại có một người khỏe mạnh như anh đây, còn ngại gì.”

Thế là đêm đến, cả bốn người cùng ngủ lại ở một quán trọ ven đường. Kyushichi luôn tìm cơ hội thỏa mãn dục vọng thầm kín của mình, luôn luôn rình mò người thiếu nữ. Đêm ngủ, khi bốn người nằm thành một hàng dài, anh ta duỗi tay, rình kéo thấp ngọn đèn cho ánh sáng yếu đi để dễ bề hành động.

Ánh đèn sắp tắt đi, bỗng anh thợ đóng thùng kêu lên: “Chà, sao nóng quá,” rồi ngồi dậy mở cửa sổ gần anh, khiến ánh trăng rọi vào cả bốn khuôn mặt đang ngủ.

Lại nữa, khi Osen đang giả vờ ngáy đều, Kyushichi rình gác chân lên người cô thì phải rút ngay lại liền, vì người thợ đóng thùng bỗng cất tiếng hát một bài hát tình, vừa nằm hát vừa lấy quạt gõ nhịp khe khẽ theo. Osen cũng thôi giả vờ ngủ và bắt đầu chuyện trò với Nanny.

“Cháu nghĩ rằng, sinh ra làm con gái thật là khổ. Cháu bỗng có ý nghĩ muốn xuất gia. Chắc năm tới cháu sẽ thành một ni cô ở chùa Kitano.”

Giọng ngái ngủ, mụ già trả lời: “Thế cũng hay, còn hơn sống trên cõi đời phiền lụy này.”

Thế là hai gã đàn ông, mỗi người một phía, trần trọc suốt đêm. Kyushichi lúc mới đi nằm thì quay đầu về hướng tây, lần hồi đầu lảo đảo về hướng nam; người thợ đóng thùng thì tay cầm sẵn một bình dầu đèn hương^[14], nằm ngủ mà mặt nhăn như khi.

Sáng hôm sau, họ mượn một con ngựa và tiếp tục cuộc hành trình. Osen ngồi giữa, hai người đàn ông ngồi trước và sau cô. Người ngoài trông vào thật buồn cười, không biết họ cưỡi ngựa vì đi bộ mệt hay vì thích thú: Một phía thì Kyushichi mân mê ngón chân Osen, phía kia thì người thợ đóng thùng ôm siết lấy hông nàng. Mỗi người đều nuôi dưỡng ham muốn thầm kín của mình.

Chẳng có ai trong họ thật sự chú ý đến việc đi lễ cả. Đến Ise cũng chẳng thềm vào trong chùa, chỉ dừng lại ở ngoài chùa một lát để mua một ít nhang đèn cho có lệ.

Trên đường về, hai anh lại cùng canh chừng nhau, nên chẳng có chuyện gì xảy ra. Khi họ đến Kinh đô Kyoto, Kyushichi dẫn họ đến ở khách sạn mà anh biết. Người thợ đóng thùng nhắm tính vừa qua Kyushichi đã trả tiền ăn ở dọc đường khá nhiều cho cả bốn người, nên đã cúi đầu cảm ơn anh và từ giả ra đi. Chắc hẳn rằng từ đây sẽ chiếm được Osen, Kyushichi đi ra phố mua rất nhiều quà tặng cho cô. Tuy sốt ruột không đợi đến tối nổi, nhưng anh cũng tranh thủ đi thăm một vài người quen biết ở Kyoto cho qua thời giờ.

Chính trong lúc đó, Nanny cùng Osen rời khách sạn, làm bộ đi lễ chùa Kiyomizu. Họ đi thẳng đến một quán nhỏ bán thức ăn đứng trong hộp giấy và tìm thấy trên một chiếc hộp tấm thiệp đề hai chữ “Cửa - Đục,” dấu hiệu cho biết người đóng thùng có tại đó, Osen bèn lên lầu nhẹ nhàng không ai biết. Trên gác cô gặp người yêu ở đây, hai người cùng nhau uống rượu giao bôi, đính ước và thề non hẹn biển với nhau.

Trong lúc đó, Nanny ở lại dưới lầu, uống hết tách trà này đến tách trà khác, gật gù khen: “Nước ở Kyoto ngọt dịu thật.”

Gần gũi với Osen xong, người thợ đóng thùng tức khắc đi thuyền về Osaka. Còn Nanny và Osen về lại khách sạn, cũng tuyên bố rời Kyoto tức khắc, Kyushichi van nài họ ở lại thêm vài ngày ở Kinh đô để đi ngoạn cảnh kéo phí, nhưng mục già cương quyết từ chối.

“Phu nhân ở nhà sẽ nghĩ thế nào nếu biết Osen ở đây cho đàn ông tán tỉnh?” Thế là họ khởi hành đi ngay.

“Này, phiền cậu một tí, tay nải này nặng quá. Cậu xách hộ tôi một lúc được không Kyushichi?”

“Rất tiếc, lưng tôi mỏi nhừ rồi.” – anh ta trả lời.

Và, khi họ dừng nghỉ nơi quán bìa rừng tử đinh hương, trước tượng Phật ở Inari, hai người phụ nữ uống trà phải tự móc túi lấy tiền trả.

Lửa nung trong lò, lửa cháy trong tim

“Nếu người thừa với chúng ta người muốn đi lễ, chúng ta sẽ cho thuê cáng hoặc ngựa cho người đi chứ có cấm đoán gì đâu. Nhưng người đi lên lút như vậy, rồi trở về đây với một đồng quà chẳng biết của ai cho người. Thật là, thật là điều chẳng ai dám làm, lại cùng nhau đến Kinh đô, uống rượu và ngủ chung với nhau. Thật tà trời...”

“Osen là đàn bà, thật khó cưỡng lại sự thúc ép của Kyushichi. Còn Kyushichi là tên ranh ma, chắc đã dạy cho cô gái này nhiều điều...”

Phu nhân nổi cơn thịnh nộ. Kyushichi giải bày thế nào cũng không nghe. Thế là anh đẩy tớ trai vô tội, đáng thương này bị đuổi ngay tức khắc. Sau đó, anh ta làm đủ thứ nghề ở Kitano và lấy một ca nhi làm vợ. Hiện giờ, anh sống bằng nghề bán *sushi*^[15] ở đường cây liễu, hoàn toàn quên hẳn Osen.

Osen thì trở lại công việc thường ngày trong nhà, nhưng cô làm sao quên được cuộc tình ngắn ngủi với anh thợ đóng thùng, cũng không thể xóa được hình ảnh anh ra khỏi tâm trí. Cô bắt đầu biếng ăn, biếng mặc, nói năng câu thả, trễ nải công việc, người gầy và xanh. Cuối cùng, hết cả tự chủ, cô rên rỉ trong đêm như một hồn ma.

Cùng thời gian ấy, một loạt rui ro xảy ra trong nhà. Chiếc nồi lớn tự nhiên bị thủng đáy, thức ăn để từ sáng tới chiều đã thiu, sét đánh trên mái nhà kho, bén lửa vào trần nhà. Tất cả những việc đó thường thì có thể xem là chuyện tự nhiên, nhưng trong trường hợp này người ta cho là có ý nghĩa đặc biệt. Có người bảo: “Đó chính là linh hồn của kẻ say mê Osen, gã thợ đóng thùng làm đấy.”

Tướng công và phu nhân nghe vậy, quyết định dùng quyền của mình làm mọi cách cho hai người lấy nhau. Nanny được gọi đến giúp ý kiến.

Mụ khôn khéo thưa: “Cô Osen thường bảo tôi là cô không muốn lấy một người thợ lam lũ làm chồng, và cô cũng không chắc là cái cậu đóng thùng

đó có định lấy cô không nữa. Nhưng tôi chắc là cô ấy cũng không khước từ. Vói lại, nếu sau này họ khấm khá lên, chắc cô ấy cũng hài lòng.”

Nghe thế, chủ nhân của Osen bèn cho gọi người thợ đóng thùng đến và gả Osen cho. Ngày lành tháng tốt, Osen che mặt, nhuộm răng về nhà chồng. Của hồi môn của cô có hai mươi ba món đồ, bao gồm: một chiếc rương rế tiền, một chiếc giỏ đựng quần áo, hai chiếc áo dài cũ phu nhân không dùng cho cô, một bộ đồ ngủ, một chiếc mùng, một chiếc khăn choàng cũ kỹ. Không có một đồng xu, cô chỉ được mang theo từng đó thứ về nhà chồng.

Đôi vợ chồng sống hòa hợp, hạnh phúc. Anh chồng vốn chân thật, siêng năng, suốt ngày cắm cúi đóng thùng, trong khi người vợ cũng chăm chỉ dệt cửi. Họ làm việc ngày đêm không phải thiếu nợ ai. Osen hết sức chăm sóc chồng. Mùa đông, khi anh về muộn, cô ủ cơm để khi về anh có cơm nóng ăn. Mùa hè, cô luôn luôn quạt cho anh. Khi anh đi vắng, cô khóa cửa nhà và chẳng bao giờ nhìn một người đàn ông nào khác. Nếu có dịp nói chuyện với một người nào thì y như rằng “Chồng tôi thế này, chồng tôi thế nợ,....” Sau nhiều năm tháng, khi đã sinh hai đứa con, cô cũng không vì lo cho con mà quên chăm sóc chồng.

Nhưng hỡi ôi, một vài người đàn bà đôi khi nhẹ dạ. Bị dụ dỗ bởi một câu chuyện tình lãng mạn, xiêu lòng trước một vở kịch diễn tình, linh hồn họ rất dễ bị lôi kéo xuống con đường sa đọa. Giữa những bông hoa đào đang rụng lá tả trong vườn tử đinh hương tím ngát, họ dễ dàng phủ phục xuống dưới gối một chàng trai tuấn tú. Và thế rồi, khi quay trở về nhà, họ thấy lòng chán ghét anh chồng vẫn đầu ấp tay gối bấy lâu.

Đã sa ngã một lần như vậy thì họ như điên rồ. Họ quên hết sự cần kiệm, thận trọng trước đây. Họ đốt lò rồi quên không tắt, khêu đèn thật sáng khi không cần thiết, và trong khi tài sản gia đình tiêu hao dần, họ chỉ nôn nóng chờ rồi việc để họ có thể ra khỏi nhà. Cuộc sống vợ chồng như vậy thật đáng sợ thay!

Rồi nếu chồng chết, chỉ bảy ngày sau là những người đàn bà ấy lo kiếm chồng khác. Ly dị một lần, họ lấy chồng khác rồi lại ly hôn, có khi đến sáu

bảy lần. Đàn bà đôn hậu suốt đời chỉ trao xương gởi thịt cho một người đàn ông mà thôi. Nếu có điều bất hạnh gì xảy ra khi cô ta còn trẻ thì thường phải đi tu, như nhiều phụ nữ xưa nay đã làm.

Tất nhiên, cũng có nhiều phụ nữ khác sống với những mối tình bí mật tội lỗi, nhưng khi bị khám phá, hoặc chồng họ chỉ lặng lẽ lôi về nhà mà không đem ra pháp đình vì sợ tai tiếng, hoặc gặp anh chồng tham tiền thì người ta hối lộ cho anh chồng bỏ qua. Thế là những người đàn bà tội lỗi thoát khỏi bị trừng phạt và việc ngoại tình vẫn cứ còn.

Nhưng mà còn Trời Phạt nữa chứ, có tội lỗi nào mà không bị trừng phạt đâu!

Đời sống ngắn ngủi hơn lửa dấm bào

Chozaemon – làm nghề chế men rượu – cảm thấy ngày tháng trôi qua như giấc mộng. Đã đến lần giỗ thứ năm mươi của cha ông nên ông có lý do để làm giỗ linh đình cho cha mình. Theo người xưa dạy thì khi để tang cha đã được năm mươi năm thì trong ngày giỗ cha có thể ăn uống, chè chén, ca hát suốt buổi chiều, không phải cấm đoán ràng buộc gì nữa. Vì thế, Chozaemon không tiếc tiền để làm một buổi giỗ cho ra vẻ. Các bà vợ hàng xóm cũng tham gia sửa soạn. Họ mang qua những bát đĩa bằng gỗ quý chỉ dùng trong dịp đặc biệt, lau chùi và để sẵn trong chạn.

Vợ người thợ đóng thùng cũng là bạn của bà này, vì thế cô cũng ghé nhà Chozaemon giúp một tay: “Có việc gì trong bếp cần phụ không?”

Ai cũng biết Osen khéo tay nên người ta nhờ cô vào buồng ngủ lấy kẹo trưng bày trên khay.

Cô vừa bày kẹo bánh, trái cây sắp xong thì Chozaemon vào, với tay lên cái kệ cao để lấy một cái bát, nhưng ông vụng về làm rơi bát xuống ngay đầu Osen. Mái tóc chải đứng cao của cô bung ra. Ông rối rít xin lỗi.

Cô nói: “Không sao, tôi không bị thương chút nào,” cô buộc vội mái tóc và đi vào bếp.

Vợ của Chozaemon thấy đầu tóc cô, ngạc nhiên hỏi: “Hồi nãy chị chải mái tóc đứng rất đẹp, sao bây giờ xõ bung ra vậy?”

Osen, lòng trong sáng, nói: “Ông nhà với lấy mấy chiếc bát trên kệ, để rơi xuống nhằm đầu tôi đấy.”

Nhưng bà chủ nhà không thể tin điều đó: “Hừ! Chiếc bát rơi xuống! Rơi sao mà khéo thế! Cô rơi vào giường ông ta thì có. Rơi vào đúng ngày giỗ cha ông ta nữa chứ!”

Giận điên người, bà ta nhặt những lát cá vừa được cắt và bày cẩn thận trên đĩa gỗ, ném tung tóe khắp nhà bếp. Rồi rượu, rồi bột, thứ gì bà ta nhặt được bà đều ném vào Osen. Sau này, ai nghe chuyện này cũng phải lắc đầu. Có một bà vợ ghen tuông dữ dội như thế thật khổ.

Lúc đầu, Osen cố điềm đạm phân trần, mặc dầu cô rất bực mình. Về sau, càng nghĩ cô càng thấy chua cay. Cô tự bảo: “Khóc làm gì, đã trót mang tiếng nợ, chẳng còn gì để mất nữa. Được rồi, mình sẽ ái ân với Chozaemon để cho con mù đàn bà ấy một bài học.” Nuôi ý tưởng đó trong đầu, cô tự nhiên thấy ham muốn ông ta và thế là hai người hứa hẹn với nhau, chỉ chờ cơ hội thuận tiện để thỏa mãn lòng ham muốn.

Ngày lễ hội tháng Giêng là một dịp tốt cho họ, bởi ngày đó đàn bà trẻ con quanh xóm đều vui chơi, tham dự vào những cuộc đua tài, tranh giải. Từ suốt sáng cho đến tối, mọi người bị thu hút vào trò chơi. Kẻ thua ra, kẻ thắng tiếp tục, say sưa quên trời đất. Anh thợ đóng thùng về nhà, vắn nhỏ đèn rồi lên giường, mệt mỏi vì cuộc chơi suốt ngày nên ngủ ngay, có vẻ ai lay cũng chẳng dậy.

Chozaemon theo Osen về nhà. Ông thúc giục: “Đây là lúc ta thực hiện điều đã ước hẹn với nhau,” Osen không chối từ được, dẫn ông vào nhà mình.

Họ vừa chuẩn bị ái ân thì anh thợ đóng thùng thức dậy: “Ồ khốn nạn, ta bắt được người rồi!” Anh hét to.

Chozaemon ném quần áo để chạy thoát thân, run như cầy sấy, ông co giò chạy đến nhà một người bà con để trú ẩn.

Osen thấy tình cảnh mình thật tuyệt vọng, bèn lấy lưỡi bào thợ mộc đâm ngập tim mình và chết. Thi thể cô bị bêu ngoài Cánh-Đồng-Túi-Nhục cùng với xác của Chozaemon, khi tên vô lại này cuối cùng cũng bị bắt và hành hình. Tên họ được kể lại trong vô vàn bài hát, bài thơ truyền tụng tới các vùng rất xa, với lời cảnh báo: Thế giới này nghiêm khắc và tội lỗi không bao giờ thoát khỏi bị trừng phạt!

Gengobei, núi tình

Điệu sáo chấm dứt bằng một nốt nhạc buồn

Cho đến bây giờ, những bài dân ca vẫn còn nhắc đến tên một người đàn ông là Gengobei – chàng vốn từ Kagoshima thuộc vùng Satsuma đến. Chàng có một sở thích đặc biệt trong tình yêu. Chàng để tóc dài theo kiểu quê chàng: Tóc buông xuống lưng với một chùm quăn ngược lên. Kiếm của chàng thì dài và kỳ quặc, nhưng vì đó cũng là theo phong tục nơi quê nhà chàng nên cũng chẳng ai dị nghị gì. Đặc biệt, Gengobei yêu thích các chàng trai trẻ. Không một lần trong đời chàng tỏ ra chú ý đến giới phụ nữ.

Gengobei được hai mươi lăm tuổi. Đã nhiều năm rồi, chàng say đắm một cậu thanh niên là Nakamura Hachijuro, người mà gặp lần đầu tiên chàng đã đem lòng yêu tha thiết và thề thốt. Hachijuro là một thiếu niên cực kỳ anh tuấn, có thể nói là như một nụ hoa đào đang chớm nở, một bông hoa dịu ngọt của ái tình vậy.

Một đêm mưa rả rích, hai chàng trai kề cận trong căn phòng nhỏ của Gengobei. Họ cùng thổi một điệu sáo, cùng lắng nghe những âm thanh bên ngoài vọng lại, cùng bị mê hoặc bởi vẻ đẹp quyến rũ của đêm vắng. Gió thổi qua cửa sổ, đem theo những hạt mưa bụi và hương thơm của cây mận, đọng lại trên tà áo dài của hai người.

Ngọn đèn dầu tắt, những điệu sáo cuối cùng lặng đi vào thinh không. Hachijuro trông quyến rũ hơn, nồng nhiệt hơn bao giờ hết. Mỗi lời nói ra đều trĩu nặng tình yêu. Gengobei sung sướng quá, ước chi Hachijuro cứ giữ như thế này mãi mãi, không thay đổi, vẫn là cậu thiếu niên tuấn tú với mái tóc lò xo trước trán như bây giờ. Một ước vọng bất khả, đại rõ ngay cả trong thế giới của những kẻ điên cuồng.

Ngày rạng ở chân trời, họ còn nằm bên nhau giữa đống gối chăn xô lệch. Gengobei vừa thiu thiu ngủ thì Hachijuro lay anh.

“Làm sao thệ huynh có thể phí mất một đêm quý giá đường này,” cậu nói với Gengobei, khi đó đang chưa tỉnh ngủ nên chỉ nghe một nửa lời cậu và chưa hiểu rõ cậu muốn nói gì. “Đây có thể là đêm cuối cùng chúng ta chuyện trò cùng nhau. Thệ huynh không nói những lời cuối cùng để từ biệt đệ ư?”

Gengobei giật mình, “Đệ đừng nói đùa thế làm ta đau lòng. Nếu có một ngày nào đó mà chúng ta phải xa nhau, khuôn mặt của đệ sẽ ám ảnh ta mãi mãi trong giấc mơ. Ích gì mà đùa cợt rồi đại vậy. Đệ bảo đêm nay có thể là đêm cuối cùng làm cho lòng ta thảng thốt.”

Nắm tay Gengobei, Hachijuro cười yếu ớt: “Nơi cõi Phù Đồ này có gì chắc chắn đâu huynh. Ai dám nói chắc khi nào thì đời ta chấm dứt?”

Như một lời tiên tri, cậu vừa nói xong thì mạch ngừng đập. Cái buổi chia tay mà cậu sợ hãi đã thành sự thật.

“Cái gì thế này!” – Gengobei kêu lên rồi từ bàng hoàng đến đau xót, chàng khóc nức nở, khóc hãi hùng cho đến khi mọi người nghe tiếng chạy đến.

Người ta đổ thuốc vào miệng Hachijuro, nhưng vô hiệu. Tất cả đã chấm dứt.

Cha mẹ Hachijuro nghe tin, đau lòng vô hạn. Họ biết rõ Gengobei trong nhiều năm nên không nghi ngờ gì chàng về cái chết của con trai mình.

Tất cả những di vật của cậu tìm được đều gom góp lại chôn theo với cậu. Mộ cậu nằm dưới bóng mát của những cây cỏ cao bên vệ đường.

Gengobei phủ phục trước nấm mồ, để tang cho người đã khuất, ước chi mình cũng có thể từ bỏ cõi đời.

“Hỡi ơi, sao kiếp đệ mỏng manh quá vậy? Ta sẽ để tang đệ ba năm. Đúng ngày này ba năm sau ta sẽ đến đây sum họp với đệ giữa hồn ma bóng quỷ.”

Nói rồi bèn rời mộ và cắt tóc đi tu. Chàng bạch hết chuyện đời mình từ đầu chí cuối cho Sư cụ chùa Saien nghe, sau đó nguyện hiến cuộc đời mình cho kinh kệ.

Vào mùa hạ, hàng ngày chàng nhật hoa, thắp hương cắm trên mộ và thành tâm cầu nguyện cho linh hồn Hachijuro. Mùa thu tới, hoa nở trên hàng rào nhà chùa, những đóa hoa nhắc nhở đến vẻ đẹp hỡi hùng, mong manh của cuộc sống.

Chàng nghĩ, “Cả giọt sương cũng không mong manh hơn kiếp người.” Chàng nhớ tới quá khứ, giờ đây đã mất đi vĩnh viễn. Hôm đó là ngày lễ đón linh hồn người chết trở về. Gengobei ngắt lá oải hương, lá gói rào trên sàn nhà, rồi rắc đậu lên trên – theo phong tục của ngày lễ. Dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn lồng, anh chăm chú tụng kinh trước bàn thờ người chết trong khi bên cạnh, một vòng lửa được đốt lên để đón chào linh hồn người chết.

Những buổi chiều ngày mười bốn không phải là một buổi chiều yên tĩnh ở chùa. Các chủ nợ vào dịp này thường đến đòi nợ các nhà sư. Ngoài cổng chùa thì một đám múa lễ đánh trống ồn ào.

Gengobei nghĩ thầm, “Cả ở đây cuộc sống cũng huyền ảo quá,” thế là chàng quyết định lên đường đến núi Koya, nơi đây có một Sơn tự do Đại sư Kobo-Daishi xây dựng từ thế kỷ IX.

Sáng sớm ngày mười lăm, chàng khởi hành ra đi trong bộ áo nâu sồng loang lỗ vì nước mắt và vạt áo sờn nhiều vì bao lần chùi cặp mắt sưng.

Đời sống của cậu bé bắt chim cũng ngăn ngủ như đời sống của chính con chim

Cả làng sẵn sàng đợi mùa đông. Củi đã được chẻ và bó lại. Người ta dựng hàng rào ngăn tuyết, đóng ván lên cửa sổ hướng bắc để cho chắc chắn, áo ấm thì đem ra rũ bụi sẵn để mặc. Gengobei đi ngang qua những cánh đồng bát ngát, trơ trụi. Chàng đang quan sát những con chim nhỏ bé xây tổ trong những tầng cây lá đỏ rực, bỗng chú ý thấy một cậu bé mười bốn hay mười lăm tuổi, mặc chiếc áo vải viền xanh nhạt, khoác chiếc khăn màu tím. Bên hông cậu đeo một thanh gươm chuôi nạm vàng. Tóc cậu buộc thành lọn. Trông cậu quyến rũ như một cô gái. Tay cậu cầm một mũi phi tiêu bằng tre, nhắm lui nhắm tới một chú chim rồi ném phi tiêu đi hàng trăm lần mà chẳng trúng được con nào cả, trông cậu thất vọng ra mặt.

“Mình chưa bao giờ thấy cậu bé đẹp như thế trên đời” – Gengobei vừa ngắm cậu vừa nghĩ – “Cậu này không lớn hơn Hachijuro, mà nhan sắc thì vượt xa.”

Mọi ký ức về cái chết của Hachijuro biến đi trong tâm trí, chàng đứng ngắm nhìn cậu bé cho đến chạng vạng. Cuối cùng, chàng tiến về phía cậu ta.

“Tôi là người xuất gia, thế mà tôi biết cách bắt chim hơn cậu đấy. Đưa cho tôi nào!”

Chàng cầm lấy cây tre nhọn trên tay cậu bé và chẳng mấy chốc hạ vô số chim khiến cậu bé vui sướng như điên.

“Tại sao mà người như huynh lại trở thành nhà sư vậy?” – Sau đó cậu bé hỏi Gengobei.

Gengobei bèn kể chuyện của mình từ đầu đến cuối, chìm đắm trong kỷ niệm đau thương khiến cặp mắt nhòa lệ.

Cậu thiếu niên thương cảm thốt lên: “Huynh xuất gia vào cửa Thiền vì lý do như vậy thật đáng thương, đáng kính biết nhường nào. Thế nào huynh cũng phải cùng về với đệ ở lại đêm nay.”

Hai người thành đôi bạn thân thiết trên đường về nhà cậu bé, một tòa nhà gỗ tráng lệ, ấm cúng, ngay giữa rừng. Nhìn bầy ngựa và đủ thứ vũ khí treo trên tường, Gengobei biết đây là tư thất của một võ sĩ. Từ tiền sảnh rộng trông ra mái hiên có thể thấy những bậc đá dẫn đến một chiếc cầu nhỏ. Bên kia cầu, trong vườn trúc là cả một chuồng chim lớn. Từ đây, anh có thể nghe thấy đủ thứ tiếng chim chóc ríu rít. Phía bên trái một chút là một căn phòng nhỏ ra có thể trông đủ mọi hướng. Vách đầy giá sách, trông ấm cúng và yên tĩnh.

“Đây là thư phòng của đệ” chàng – thiếu niên bảo Gengobei, đoạn mời anh ngồi, gọi người hầu: “Đại sư đây là khách của ta, là thầy dạy ta đọc sách. Các người hầu hạ đại sư cho chu đáo.”

Họ trải qua cả đêm hàn huyên thân mật. Rồi họ thề ước huynh đệ với nhau. Họ ước chi đêm nào cũng là đêm như thế này. Sáng sớm, phải chia tay họ rất sầu thảm.

Thiếu niên bảo: “Thôi huynh lên đường đến Koya. Lúc trở về nhớ ghé lại thăm đệ.” Nói xong, lặng lẽ đi khuất. Gengobei ra khỏi rừng, hỏi thăm một người trong làng, biết thiếu niên đó là con một vị quan trong vùng, anh càng hãi hùng hơn về người bạn mới của mình.

Hành trình của Gengobei chậm chạp, lại càng thấy khó nhọc hơn bởi lòng cứ vương vấn nơi cậu thiếu niên. Suốt dọc đường tâm trí không nghĩ gì hơn là Hachijuro và cậu thiếu niên kia. Con đường chùng ngoặt, giải thoát gì gì chẳng hề có trong đầu óc chàng nữa.

Cuối cùng, khi đến Sơn Tự ở Koya, chàng chỉ ở lại thăm viếng qua loa các nhà sư tu ở đó trong một ngày, cũng chẳng buồn bận tâm đi thăm vị đại sư sáng lập chùa nữa. Xong, chàng vội vã quay về, đi thẳng đến khu rừng để gặp cậu thiếu niên như đã hứa.

Thiếu niên đón chàng trông không thay đổi mấy kể từ lần đầu họ gặp nhau, khi cậu đang săn chim trong rừng. Hai người lại cùng vào thư phòng, Gengobei kể cho cậu nghe chuyện dọc đường. Nhưng chàng mệt nhọc vì vất vả sau cuộc hành trình dài nên liền ngủ thiếp đi, không hay biết cậu thiếu niên biến mất.

Sáng sớm, cha cậu bé ngạc nhiên khi thấy một người khách lạ ngủ trong nhà, đến lay anh dậy. Gengobei giật mình thức giấc, vội vàng giải thích mọi điều, chàng trở thành nhà sư như thế nào và chuyện đêm qua khi đến đây. Chàng kể xong, chủ nhân dang tay như thể đột nhiên hiểu ra sự nhiệm màu.

“Kỳ lạ thay! Đứa con trai tuấn tú của ta! Đời sống nó ngăn ngủi quá. Cách đây hai mươi ngày thằng bé đã qua đời. Trước khi lâm chung, nó mê sảng gọi một nhà sư nào đó. Giờ thì tôi mới hiểu nhà sư đó chính là ngài.”

Cả hai cùng bi thương hết nỗi. Gengobei chỉ muốn quyên sinh. Chứng kiến hai người mình yêu thương hết mực đã chết trong một thời gian ngắn, làm sao chàng ham muốn sống ở đời nữa. Thế nhưng, ở đời chẳng ai sinh ra để mà muốn chết cả, chàng bèn xem nỗi bất hạnh vừa qua là nghiệp báo mà mình phải chịu và tiếp tục sống nốt kiếp tu hành.

Kỳ ngộ nơi thảo am

Con người là giống tàn nhẫn, đáng khinh nhất trong vạn vật. Nếu ta nhìn lại chính mình, ta sẽ thấy mọi người – cả ta và kẻ khác – luôn luôn đòi quyền sinh khi một điều đại bất hạnh xảy ra, chẳng hạn như khi chồng ta chết yếu giữa tuổi thanh xuân, hoặc khi người vợ mà ta thề cùng đầu bạc răng long bỗng bất ngờ khuất núi khi đang độ trăng tròn. Thế nhưng, dưới những dòng lệ thấm, những dục vọng ngấm ngấm vẫn ở trong ta. Con tim ta vẫn ngóc đầu lên tìm kiếm một thứ bảo vật trên đời hoặc nó nhượng bộ trước những cám dỗ bất ngờ.

Đó là trường hợp của người đàn bà mà chồng vừa thề thào thở hơi cuối cùng xong đã nghĩ đến một ông chồng khác – chưa lấy được thì cũng ngắm nghía, lắng nghe, dự trù – nàng ta có thể tái giá với người em chồng, nàng ta cũng có thể tìm kiếm một kẻ xứng đôi trong đám quyến thuộc mà quên lãng hoàn toàn kẻ mà bao năm nàng đầu ấp tay gối. Tất nhiên, nàng ta cũng phải đọc kinh, đọc kệ, phải cắm hương hoa trên bàn thờ chồng, để cho mọi người thấy mình là một tiết phụ chính chuyên.

Người ta sẽ khó mà nhận thấy nàng kín đáo thoa lớp phấn hồng trên mặt, bồn chồn chờ lúc cởi bỏ bộ tang phục phải mang trên người. Nàng lén chải lại tóc, xức dầu thơm. Và bên trong bộ áo tang khắc khổ, xấu xí thoáng hiện lên bộ đồ thêu viền nhiều màu, trông hết sức kêu gợi.

Cũng có người đàn bà, cảm thấy cuộc sống chán chường vô vị nên cắt tóc đi tu. Nơi chốn thiền môn, nàng ta chỉ còn những giọt sương sớm để dâng cúng người chồng đang ngủ giấc ngàn thu dưới mộ. Một trong những thứ mà nàng ta phải bỏ lại khi xuất gia là chiếc áo choàng thêu hoa sắc sỡ. Nàng sẽ bảo là mình không bao giờ cần đến những chiếc áo ấy nữa, rằng sẽ cắt chúng làm vải trải bàn thờ... nhưng trong thâm tâm thì luyến tiếc vô hạn.

Thế cho nên không có gì đáng sợ bằng đàn bà. Không có gì có thể ngăn cản nàng ta khi con tim nàng đã muốn. Chính vì thế mà các góa phụ biến đi

khỏi thế gian này như những hồn ma, bởi vì chẳng bà nào có thể trung thành mãi với người đã chết. Thế cho nên có ai biết bao nhiêu đấng nam nhi phải lụy vì đàn bà.

Nhưng đó không phải là trường hợp của Gengobei. Chứng kiến hai người anh yêu thương yếu tử, thoát cũi tục lụy, ngày đêm anh miệt mài tìm con đường giải thoát cho kiếp sau.

Nơi vịnh Satsuma, gần đó có người con gái tên là Oman – tuổi mười lăm – dáng dấp yêu kiều, nhan sắc diễm lệ. Nhiều vương tôn, công tử ngấp nghé, muốn ngỏ ý với nàng. Nhưng mùa xuân năm rồi Oman đã đem lòng yêu cái bông hoa trong đám nam giới ấy là Gengobei. Nàng lén viết cho chàng bao lá thư, nhờ người bí mật đưa giùm, nhưng mãi vẫn chẳng thấy Gengobei hồi âm, bởi xưa nay chàng có bao giờ để ý đến phụ nữ đâu.

Oman đau đớn lắm, ngày đêm nàng tưởng nhớ tới anh, nàng cự tuyệt lời cầu hôn của các chàng trai khác. Rồi nàng đi đến chỗ ngã bệnh thành linh, nói năng bất thường khiến cho mọi người tưởng nàng điên. Trước nay, Oman vẫn chưa biết Gengobei đã xuất gia, mãi sau có người mới cho nàng hay. Thật như một ngọn roi khắc nghiệt quất lên nàng, nhưng rồi Oman cố trấn tĩnh, tự nhủ một ngày nào đó nàng sẽ thỏa được ước nguyện. Quả là một hy vọng hão huyền.

Nàng nghĩ: “Ôi ta thù ghét bộ áo nâu sồng của chàng. Ta phải đến gặp chàng để nói cho chàng biết ta thù ghét nó đến chừng nào!”

Nghĩ là làm, Oman giã từ bạn bè quyến thuộc như thể giã từ cõi trần để xuất gia vậy. Nàng bí mật buộc tóc lên, trông giống như một cậu con trai. Nàng đã chuẩn bị sẵn y phục để hóa trang thành một cậu thiếu niên anh tuấn. Lặng lẽ, âm thầm, nàng khởi hành đến Núi Tình – nơi có thảo am của Gengobei.

Oman đến núi vào tháng Mười. Theo lời người ta chỉ dẫn, nàng đi xuyên qua khu rừng bách hương, qua khỏi rừng là những mỏm đá lởm chởm nhọn hoắt, đến một dòng suối chảy dưới vực sâu thăm thẳm đến hút hồn. Chiếc cầu bắc qua suối là những thanh gỗ mục dường như không chịu đựng nổi

thân thể mảnh mai của Oman. Vừa bước qua cầu, vừa nhìn xuống khe, nàng rùng mình tưởng chừng như sẽ tan xác dưới vực. Bên kia cầu là thảo am dựng nép bên bờ đá, mái hiên phủ dây leo, nước nhỏ thánh thót, trông rất thâm u tịch mịch.

Cửa sổ phía nam thảo am để hở. Oman đưa mắt nhìn qua, rõ là chỗ ở đơn sơ đạm bạc của người tu hành. Một chiếc lò ọp ẹp, trong là mấy thanh củi còn đang cháy dở. Có hai tách trà, nhưng chẳng thấy thìa, muỗng gì cả.

“Chàng sống đạm bạc thay” – nàng than thở khi quan sát khắp phòng – “Đức Phật hẳn hài lòng khi thấy một người tu hành thanh tịnh như thế này.”

Thấy nhà sư đi vắng, Oman rất đổi thất vọng, “Chàng đi đâu nhỉ?” – nàng hỏi, nhưng chung quanh có ai đâu mà trả lời. Chung quanh nàng chỉ có những cây thông trơ trọi, nàng cũng chẳng biết làm gì ngoài việc chờ đợi, cô đơn, tiêu tụy giữa những cây thông già cỗi.

Một lát sau, nàng thử đẩy cửa. Cửa mở, bước vào bên trong, thấy trên bàn có một cuốn sách. Đọc nhan đề thấy là cuốn “*Chiếc giường chờ đợi*” nói về nguồn gốc tình yêu của nam giới.

Nàng nhủ thầm: “Xem ra, chàng vẫn chưa từ bỏ được tình yêu.”

Nàng định đọc cuốn sách trong khi đợi chủ nhân về, nhưng trời đã tối không còn nhìn thấy chữ. Nàng không tìm thấy đèn để thắp nên phải chờ đợi trong bóng tối, càng lúc nàng càng thấy đơn độc. Tình yêu chân chính quả thật đã giúp người ta chịu đựng được tất cả.

Đến nửa đêm Gengobei mới trở về, soi đường nhờ một cây đuốc ánh lửa yếu ớt. Chàng đến gần thảo am – nơi Oman đang sốt ruột chờ, nàng thấy dường như có hai người trẻ tuổi từ bụi cây héo úa hiện ra tiến lại phía Gengobei. Hai cậu đều đẹp như nhau, người thì như kim chi, kẻ thì như ngọc diệp. Có vẻ hai thiếu niên ghen nhau, kẻ trừng người háy. Cả hai hăm hở tiến lại gần Gengobei, nhưng chàng chỉ có một mình biết chọn ai.

Thấy vẻ mặt đờn đau, giăng xé của Gengobei, Oman cảm thấy tội cho chàng quá. Nhưng đồng thời, cảnh ấy cũng làm cho nàng ngả lòng.

Nàng chua chát nghĩ: “Chàng có quá đủ người yêu rồi, mình làm sao chen vào được nữa. Mình chỉ gặp chàng để giải bày hết tấm lòng rồi thôi.”

Oman bèn tiến về phía Gengobei, bước đi quả quyết khiến hai thiếu niên hoảng sợ và vụt biến vào đêm tối. Nàng đứng sững, ngạc nhiên vì việc hai người thoát biến trong khi Gengobei thì ngạc nhiên vì sự hiện diện của nàng.

“Chàng trẻ tuổi kia, người là ai vậy?” – Chàng hỏi.

“Như ngài thấy, tôi là một kẻ vướng vào tình yêu. Thừa đại sư, tôi đã nghe nói rất nhiều về ngài nên tôi liều thân vượt bao dặm đường đến đây để gặp mặt ngài. Nhưng những tình nhân vừa rồi của ngài... tôi đâu có hay. Thế ra, tôi đã yêu ngài vô vọng. Tôi đã nhầm lẫn.”

Trong lúc nàng đang thốn thức thì Gengobei vỗ tay sung sướng: “Làm sao mà ta ghê lạnh với một mối tình như thế được.” Chàng kêu lên trong khi con tim yếu đuối của chàng như bật ra với nàng. “Hai cậu thiếu niên mà người thấy vừa rồi đã chết từ lâu, đó chỉ là ảo ảnh mà thôi.”

Oman khóc và chàng cũng khóc theo, “Hãy yêu tôi như yêu họ,” nàng van nài, “Xin đừng đuổi tôi đi.”

Chàng ôn nhu nói: “Khó mà vượt qua nỗi tình yêu, ngay cả đối với kẻ xuất gia đi nữa.”

Chắc đức Phật cũng tha thứ cho chàng thôi. Nói cho cùng, Gengobei đâu biết người yêu của mình là gái.

Đa dạng là hương vị của tình yêu

“Khi huynh mới xuất gia, huynh đã phát thệ với đức Phật là huynh sẽ không yêu một người đàn bà nào. Nhưng huynh cũng biết rằng mình rất khó mà từ bỏ tình yêu đồng giới. Cho nên, huynh mới xin ngài hãy khoan dung cho huynh trong chuyện này. Thế là bây giờ không ai có thể cấm huynh việc này, vì ngay từ đầu huynh đã thẳng thắn trình bày với đức Phật rồi kia mà. Còn đệ, vì thương huynh mà đi suốt bao dặm đường tìm kiếm huynh, thì sau này đệ đừng bỏ huynh đấy nhé.”

Gengobei nói nửa thật nửa đùa. Oman véo đùi chàng, ôm ngực cố nén cười.

Oman nghiêm trang nói: “Bây giờ huynh hãy lắng nghe đệ nói đây. Đệ hết sức cảm thương cho những điều khổ tâm đã qua của huynh, và việc huynh phải thí phát thật là điều đau xót. Việc đệ đi đến đây chứng tỏ đệ quan tâm đến huynh nhường nào. Vì yêu huynh mà đệ đã phải liều thân. Bây giờ huynh phải hứa với đệ là từ đây huynh không được nghĩ đến một người đàn ông nào khác nữa. Ngay cả nếu những lời đệ nói không đúng với huynh hoàn toàn, huynh cũng phải nghe lời đệ nhé. Khi huynh đã thề ước với đệ xong, đệ sẽ hiến dâng cho huynh tất cả và hứa sẽ yêu huynh ngay cả sau khi đệ chết.”

Đối với Gengobei đó thật là một điều rồ dại, nhưng chàng vẫn trang trọng thề ước: “Đối với một con tim như thế này ta sẽ làm tất cả, ngay cả nếu như phải từ bỏ cửa Thiền ta cũng làm.”

Lòng rạo rức ham muốn, Gengobei luôn tay vào vạt áo Oman và cảm thấy tấm thân nàng... Lạ thật, người yêu của chàng không mang áo lót đàn ông với những sợi dây buộc quanh hông.

Vẻ kinh ngạc của Gengobei làm Oman vui thích, nhưng đến lượt nàng ngạc nhiên khi thấy chàng lấy một vật gì đó trong túi ra và bỏ vào mồm

nhai.

“Huynh làm gì vậy?” – Nàng hỏi.

Gengobei không trả lời, giấu vật đó lại trong túi áo. Đó là một loại *nigiri*^[16]. Oman cảm thấy buồn cười và nằm úp mặt xuống giường.

Gengobei tháo chiếc khăn trên đầu Oman, loại khăn dùng cho các chàng trai, hẹp và buộc ở phía sau đầu. Chàng chột nghĩ người yêu có thể bị lạnh vì không quen với khí hậu vùng núi, chàng vội trùm chiếc áo ngủ bằng bông lên người Oman.

“Nào!” – Chàng vừa nói vừa gãi đầu lên cánh tay nàng.

Gengobei ngạc nhiên vô độ. Chàng cẩn thận ngắm nhìn và nhận thấy khuôn mặt dịu dàng của người yêu mình là khuôn mặt phụ nữ. Khám phá này làm cho chàng tê cứng người. Rồi chàng toan vùng dậy nhưng Oman đã ôm chặt lấy chàng.

“Vừa rồi, chàng đã hứa sẽ làm theo điều em nói, bất kể là điều gì. Chàng sớm quên vậy sao? Em là Oman, con gái của gia đình Ryukyu. Năm rồi, em gửi hết lá thư này đến lá thư khác thế mà chàng nhẫn tâm không trả lời. Em phải giấu nỗi đau trong lòng, em biết làm gì hơn là cải nam trang để đến gặp chàng ở đây? Chàng nữ trách em vì điều đó sao?”

Vừa thủ thi, Oman vừa áp tấm thân thanh xuân diễm lệ của nàng vào người Gengobei. Chẳng mấy chốc Gengobei lại thấy rạo rức ham muốn nàng.

“Thế ra, yêu một người đàn ông hay một người đàn bà có khác gì đâu!” - Gengobei kêu lên trong nỗi đam mê điên cuồng, nỗi đam mê của tất cả chúng sinh trên thế giới này.

Đó là bể ái thường tình của chúng ta. Dầu có là cạm bẫy đi nữa, mấy ai có thể từ chối.

Người có quá nhiều vàng bạc

Phải một năm tóc mới mọc dài lại được. Khi vất bỏ bộ râu sồng, chàng trở lại thành chàng thanh niên Gengobei anh tuấn ngày xưa.

Ở trên núi không có lịch, người ta biết mùa bằng cách xem hoa nở hoa rụng. Lúc đó là vào tháng Giêng, khi Gengobei từ bỏ con đường tu hành để trở lại với cuộc sống hoan lạc trần thế. Đầu tháng Hai, chàng đến gặp một người bạn cũ sống ở Kagoshima và xin thuê của bạn một mái nhà tranh nhỏ để cùng sống với Oman. Nhưng chẳng có phương tiện gì sinh sống, Gengobei phải đến nhà cha mẹ chàng, nhưng thấy nhà chàng đã bán vào tay người khác. Đứng trước cổng tòa nhà đồ sộ nguy nga, chàng thấy lòng đau như cắt.

Chàng hỏi một người lạ về cha chàng thì nghe bảo: “Tôi nghe nói trước đây ông ta giàu có và tốt bụng lắm. Ông ta có một đứa con trai tên là Gengobei, là một chàng trai khôi ngô nhất trong vùng này, nhưng cũng là một tên nô lệ của ái tình. Trong tám năm, Gengobei đã tiêu đi hết tám ngàn cân bạc trong hoan lạc, làm khánh kiệt gia sản của cha, đến nỗi ông ta phải bán nhà bán cửa, đi nơi khác. Người ta bảo rằng Gengobei đó xuất gia thành nhà sư, chẳng qua cũng do lụy vì tình. Anh có thể tưởng tượng nổi một con người như vậy không? Ai nói về hẳn cũng bảo: “Tôi ước chi được gặp tên vô lại đó một lần để cho hẳn biết tay.””

“Tên vô lại đó ở đây này,” Gengobei tự nhủ, chàng túi hồ kéo chiếc nón rơm che khuất mặt.

Chàng lại trở về ngôi nhà tranh, ban đêm không có đèn để thắp và ban sớm lạnh không có củi để sưởi. Điều bi thảm nhất là vì đói kém đến như thế nên yêu nhau cũng không muốn nổi. Đôi tình nhân nằm chung trên một gối nhưng chẳng có điều gì để nói với nhau trước khi ngủ.

Đến ngày Lễ Tháng Ba, bên ngoài mọi người vui đùa, đá gà, múa lân và đủ các trò chơi khác thì trong nhà tranh, đôi tình nhân phải trải qua một ngày âm đạm. Họ không còn một chút gì để có thể đặt lên khay cúng trên bàn thờ. Họ bèn bẻ một nhánh hoa đào dại và cắm vào chai rượu sa-kê rỗng vì từ lâu họ cũng hết sạch rượu rồi. Đêm xuống, họ lại đi ngủ cho đến ngày hôm sau.

Một hôm, đang nghĩ cách kiếm sống, họ chợt nảy ra ý nghĩ dựng một vở hát mà họ đã từng xem diễn ở Kyoto. Lập tức, Gengobei hóa trang mặt mình bằng một bộ râu giả, sắm vai nô lệ của Ái tình. Trông anh giống hệt hình ảnh của diễn viên nổi tiếng Arashi-Sanemon, ngoại trừ nghệ thuật anh còn vụng về vì anh mới tập sự. Thế là anh hát:

“Gengobei, người đi đâu?

Đi đến những ngọn đồi ở Satsuma,

Với một bao gươm đáng giá ba xu,

Và chuôi gươm đáng giá hai xu,

Còn thanh gươm bên trong thì bằng gỗ trắc.”

Đi từ làng này sang làng khác, trong khi Gengobei hát lớn những lời như trên cho trẻ con nghe, thì Oman mặc những bộ áo bạc màu múa may làm điệu bộ theo điệu tuồng *Kabuki*^[17]. Họ cùng nhau sống trong một thế giới mà nước mắt cũng đầy như sương sớm. Thật không dễ gì sống bằng tình yêu. Họ mất dần hết phẩm cách, càng ngày càng ăn mặc rách rưới hơn, cho đến khi nhan sắc ngày xưa của họ cũng tàn phai. Trong cõi đời bạc ác này, có ai thương hại họ đâu. Họ bất lực trước số phận như cành hoa tử đinh hương héo úa rồi tàn. Họ nguyện rửa bằng hữu, thương xót chính mình. Có vẻ như ngày chung cuộc đã đến với họ.

Thế rồi đột nhiên song thân Oman đến gặp, sau một thời gian dài quanh quất đi tìm con gái khắp nơi. Họ gặp được nàng, thật là đại đoàn viên. Thấy con gái yêu mê Gengobei, song thân Oman quyết định để họ thành vợ chồng và trao nhà cửa, gia tài cho hai người. Cả một đoàn kẻ hầu người hạ hộ tống hai người về đến nhà, mọi người đều hân hoan thấy Oman trở lại.

Ngày cưới được định và chìa khóa kho tàng gia đình được trao cho Gengobei. Khi căn hầm được mở ra, Gengobei chóa mắt vì thấy ngọc ngà, châu báu, vàng bạc không kể xiết. Hàng núi quần áo, lụa là, hàng trăm của quý vật lạ từ Trung Hoa, Ấn Độ, Ba Tư,... Tóm lại, như thế các kho tàng trên thế giới đều tích tụ tại đây.

Hạnh phúc quá, Gengobei bật khóc.

“Ta có thể mua tất cả những người đẹp ở Edo, Kyoto, ở Osaka. Ta có thể tài trợ cho tất cả các gánh hát. Ta biết làm gì đây vì cả đời ta cũng không tiêu hết nổi tài sản này.”

Chú thích

[1] Ueda Akinari, "Hẹn mùa hoa cúc", Nguyễn Trọng Định dịch, Nxb Kim Đồng, 2000, trang 83.

[2] "Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản", Nguyễn Nam Trân, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011, trang 223.

[3] Ihara Saikaku, "Năm người đàn bà si tình", Phạm Thị Nguyệt dịch, Nhà xuất bản Tổng hợp Tiền Giang, 1988, trang 29.

[4] Ueda Akinari, "Hẹn mùa hoa cúc", Nguyễn Trọng Định dịch, Nxb Kim Đồng, 2000, trang 7.

[5] Kinh Pháp Cú, Lời Phật dạy, Thích Thiện Siêu và Thích Minh Châu dịch, Nxb Hồng Đức, 2014, trang 201.

[6] Một loại bột gạo dùng để làm bánh.

[7] Tác giả nhắc đến bài thơ của Narihira thế kỷ IX. Bị đày ải, Narihira khao khát được gặp người yêu và nhờ con chim miyako mang tin nàng đến cho chàng.

[8] Theo một tập tục xuất phát từ thời Trung đại ở Nhật, một người đàn ông thề nguyện yêu thương với một cậu trai nhỏ tuổi hơn. Người “thệ huynh” này hứa nuôi nấng và bảo vệ “người em”, ngược lại, người em phải vâng lời và thủy chung với người “thệ huynh”. Khi Kichisaburo yêu Oshichi thì anh đã phá hủy lời thề trung thành với người “thệ huynh” của mình trước kia. (Chú thích của bản Tiếng Anh).

[9] Daikyoji.

[10] Komachi là nữ thi sĩ và là một mỹ nhân nổi tiếng ở nước Nhật, có một thời gian là người yêu Hoàng đế Nimmyo (834 - 850), sau cự tuyệt tất cả mọi kẻ đến cầu hôn, cuối cùng hành khất và chết.

[11] Hôn nhân trong họ hàng kiểu này không cấm đoán, theo phong tục Nhật Bản.

[12] Do một người nào đó ném xuống giếng để trừ ếm kẻ khác.

- [13] Một quái vật mũi dài, có cánh – trong thần thoại dân gian Nhật Bản.
- [14] Dùng làm nước rửa (Chú thích của bản tiếng Anh).
- [15] Một thứ bánh được làm bằng bột gạo với cá, trứng.
- [16] Loại sushi có năm cơm hình bầu dục, được ép bằng tay, có thể được làm với rất nhiều loại thịt ở trên cùng.
- [17] Kịch truyền thống của Nhật Bản với hát và múa, chỉ do nam tài tử biểu diễn.

Table of Contents

Thế giới của yêu ma và tấn tuồng đời khinh bạc

Tác giả

Chuyện về nàng Oshichi si tình

Một năm mới tối tăm cho những cặp tình nhân mới

Trong tiếng sấm mùa xuân

Nơi trú ẩn êm đềm trong đêm bão tuyết

Vĩnh biệt cánh hoa đào

Đột nhiên quyết định xuất gia

Chuyện về Seijuro Ở Himeji

Bóng tối là thời gian cho tình yêu, tình lấy đêm làm ngày.

Những bức thư trong làn vải của chiếc khăn quàng

Trong tiếng trống của người múa lân

Người đàn ông bỏ quên túi thư nơi quán

Bảy trăm đồng tiền vàng được tìm thấy quá muộn màng

Chuyện về vị phu nhân đa tình

Cuộc tranh luận về mỹ nhân

Kẻ ngủ nhầm chỗ

Trầm mình trong hồ nước

Trên đường bắt đầu lại cuộc sống

Nhớ chốn cũ, lên về Kinh

Chuyện nàng Osen đa tình

Người đàn ông si tình bất hạnh

Mụ phù thủy sau buổi dạ vũ

Đôi tình nhân lén gặp gỡ, dịu ngọt như nước ở Kyoto

Lửa nung trong lò, lửa cháy trong tim

Đời sống ngăn ngùi hơn lửa dăm bào

Gengobei, núi tình

Điệu sáo chấm dứt bằng một nốt nhạc buồn

Đời sống của cậu bé bắt chim cũng ngăn ngòi như đời sống của chính con chim

Kỳ ngộ nơi thảo am

Đa dạng là hương vị của tình yêu

Người có quá nhiều vàng bạc